LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu:

Hiện nay xu hướng toàn cầu hóa được các nước đặt vào guồng quay của sự cạnh tranh khốc liệt về mọi mặt, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế. Việt Nam cũng không nằm ngoài guồng quay đó.

Trong bối cảnh nước ta đã gia nhập tổ chức kinh tế thế giới WTO trong những năm vừa qua, đất nước ta đã không ngừng nỗ lực phấn đấu phát triển kinh tế, đổi mới cơ chế kinh tế cho phù hợp với tiến trình hội nhập, cạnh tranh của khu vực và quốc tế.

Một công cụ rất quan trọng phục vụ đắc lực cho việc quản lí kinh tế quốc dân nói chung và quản lí doanh nghiệp nói riêng là công tác kế toán. Kế toán giúp cho các doanh nghiệp, các cổ đông, các nhà quản lí thấy rõ được thực chất quá trình sản xuất kinh doanh bằng những số liệu chính xác, cụ thể, khách quan và khoa học. Là một trong những thành phần quan trọng của kế toán, kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm với chức năng giám sát và phản ánh trung thực, kịp thời các thông tin về chi phí sản xuất phát sinh trong kì, tính đúng, tính đủ chi phí sản xuất vào giá thành sản phẩm sẽ giúp cho các nhà quản trị chỉ ra được phương án, biện pháp sử dụng tiết kiệm, hiệu quả chi phí sản xuất nhằm hạ giá thành sản phẩm. Hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là công cụ hữu hiệu giúp cho các nhà quản trị lựa chọn phương án sản xuất tối ưu, xác định được tính khả thi của phương án đó, đồng thời định vị được giá bán sản phẩm, đảm bảo sản xuất kinh doanh có lãi.

Trong thời gian thực tập tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải, một đơn vị chuyên sản xuất và kinh doanh đồ nội thất gia đình, nội thất văn phòng, nội thất trường học….công việc theo dõi tính toán giá thành của mỗi sản phẩm chiếm phần lớn trong công việc kế toán của Công ty. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm dối với Công ty, em đã chọn đề tài: ***"Hoàn thiện tổ chức***

công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nhằm tăng cường công tác quản lí chi phí tại Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải" cho nghiên cứu khoa học của mình với mong muốn tìm hiểu cụ thể hơn cách vận dụng công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp nói chung và tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải nói riêng và hy vọng sẽ đưa ra được các biện pháp thiết thực hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nhằm nâng cao công tác quản lí chi phí tại Công ty.

- Mục đích nghiên cứu của đề tài:

Trên cơ sở tìm hiểu tổng quan về kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp, đồng thời qua nghiên cứu thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải năm 2012 từ đó đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty này.

- Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

Đối tượng nghiên cứu: Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành trong doanh nghiệp.

Phạm vi nghiên cứu: Bsì nghiên cứu trình bày kết quả nghiên cứu về đối tượng nêu trên trong phạm vi một doanh nghiệp cụ thể, đó là Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải.

- Phương pháp và thiết bị nghiên cứu của đề tài

-Phương pháp tổng hợp so sánh

-Phương pháp thống kê

-Phương pháp liên hệ

-Phương pháp chuyên gia

Các kỹ thuật, nghiệp vụ cơ bản sử dụng trong kế toán quản trị: thiết kế thông tin dưới dạng so sánh được, phân loại chi phí đáp ứng các mục tiêu cụ thể, trình bày thông tin dưới dạng phương trình, mô hình và đồ thị.

- Dự kiến kết quả nghiên cứu của đề tài:

- Đóng góp về mặt khoa học, phục vụ công tác đào tạo:

Là tài liệu chuyên ngành kế toán và quản trị phục vụ cho các môn học như:

kế toán tài chính, kế toán quản trị, quản trị tài chính, phân tích hoạt động kinh doanh…

- Những đóng góp liên quan đến DN:

Những giải pháp đưa ra trong công trình nghiên cứu sẽ góp phần hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng trong doanh nghiệp.

- Ý nghĩa lí luận và thực tiễn của đề tài:

- Ý nghĩa lí luận của đề tài

Đề tài nghiên cứu khoa học này góp phần hệ thống hóa được các vấn đề lí luận cơ bản về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất.

- Ý nghĩa thực tiễn

Trên cơ sở khảo sát thực tế, phân tích, đánh giá, chỉ rõ những ưu điểm cần phát huy và những hạn chế cần nghiên cứu; những kiến nghị mà nghiên cứu khoa học đưa ra nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải. Đồng thời chỉ rõ những điều kiện cần thiết phải thực hiện của doanh nghiệp để tăng tính khả thi cho các giải pháp hoàn thiện.

- Kết cấu của đề tài nghiên cứu khoa học:

Ngoài phần mở đầu, kết luận, nội dung đề tài gồm 3 chương:

Chương 1: **Những vấn đề lý luận chung về tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất.**

Chương 2: **Thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải.**

Chương 3**: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nhằm tăng cường công tác quản lí chi phí tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải.**

Chương I
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1. Những vấn đề chung về tổ chức công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất.

Trong điều kiện kinh tế thị trường, yếu tố lợi nhuận được đặt lên vị trí hàng đầu nên bất cứ một nhà sản xuất nào cũng phải quan tâm đến chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Vì giá thành sản phẩm là một chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, phản ánh chất lượng, hoạt động sản xuất, kết quả sử dụng các loại tài sản vật tư, lao động, tiền vốn trong quá trình sản xuất, cũng như các giải pháp kinh tế, kĩ thuật nhằm sản xuất được nhiều nhất với chi phí tiết kiệm và giá thành hạ thấp nhất. Như vậy để tồn tại và phát triển được trong bối cảnh thị trường cạnh tranh khốc liệt, các doanh nghiệp phải tìm mọi cách để nâng cao chất lượng sản phẩm cải tiến mẫu mã sản phẩm phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng. Bên cạnh đó doanh nghiệp phải tìm mọi biện pháp để tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ thấp giá thành sản phẩm. Việc hạ giá thành sẽ tạo ưu thế cho doanh nghiệp cạnh tranh, tiêu thụ sản phẩm, thu hồi vốn nhanh và thu lợi nhuận lớn. Do vậy kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm là nội dung không thể thiếu được trong toàn bộ nội dung tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp.

1.1.2. Vai trò của tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất.

Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là những chỉ tiêu kinh tế quan trọng trong hệ thống các chỉ tiêu kinh tế phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp nên rất được các chủ doanh nghiệp quan tâm. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cung cấp những thông tin cần thiết về

CPSX và giá thành sản phẩm giúp các nhà quản trị đưa ra các biện pháp tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Vì vậy kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm giữ vai trò cực kỳ quan trọng trong các doanh nghiệp sản xuất.

1.1.3. Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

1.1.3.1. Chi phí sản xuất và phân loại chi phí sản xuất.

1.1.3.1.1. Chi phí sản xuất.

Chi phí sản xuất của doanh nghiệp là toàn bộ hao phí về lao động sống, lao động vật hóa và các chi phí cần thiết khác mà doanh nghiệp phải chi ra trong quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm trong một thời kì nhất định, biểu hiện bằng tiền để tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Xét trên bình diện doanh nghiệp, chi phí luôn có tính chất cá biệt bao gồm tất cả các chi phí mà doanh nghiệp phải chi ra để tồn tại và tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, bất kể đó là các chi phí cần thiết hay không cần thiết.

Nội dung của chi phí sản xuất(CPSX): CPSX không những bao gồm những yếu tố lao động sống cần thiết liên quan đến sử dụng lao động(tiền lương, tiền công), lao động vật hóa(khấu hao tài sản cố định, chi phí về nguyên vật liệu…) mà còn bao gồm một số khoản mà thực chất là một phần giá trị mới sáng tạo ra(BHYT, BHXH, KPCĐ, các loại thuế không được hoàn lại…)

1.1.3.1.2. Phân loại chi phí sản xuất.

- Phân loại chi phí sản xuất:

Chi phí sản xuất bao gồm nhiều khoản có nội dung, công dụng và mục đích sử dụng khác nhau. Vì vậy để phục vụ cho công tác quản lí nói chung, và công tác kế toán nói riêng, cần phân loại chi phí sản xuất theo tiêu thức thích hợp.

- Phân loại chi phí sản xuất theo nội dung kinh tế của chi phí:

✓ *Chi phí nguyên vật liệu*: Là toàn bộ chi phí về nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, phụ tùng thay thế…

✓ *Chi phí nhân công*: Toàn bộ số tiền lương phải trả và các khoản trích theo lương phải trả cho người lao động.

- ✓ *Chi phí khấu hao tài sản cố định*: Phản ánh tổng số khấu hao tài sản cố định phải trích trong kì.
- ✓ *Chi phí dịch vụ mua ngoài*: Là toàn bộ số tiền phải trả cho người cung ứng dịch vụ mua ngoài phục vụ hoạt động sản xuất.
- ✓ *Chi phí bằng tiền khác*: Là các chi phí khác dùng cho sản xuất kinh doanh ngoài các yếu tố trên.

Cách phân loại này cho biết được cơ cấu, tỉ trọng của từng yếu tố chi phí của doanh nghiệp, là cơ sở của việc tập hợp và xây dựng kế hoạch và lập báo cáo chi phí sản xuất theo yếu tố chi phí.

- Phân loại chi phí sản xuất theo mục đích và công dụng của chi phí:

- ✓ *Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp*: Nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu…. sử dụng trực tiếp vào sản xuất và chế tạo sản phẩm.
- ✓ *Chi phí nhân công trực tiếp*: là chi phí về tiền lương và các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp sản xuất.
- ✓ *Chi phí sản xuất chung*: Chi phí này được dùng cho các hoạt động sản xuất chung tại các bộ phận sản xuất(phân xưởng, đội, trại…) gồm chi phí nhân viên phân xưởng, chi phí vật liệu, chi phí dụng cụ sản xuất, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác….

Cách phân loại này có tác dụng phục vụ cho việc quản lí theo định mức, là cơ sở cho kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo khoản mục, là căn cứ để phân tích tình hình thực hiện kế hoạch và định mức chi phí cho kì sau.

- Theo mối quan hệ với khối lượng sản phẩm công việc, lao vụ sản xuất trong kì(theo mối quan hệ với quy mô sản xuất):

- ✓ *Chi phí biến đổi(biến phí)*: Là những chi phí có sự thay đổi trực tiếp về lượng tương quan tỉ lệ thuận với sự thay đổi của khối lượng sản phẩm sản xuất trong kì hay quy mô sản xuất như: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí hoa hồng bán hàng, chi phí điện nước…

- ✓ *Chi phí cố định(định phí)*: Là những chi phí không thay đổi(hoặc thay đổi không đáng kể) về tổng số khi có sự thay đổi khối lượng sản phẩm sản xuất trong mức độ nhất định như: chi phí khấu hao tài sản cố định theo phương pháp bình quân, chi phí tiền lương phải trả cho cán bộ, nhân viên quản lí, chi phí tài sản, văn phòng.

Theo cách phân loại này giữa chi phí và khối lượng sản phẩm công việc, lao vụ, dịch vụ thành chi phí khả biến và chi phí bất biến.

- Phân loại chi phí sản xuất theo phương pháo tập hợp chi phí và mối quan hệ với đối tượng chịu chi phí.

Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất được phân thành hai loại:

- ✓ *Chi phí trực tiếp*: Những chi phí sản xuất quan hệ trực tiếp với việc sản xuất ra một loại sản phẩm, một công việc nhất định. Những chi phí này kế toán có thể căn cứ vào số liệu, chứng từ kế toán để ghi trực tiếp vào từng đối tượng chịu chi phí.
- ✓ *Chi phí gián tiếp*: Là những chi phí sản xuất có liên quan đến việc sản xuất ra nhiều loại sản phẩm, nhiều công việc. Những chi phí này kế toán phải tiến hành phân bổ cho các đối tượng liên quan theo một tiêu chuẩn thích hợp.

- Phân loại chi phí theo lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp.

Theo lĩnh vực kinh doanh, các chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được chia làm:

- ✓ *Chi phí sản xuất*: gồm chi phí liên quan đến việc chế tạo sản phẩm hoặc thực hiện những công việc dịch vụ trong phạm vi phân xưởng.
- ✓ *Chi phí bán hàng*: là những chi phí phát sinh liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.
- ✓ *Chi phí quản lí*: gồm các chi phí phục vụ cho việc quản lí, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và các chi phí phục vụ sản xuất chung phát sinh ở doanh nghiệp.
- ✓ *Chi phí tài chính*: gồm các khoản chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, liên doanh, liên kết, cho vay, cho thuê tài sản…

- ✓ *Chi phí khác*: gồm các chi phí liên quan đến các hoạt động khác chưa được kể ở trên.

Mỗi cách phân loại có ý nghĩa riêng phục vụ cho từng yêu cầu quản lí và từng đối tượng cung cấp các thông tin cụ thể trong từng thời kì nhất định.

1.1.3.2. Giá thành sản phẩm và phân loại giá thành sản phẩm.

1.1.3.2.1. Giá thành sản phẩm.

Giá thành sản phẩm là một chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh kết quả sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn trong quá trình sản xuất cũng như tính đúng đắn của các giải pháp kinh tế, công nghệ, kĩ thuật mà doanh nghiệp đã sử dụng nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hạ thấp chi phí, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa có liên quan đến khối lượng công việc, lao vụ, dịch vụ đã hoàn thành. Giá thành còn là một căn cứ quan trọng để định giá bán và xác định hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp.

1.1.3.2.2. Phân loại giá thành.

- Phân loại giá thành theo thời gian và cơ sở số liệu tính giá thành.

- ✓ *Giá thành kế hoạch*: Là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở chi phí sản xuất kế hoạch và sản lượng kế hoạch. Giá thành kế hoạch là mục tiêu phấn đấu của doanh nghiệp, là căn cứ để phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và kế hoạch hạ giá thành của doanh nghiệp.
- ✓ *Giá thành định mức*: Là giá thành kế hoạch được tính trên cơ sở định mức chi phí hiện hành và chỉ tính cho một đơn vị sản phẩm. Giá thành định mức là công cụ quản lí định mức của doanh nghiệp, là thước đo chính xác để xác định kết quả sử dụng tài sản, vật tư, lao động, giúp cho việc đánh giá đúng đắn các giải pháp kinh tế kĩ thuật mà doanh nghiệp đã thực hiện trong quá trình sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- ✓ *Giá thành thực tế*: Là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở số liệu chi phí sản xuất thực tế đã phát sinh trong quá trình sản xuất tập hợp được trong kì. Giá thành thực tế là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, là cơ sở để

xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Phân loại giá thành theo phạm vi phát sinh chi phí.

Theo cách phân loại này, giá thành được chia thành hai loại:

- ✓ *Giá thành sản xuất(giá thành công xưởng)*: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung tính cho sản phẩm công việc, lao vụ hoàn thành. Giá thành sản xuất được dùng để ghi sổ kế toán thành phẩm nhập kho hoặc giao cho khách hàng là căn cứ để tính giá vốn hàng bán, lãi gộp trong kì.
- ✓ *Giá thành toàn bộ(giá thành tiêu thụ)*: Là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm bao gồm giá thành sản xuất và chi phí bán hàng, chi phí quản lí doanh nghiệp tính cho sản phẩm đó. Giá thành toàn bộ của sản phẩm là căn cứ tính toán xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.3.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

Về bản chất chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là hai khái niệm giống nhau nhưng lại có khác nhau ở các phương diện:

- ✓ Chi phí sản xuất luôn gắn liền với thời kì đã phát sinh chi phí còn giá thành sản phẩm thì gắn với khối lượng sản phẩm, công việc, lao vụ đã hoàn thành.
- ✓ Chi phí sản xuất trong kì bao gồm cả những chi phí sản xuất ra những sản phẩm hoàn thành, sản phẩm hỏng, sản phẩm dở dang cuối kì nhưng lại có liên quan tới chi phí của sản phẩm dở dang kì trước chuyển sang.

Tuy nhiên chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm lại có mối quan hệ mật thiết với nhau vì chúng biểu hiện bằng tiền của chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra cho hoạt động sản xuất. Chi phí trong kì là căn cứ để tính giá thành sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành.

1.1.4. Nhiệm vụ của tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất.

Để đảm bảo tốt vai trò của mình, kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm có các nhiệm vụ chính sau:

- Căn cứ vào đặc điểm sản xuất và quy trình công nghệ, đặc điểm tổ chức sản phẩm của DN mà xác định đối tượng và cách tính tập hợp chi phí sx & tính giá thành sản phẩm cho phù hợp.

- Tổ hợp ghi chép và phân tích tổng hợp chi phí sản xuất theo từng phân xưởng, đội tổ, từng giai đoạn sản xuất, theo các yếu tố chi phi, theo các khoản mục giá thành sản phẩm và công việc.

- Tổ chức hợp lý và phân bổ từng loại chi phí SXKD theo đúng đối tượng tập hợp chi phí đã xác định bằng phương pháp thích hợp đối với từng loại chi phí và tập hợp chi phí theo khoản mục, theo yếu tố chi phí quy định.

- Thường xuyên kiểm tra đối chiếu và định kỳ phân tích tình hình thực hiện các định mức chi phí đối với chi phí trực tiếp, các dự toán chi phí đối với chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng, chi phí QLDN để đề xuất các biện pháp tăng cường quản lý tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm. Định kỳ báo cáo chi phí sản xuất theo đúng chế độ, đánh giá sản phẩm dở dang một cách khoa học hợp lý, xác định giá thành và hạch toán giá thành sản phẩm hoàn thành trong kỳ một cách chính xác nhất.

1.2. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất.

1.2.1. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

* Đối tượng kế toán chi phí sản xuất.

Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là các loại chi phí được thực hiện trong một phạm vi, giới hạn để tập hợp chi phí nhất định nhằm phục vụ cho việc kiểm tra, phân tích chi phí và tính giá thành sản phẩm.

- Các chi phí phát sinh cần được tập hợp theo phạm vi, giới hạn có thể là:

+ Cho toàn doanh nghiệp, toàn bộ quy trình công nghệ giai đoạn sản xuất

+ Theo từng phân xưởng, từng giai đoạn công nghệ sản xuất

+ Theo từng sản phẩm, chi tiết sản phẩm, theo đơn đặt hàng.

- Căn cứ xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất

+ Đặc điểm tổ chức sản xuất: sản xuất đơn chiếc hay sản xuất hàng loạt, khối lượng lớn hay nhỏ.

+ Đặc điểm công dụng của chi phí: nếu là chi phí trực tiếp thì đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng sản phẩm. Nếu là chi phí chung thì đối tượng kế toán tập hợp chi phí là từng phân xưởng.

+ Địa điểm phát sinh chi phí và mục đích công dụng của chi phí.

+ Trình độ quản lý sản xuất kinh doanh và yêu cầu hạch toán kinh doanh của doanh nghiệp.

* Đối tượng tính giá thành sản phẩm.

Đối tượng tính giá thành là các loại sản phẩm, công việc, lao vụ do doanh nghiệp sản xuất ra cần phải tính được tổng giá thành và giá thành đơn vị. Xác định đối tượng tính giá thành là công việc cần thiết đầu tiên trong toàn bộ công việc tính giá thành sản phẩm của kế toán. Bộ phận kế toán tính giá thành phải căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm, tính chất sản phẩm và cung cấp sử dụng sản phẩm.

Đối tượng tính giá thành sản phẩm được xác định dựa trên các phương diện sau:

▪ *Xét về mặt tổ chức sản xuất:*

+ Doanh nghiệp tổ chức sản xuất đơn chiếc(ví dụ như xí nghiệp đóng tàu, công ty xây dựng cơ bản…) thì từng sản phẩm, từng công việc là đối tượng tính giá thành.

+ Doanh nghiệp tổ chức sản xuất hàng loạt: sản phẩm không được đặt mua trước khi sản xuất, sản xuất hàng loạt, mặt hàng ổn định thì đối tượng tính giá thành là các loại sản phẩm hoàn thành.

+ Doanh nghiệp tổ chức sản xuất theo đơn đặt hàng, sản xuất hàng loạt, mặt hàng không ổn định, khối lượng sản xuất lớn thì đối tượng tính giá thành là các loại sản phẩm hoàn thành, hoặc từng đơn đặt hàng.

▪ *Xét về mặt quy trình công nghệ sản xuất:*

+ Nếu quy trình công nghệ sản xuất giản đơn thì đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành ở cuối quy trình công nghệ sản xuất.

+ Nếu quy trình công nghệ sản xuất phức tạp kiểu liên tục thì đối tượng tính giá thành là bán thành phẩm ở từng giai đoạn hay thành phẩm chế tạo ở

giai đoạn cuối cùng.

+ Nếu quy trình công nghệ sản xuất phức tạp theo kiểu song song thì đối tượng tính giá hoàn thành từng chi tiết, bộ phận sản xuất hoàn thành và thành phẩm cuối cùng đã hoàn chỉnh.

1.2.2. Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất.

❖ Phương pháp tập hợp chi phí trực tiếp.

Phương pháp này áp dụng đối với chi phí sản xuất có liên quan trực tiếp đến từng đối tượng tập hợp chi phí riêng biệt.

❖ Phương pháp phân bổ gián tiếp.

Phương pháp này áp dụng khi một loại chi phí có liên quan đến nhiều đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất nhưng không thể tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng được. Trường hợp này phải lựa chọn tiêu thức hợp lí để tiến hành phân bổ chi phí cho các đối tượng có liên quan theo công thức sau:

$$H = \frac{C}{T}$$

Trong đó:

- H : Hệ số phân bổ chi phí.
- C : Tổng chi phí sản xuất đã tập hợp cần phân bổ.
- T : Tổng đại lượng của tiêu thức phân bổ của các đối tượng.

Tính mức chi phí cho từng đối tượng.

$$C_i = H * T_i$$

Trong đó :

- C_i : Chi phí phân bổ cho đối tượng thứ i.
- H : Hệ số phân bổ.
- T_i : Đại lượng của tiêu thức phân bổ của đối tượng thứ i.

Phương pháp này giúp cho kế toán đỡ vất vả hơn, không phải theo dõi chi tiết cụ thể cho từng đối tượng. Tuy nhiên, việc phân bổ gián tiếp có tính chính xác không cao do phụ thuộc chủ yếu vào việc lựa chọn tiêu thức phân bổ. Do đó doanh nghiệp cần lựa chọn tiêu thức phân bổ hợp lí.

1.2.3. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang.

Đánh giá sản phẩm dở dang là tính toán xác định cần chi phí sản xuất mà sản phẩm dở dang cuối kỳ phải chịu. Mức độ chính xác của chỉ tiêu chi phí sản xuất dở dang phụ thuộc vào 2 vấn đề cơ bản:

- Việc kiểm kê sản phẩm dở dang cuối kỳ và đánh giá mức độ hoàn thành của sản phẩm làm dở.

- Mức độ hợp lý, khoa học của phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở dang mà doanh nghiệp áp dụng.

Sản phẩm dở dang là những sản phẩm chưa kết thúc giai đoạn sản xuất cuối cùng trong doanh nghiệp để trở thành thành phẩm. Đánh giá sản phẩm dở dang có ý nghĩa rất lớn trong việc hạch toán và quản lí chi phí. Để tính được giá thành của sản phẩm, doanh nghiệp cần phải tiến hành việc kiểm kê và tính giá thành sản phẩm dở dang. Tùy theo đặc điểm, tình hình tổ chức sản phẩm, quy trình công nghệ, tính chất của sản phẩm mà doanh nghiệp áp dụng một trong những phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang cuối kì sau:

- Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo chi phí NVL TT

Theo phương pháp này thì giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ chỉ tính phần NVL trực tiếp còn chi phí NC TT và chi phí sản xuất chung được tính vào thành phẩm hoặc bán thành phẩm. Với giả định chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bỏ vào một lần ngay từ đầu quá trình sản xuất.

$$Dck = \frac{Dđk + Cn}{Qht + Qdd} \times Qdd$$

Trong đó:

Dđk: Chi phí sản phẩm dở dang đầu kỳ

Cn: Chi phí NVL TT phát sinh trong kỳ`

Qht: Số lượng thành phẩm hoàn thành

Qdd: Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ

Phương pháp này chỉ thích hợp với những doanh nghiệp có chi phí NVL chiếm đại đa số trong giá thành sản phẩm.

➢ Đánh giá sản phẩm dở dang theo khối lượng sản phẩm hoàn thành tương đương.

Dựa vào mức độ hoàn thành và số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ để quy đổi ra sản phẩm hoàn thành tương đương, để đảm bảo độ chính xác cao. Đối với chi phí NVL chính được giả định bỏ vào một lần ngay từ đầu sản xuất còn NVL phụ, chi phí nhân công, chi phí sx chung được tính theo ước tính tương đương. Thường ở các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp thì NVL chính được bỏ hết vào giai đoạn đầu còn giai đoạn tiếp theo thì DN bỏ thêm chi phí chế biến.

$$\text{Khoản mục chi phí sản xuất nằm trong sản phẩm dở dang} = \frac{\text{Khoản mục chi phí sản xuất nằm trong sản phẩm dở dang đầu kỳ} + \text{Khoản mục chi phí sản xuất thực tế phát sinh trong kỳ}}{\text{Qht + Qdd quy đổi}} * \text{Qdd quy đổi}$$

Qdd quy đổi: Số lượng sản phẩm dở dang quy đổi

Qht : Số lượng thành phẩm hoàn thành

Qdd quy đổi = Qdd * tỷ lệ hoàn thành.

Phương pháp này thường được tính theo sản phẩm hoàn thành.

$$\text{Sản phẩm dở dang CK} = \text{Dck Chi phí NVL chính} + \text{Dck Chi phí NVL phụ} + \text{Dck Chi phí NC TT} + \text{Dck Chi phí SX chung}$$

➢ *Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí sản phẩm định mức*

Theo phương pháp này, cuối kỳ kế toán phải tiến hành kiểm kê sản phẩm dở dang. Xác định mức độ hoàn thành sản phẩm dở dang cuối kỳ, căn cứ vào định mức của từng đơn vị sản phẩm để tính chi phí sản phẩm dở dang cuối kỳ theo công thức:

Dck = SLsp dở dang CK x Chi phí sản xuất định mức x tỷ lệ hoàn thành.

Phương pháp này rất phù hợp với DN nào đã tính được định mức chi phí sản phẩm hợp lý hoặc đã tính giá thành sản phẩm theo định mức.

- Đánh giá sản phẩm dở dang theo 50% chi phí chế biến.

Để đơn giản cho việc kiểm kê tính giá thành sản phẩm dở dang có khối lượng lớn, mức độ làm việc không đồng đều thì kế toán có thể giả định mức độ của sản phẩm dở dang là 50% để phân bổ chi phí chế biến trong mỗi một giai đoạn cho sản phẩm dở dang.

- Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo chi phí NVL chính.

Theo phương pháp này thì giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ chỉ tính phần NVL chính trực tiếp còn chi phí NC TT và chi phí sản xuất chung được tính vào thành phẩm hoặc bán thành phẩm. Với giả định chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp bỏ vào một lần ngay từ đầu quá trình sản xuất.

$$Dck = \frac{\text{Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí NVL chính thực tế phát sinh trong kỳ}}{Qht + Qdd} \times Qdd$$

Trong đó:

Qht: Số lượng thành phẩm hoàn thành trong kỳ.

Qdd: Số lượng sản phẩm dở dang.

1.2.4. Phương pháp tính giá thành.

Phương pháp tính giá thành sản phẩm là phương pháp sử dụng số liệu về chi phí sản xuất đã tập hợp trong kì để tính toán ra tổng giá thành và giá thành đơn vị thực tế của sản phẩm theo từng khoản mục chi phí cho từng đối tượng tính giá thành sản phẩm.

Căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ sản xuất, đặc điểm của sản phẩm, yêu cầu quản lí sản xuất và giá thành…các doanh nghiệp phải lựa chọn cho mình một phương pháp tính giá thích hợp. Việc lựa chọn đúng phương pháp tính giá sẽ góp phần vào việc hạ giá thành sản phẩm, đẩy

mạnh tiêu thụ, tăng nhanh vòng quay vốn và đem lại lợi nhuận ngày càng nhiều cho doanh nghiệp.

❖ Tính giá theo phương pháp trực tiếp(phương pháp giản đơn).

Phương pháp này áp dụng thích hợp với những sản phẩm, công việc có quy trình công nghệ sản xuất giản đơn khép kín, tổ chức sản xuất nhiều, chu kỳ sản xuất ngắn và xen kẽ liên tục, đối tượng tính giá thành tương ứng phù hợp với đối tượng kế toán.

Cuối kỳ có nhiều sản phẩm dở dang và không ổn định cần tổ chức đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo phương pháp thích hợp. Trên cơ sở số liệu chi phí sản xuất đã tập hợp trong kỳ và chi phí của sản phẩm dở dang đã tập hợp trong kỳ và chi phí của sản phẩm dở dang đã xác định tính giá thành sản phẩm hoàn thành cho từng khoản mục chi phí theo công thức:

$$Z = C + D_{đk} - D_{ck}$$

Giá thành đơn vị sản phẩm được tính như sau:

$$z = Z/ Qht$$

Trong đó: Z: tổng giá thành

z: giá thành đơn vị sản phẩm lao vụ sản xuất thực tế.

C: Tổng chi phí sản xuất đã tập hợp trong kỳ theo từng đối tượng.

$D_{đk}$, D_{ck}: là chi phí của sản phẩm dở dang cuối kỳ và đầu kỳ.

Qht: là sản lượng sản phẩm, lao vụ hoàn thành.

Khi chi phí sản xuất dở dang đầu kì và cuối kì bằng nhau hoặc các ngành sản xuất không có sản phẩm dở dang thì tổng giá thành của sản phẩm bằng tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kì.

❖ Tính giá thành theo phương pháp hệ số.

Phương pháp tính giá thành sản phẩm theo hệ số áp dụng đối với những doanh nghiệp trong cùng một quy trình công nghệ sản xuất, cùng sử dụng một loại nguyên vật liệu nhưng kết quả sản xuất thu được nhiều loại sản phẩm khác nhau như doanh nghiệp sản xuất hoá chất, công nghiệp hóa dầu. Khi đó đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là toàn bộ quy trình công nghệ sản xuất, còn đối tượng tính giá thành là toàn bộ sản phẩm hoàn thành. Để xác định giá

thành cho từng loại sản phẩm, kế toán cần quy đổi các sản phẩm về một loại sản phẩm duy nhất có hệ số 1 gọi là sản phẩm chuẩn.

Công thức tính giá thành từng loại sản phẩm, đơn vị sản phẩm hoàn thành.

$Z = D_{đk} + C - D_{ck}$

$$Zđvc = \frac{\text{Tổng giá thành sản xuất các loại sản phẩm}}{\text{Tổng số sản phẩm gốc(kể cả quy đổi)}}$$

$Zđv = Zđvc \times Hqđ$

Trong đó:

Z: Tổng giá thành sản xuất các loại sản phẩm.

Zđvc : Giá thành đơn vị sản phẩm chuẩn.

Zđv: Giá thành đơn vị sản phẩm cùng loại.

Ddk: Giá trị dở dang đầu kì.

C: tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kì

Dck: Giá trị dở dang cuối kì.

Hqđ: Hệ số quy đổi sản phẩm cùng loại.

❖ Tính giá thành theo phương pháp tỉ lệ.

Phương pháp này áp dụng trong những doanh nghiệp mà trong cùng một quy trình sản xuất, cùng sử dụng các yếu tố sản xuất như NVL, nhân công… nhưng lại sản xuất ra các loại sản phẩm khác nhau về cỡ số, quy cách, phẩm chất…. Do đó, chi phí sản xuất không hạch toán riêng cho từng loại sản phẩm mà đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là nhóm sản phẩm cùng loại hoặc phân xưởng sản xuất, đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm hoàn thành.

$$\text{Giá thành thực tế đơn vị sản phẩm từng loại} = \text{Giá thành thực tế(hoặc định mức) đơn vị sản phẩm từng loại} \times \text{Tỉ lệ chi phí}$$

$$\text{Tỉ lệ chi phí} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế của các loại sản phẩm}}{\text{Giá thành kế hoạch của các loại sản phẩm}} \times 100\%$$

❖ Tính giá theo phương pháp cộng chi phí.

Áp dụng cho các doanh nghiệp có quy trình công nghệ phức tạp, quá trình chế biến sản phẩm qua nhiều bộ phận sản xuất, có sản phẩm dở dang.

- Đối tượng hạch toán chi phí là quy trình công nghệ của từng giai đoạn, từng bước chế biến.

- Đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành ở các bước chế biến, giá thành sản phẩm hoàn thành ở bước cuối cùng là tổng chi phí đã phát sinh ở các bước chế biến.

❖ Phương pháp tính giá thành loại trừ chi phí cho sản phẩm phụ.

Phương pháp tính giá thành loại trừ chi phí được áp dụng cho các trường hợp

- Trong cùng một quy trình công nghệ sản xuất, đồng thời với việc chế tạo ra sản phẩm chính còn thu được sản phẩm phụ. Trong cùng quy trình sản xuất, kết quả sản xuất thu được sản phẩm đủ tiêu chuẩn chất lượng quy định, còn có sản phẩm hỏng không sửa chữa được, các khoản thiệt hại này không được tính cho sản phẩm hoàn thành.

- Đối với các phân xưởng sản xuất phụ có cung cấp sản phẩm hoặc lao vụ lẫn cho nhau, cần loại trừ ra khỏi giá thành sản phẩm, lao vụ phục vụ cho sản xuất chính, hoặc bán ra ngoài.

❖ Phương pháp tính giá thành liên hợp.

Là kết hợp nhiều phương pháp tính giá thành khác nhau như kết hợp phương pháp trực tiếp, phương pháp hệ số, phương pháp tỷ lệ, phương pháp cộng chi phí, phương pháp tính giá thành liên hợp áp dụng đối với doanh nghiệp sản xuất hoá chất, dệt kim, đóng giầy, may mặc.

❖ Phương pháp tính giá thành theo định mức.

Áp dụng: doanh nghiệp xây dựng được định mức kinh tế kỹ thuật hoàn chỉnh.

$Z_{tt} = Z_{đm} \pm$ Chênh lệch thay đổi định mức $\pm$ Chênh lệch thoát ly định mức

❖ Phương pháp tính giá thành phân bước.

* Phương pháp kết chuyển tuần tự

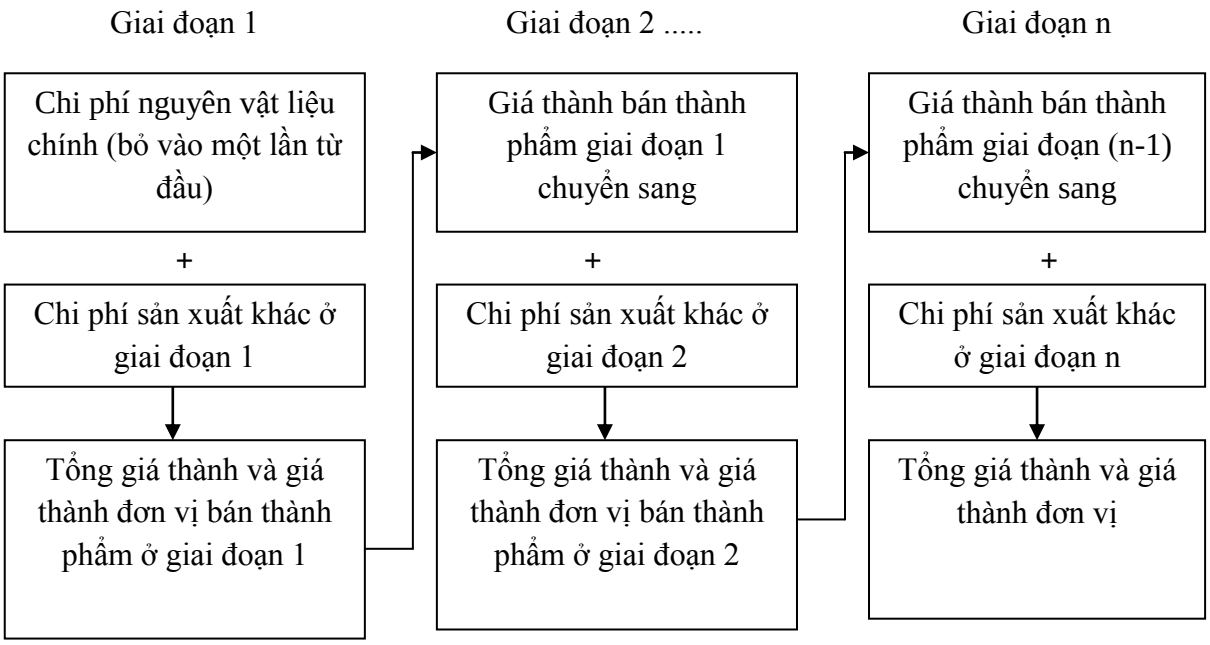

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kết chuyển tuần tự chi phí để tính giá thành

Phương pháp này áp dụng thích hợp trong trường hợp xác định đối tượng tính giá thành là nửa thành phẩm và thành phẩm. Theo phương pháp này kế toán giá thành phải căn cứ vào chi phí sản xuất đã được tập trung theo từng giai đoạn xuất lần lượt tính tổng giá thành, giá thành đơn vị nửa thành phẩm của giai đoạn trước và chuyển sang giai đoạn sau một cách tuần tự, để tính tiếp tổng giá thành đơn vị nửa thành phẩm của giai đoạn kế tiếp, cứ thế tiếp tục cho đến khi tính được tổng giá thành và giá thành đơn vị của thành phẩm ở giai đoạn cuối cùng.

Cách tính như sau:

Căn cứ vào chi phí sản xuất đã tập hợp ở giai đoạn 1 để tính giá thành của bán sản phẩm thành phẩm ở giai đoạn 1 theo công thức:

Giá thành bán thành phẩm giai đoạn1	=	Chi phí vật liệu trực tiếp	+	Chi phí chế biến giai đoạn 1	+	Giá thành sản phẩm dở dang - đầu kỳ		Giá thành sản phẩm dở dang cuối kỳ

Tại giai đoạn 2 kế toán tính theo công thức:

Giá thành bán thành phẩm giai đoạn2	=	Chi phí vật liệu trực tiếp	+	Chi phí chế biến giai đoạn 2	+	Giá thành sản phẩm dở dang - đầu kỳ	Giá thành sản phẩm dở dang cuối kỳ

Cứ tuần tự tính đến giá thành sản phẩm đến giai đoạn n theo phương pháp này.

* Phương pháp kết chuyển song song.

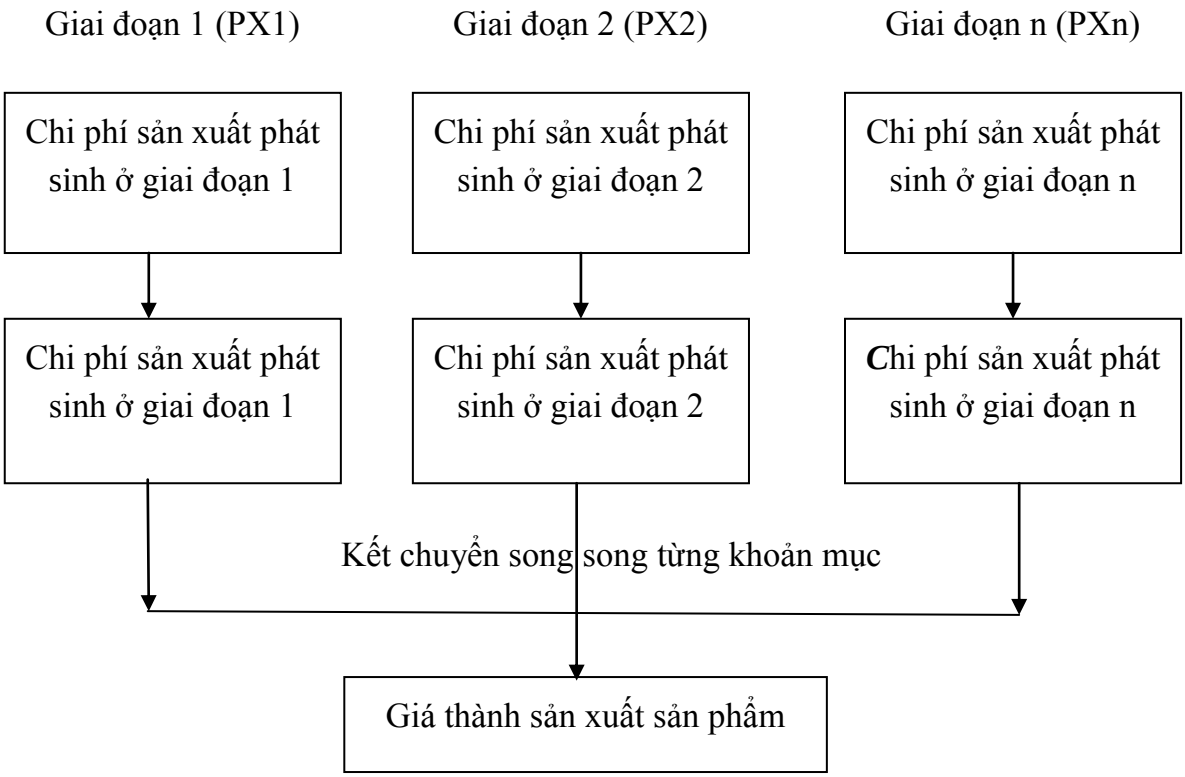

Sơ đồ 1-2: Sơ đồ kết chuyển song song chi phí để tính giá thành

Theo phương pháp này mỗi bước chế biến chỉ tính chi phí chế biến của bước đó, không tính giá thành bán thành phẩm của bước khác chuyển sang, Chi phí chế biến của các bước sẽ tính nhập vào giá thành của sản phẩm theo phương pháp kết chuyển song song theo sơ đồ.

❖ Tính giá thành sản phẩm theo phương pháp định mức.

Theo phương pháp này thì giá thành sản phẩm định mức thường được tính vào đầu tháng, áp dụng cho các DN tính giá thành theo từng tháng một. Vì vậy giá thành thực tế sản xuất thường không chênh lệch so với giá thành định mức.

❖ Tính giá thành theo phương pháp đơn đặt hàng.

Phương pháp này áp dụng đối với các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm đơn chiếc hoặc sản xuất hàng loạt nhỏ theo đơn đặt hàng của khách hàng(doanh nghiệp đóng tàu, sản xuất máy bay…)

Đặc điểm của phương pháp này là tính giá thành riêng biệt theo từng đơn đặt hàng nên việc tổ chức kế toán chi phí phải được chi tiết hóa theo từng đơn đặt hàng. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp được hạch toán trực tiếp theo đơn đặt hàng có liên quan, riêng chi phí sản xuất chung, chi phí phục vụ và chi phí quản lí sản xuất ở phân xưởng do có liên quan đến nhiêu đơn đặt hàng nên tổ chức theo dõi theo phân xưởng và cuối tháng mới tiến hành phân bổ cho từng đơn đặt hàng theo tiêu thức phù hợp. Nếu có đơn đặt hàng nào đó mà cuối tháng vẫn chưa hoàn thành thì việc tổng hợp chi phí của đơn đặt hàng cuối tháng đó chính là chi phí sản xuất dở dang cuối kì chuyển kì sau. Đối tượng tập hợp chi phí là từng đơn đặt hàng, từng phân xưởng, đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm hoàn thành trong kì với kì tính giá thành có thể là tháng, quý, hoặc năm.

1.3. Tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất.

1.3.1. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh thường xuyên, liên tục có hệ thống tình hình nhập-xuất- tồn vật tư, hàng hóa trên sổ sách kế toán. Phương pháo này có ưu điểm là giám sát chặt chẽ tình hình tăng giảm tài sản và giá trị của chúng trên sổ sách kế toán có thể xác định tại một thời điểm nào đó trong kì kế toán.

1.3.1.1. Kế toán nguyên vật liệu trực tiếp.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là giá trị nguyên, vật liêu chính, nửa thành phẩm mua ngoài, vật liệu phụ, nhiên liệu sử dụng trực tiếp cho việc sản xuất chế tạo sản phẩm hoặc thực hiện các lao vụ, dịch vụ của doanh nghiệp.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thường chiếm tỉ trọng lớn trong giá

thành sản phẩm nhất là đối với các ngành sản xuất công nghiệp. Sau khi xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí, kế toán tiến hành xác định chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong kì cho từng đối tượng tập hợp chi phí, tổng hợp từng tài khoản sử dụng, làm căn cứ hạch toán tổng hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Trường hợp vật liệu xuất dùng có liên quan đến nhiêu đối tượng tập hợp chi phí, không thể tổ chức hạch toán riêng được thì phải áp dụng phương pháp phân bổ gián tiếp để phân bổ chi phí cho các đối tượng có liên quan. Tiêu thức phân bổ thường được sử dụng là phân bổ theo định mức tiêu hao, theo hệ số, theo số lượng sản phẩm.

Công thức phân bổ:

Chi phí NVL phân bổ cho từng đối tượng = Tổng chi phí vật liệu x Tiêu thức phân bổ của từng đối tượng

- ✓ Chứng từ sử dụng: các chứng từ có liên quan đến kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm phiếu xuất kho, bảng phân bổ nguyên vật liệu, hóa đơn kiêm phiếu xuất kho….
- ✓ Tài khoản sử dụng và kết cấu tài khoản: TK621 – *Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp* và một số tài khoản khác có liên quan: TK111, TK112, TK151, TK152, TK153…

TK621 – chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Kết cấu tài khoản 621:

Bên Nợ: Giá trị thực tế của NVL xuất dùng trực tiếp cho sản xuất sản phẩm hoặc thực hiện lao vụ, dịch vụ trong kì.

Bên Có:

+ Giá trị NVL sử dụng không hết nhập lại kho.

+ Giá trị phế liệu thu hồi.

+ Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp sang TK tính giá thành.

+ Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp vượt trên mức bình thường.

Tài khoản 621 không có số dư cuối kì.

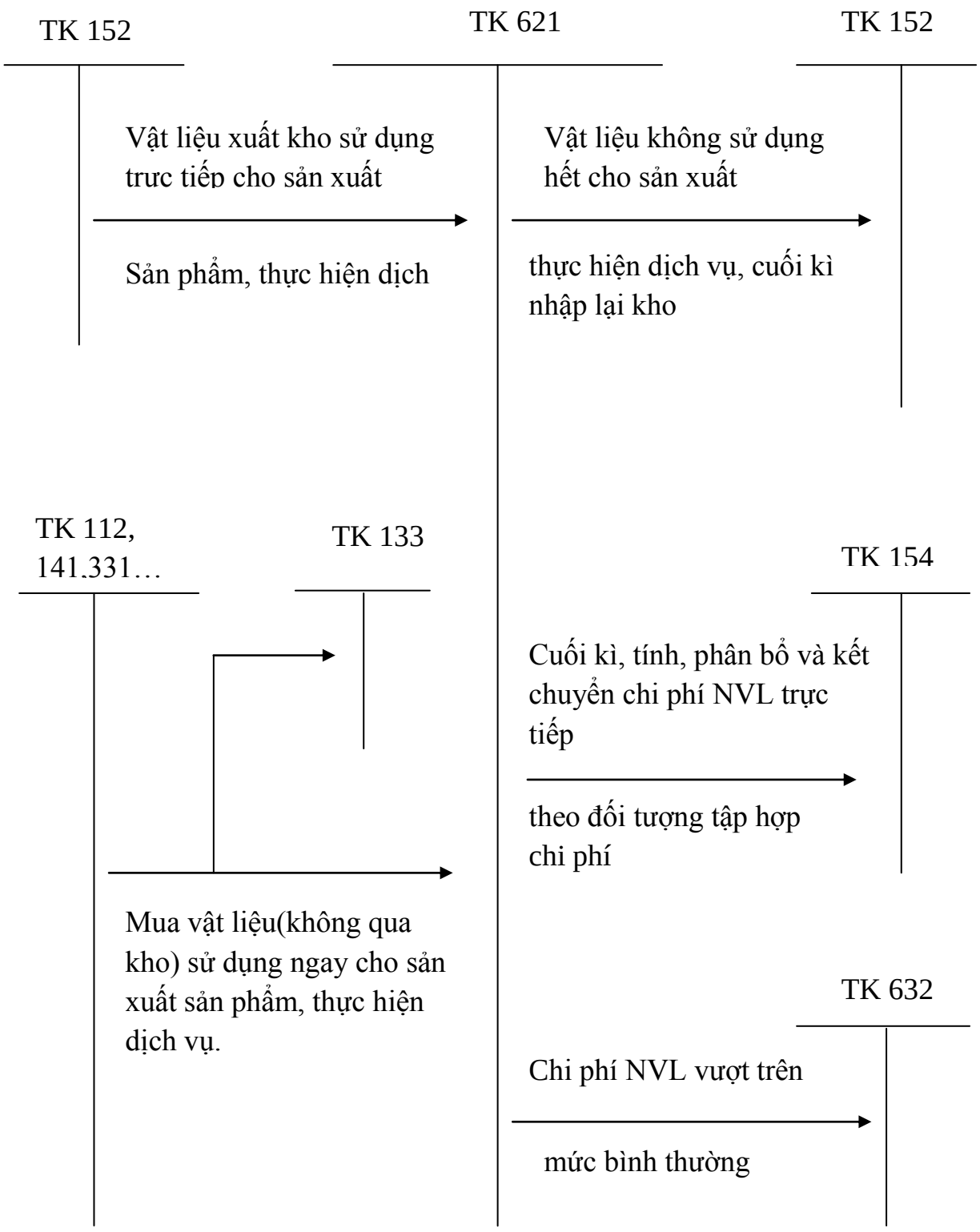

Sơ đồ 1.1. Hạch toán chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp

1.3.1.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp.

Chi phí nhân công trực tiếp là những khoản thù lao lao động phải trả cho nhân công trực tiếp sản xuất sản phẩm, trực tiếp thực hiện các lao vụ, dịch vụ như: Tiền lương chính, tiền lương phụ, phụ cấp có tính chất tiền lương…. Ngoài ra, chi phí nhân công trực tiếp còn bao gồm các khoản trích: BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ do chủ sử dụng lao động chịu và tính vào chi phí kinh doanh theo một tỉ lệ nhất định so với tiền lương công nhân sản xuất.

- ✓ Chứng từ sử dụng: Bảng chấm công, bảng thanh toán lương, bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương…

- ✓ Tài khoản sử dụng: TK 622

Kết cấu TK sử dụng:

Bên Nợ: - Tập hợp các chi phí nhân công trực tiếp cho các đối tượng sản xuất hoặc đối tượng thực hiện lao vụ, dịch vụ trong kì.

Bên Có: - Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp để tính giá thành sản phẩm.

- Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vượt trên mức bình thường.

Tài khoản 622 không có số dư cuối kì.

Sơ đồ 1.2. Sơ đồ hạch toán chi phí nhân công trực tiếp.

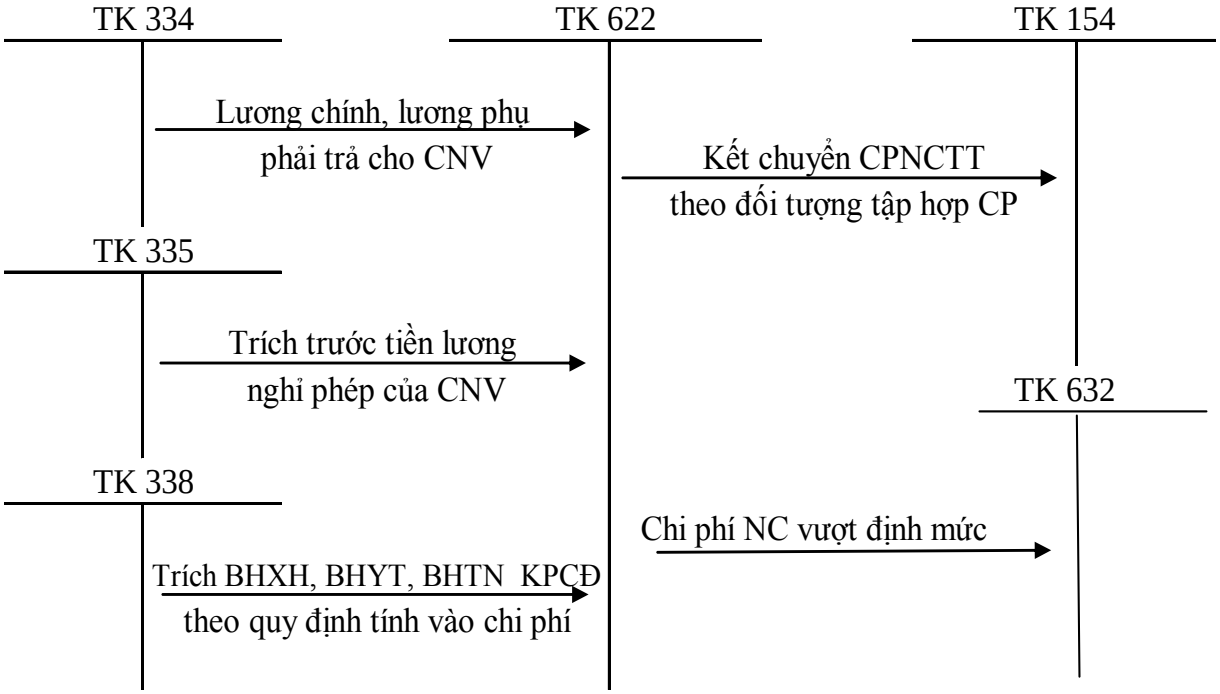

Về nguyên tắc, chi phí nhân công trực tiếp cũng được tập hợp giống như đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Trường hợp cần phân bổ gián tiếp thì tiêu chuẩn phân bổ chi phí nhân công trực tiếp có thể là chi phí tiền công định mức (hoặc kế hoạch), giờ công định mức hoặc giờ công thực tế.

1.3.1.3. Kế toán chi phí sản xuất chung.

Chi phí sản xuất chung là những chi phí quản lí phục vụ sản xuất và những chi phí cần thiết còn lại để sản xuất sản phẩm sau chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp phát sinh ở phân xưởng, bộ phận sản xuất. Chi phí sản xuất chung được tổ chức tập hợp theo từng phân xưởng, đội sản xuất, quản lí chi tiết theo từng yếu tố chi phí. Mặt khác chi phí sản xuất chung còn được tập hợp theo chi phí cố định và chi phí biến đổi.

+ Chi phí sản xuất chung cố định là những chi phí sản xuất gián tiếp, thường không thay đổi theo số lượng sản xuất sản phẩm như chi phí khấu hao tính theo phương pháp đường thẳng, chi phí quản lí hành chính ở các phân xưởng. Chi phí sản xuất chung cố định được phân bổ vào chi phí chế biến cho mỗi đơn vị sản phẩm dựa trên công suất bình thường của máy móc sản xuất(Trường hợp mức sản phẩm thực tế cao hơn công suất bình thường của máy móc thì chi phí sản xuất chung cố định được phân bổ theo chi phí thực tế phát sinh. Trường hợp mức sản phẩm thực tế sản xuất ra thấp hơn công suất bình thường của máy móc thì chi phí sản xuất chung cố định được phân bổ theo mức công suất bình thường).

+ Chi phí sản xuất chung biến đổi là những chi phí sản xuất gián tiếp, thường xuyên thay đổi gián tiếp hoặc gần như gián tiếp thay đổi theo số lượng sản xuất sản phẩm như chi phí vật liệu phân xưởng, chi phí nhân công gián tiếp. Chi phí sản xuất chung biến đổi được phân bổ hết vào chi phí chế biến cho mỗi đơn vị sản phẩm theo chi phí thực tế phát sinh.

$$\text{Mức CPSXC phân bổ cho từng đối tượng} = \frac{\text{Tổng chi chí sản xuất chung cần phân bổ}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của tất cả các đối tượng}} \times \text{Tiêu thức phân bổ của từng đối tượng}$$

Tiêu thức phân bổ có thể là nguyên vật liệu chính, lượng công nhân trực tiếp sản xuất, số lượng sản phẩm, trọng lượng sản phẩm….

✓ Chứng từ kế toán sử dụng: Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương phản ánh chi phí nhân công thuộc chi phí sản xuất chung, bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và các chứng từ khác liên quan, Bảng tính và hân bổ khấu hao TSCĐ….

✓ Tài khoản sử dụng: TK627 – Chi phí sản xuất chung.

✓ Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ: Tập hợp chi phí sản xuất chung phát sinh trong kì.

Bên Có: Các khoản ghi giảm chi phí sản xuất chung.

Tài khoản 627 không có số dư cuối kì.

✓ Căn cứ để tập hợp và kết chuyển chi phí sản xuất chung:

- Căn cứ vào bảng thanh toán lương phải trả cho công nhân viên phân xưởng, đội tổ sx trong kỳ.

- Căn cứ vào tỷ lệ trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN theo đúng quy định

- Căn cứ vào phiếu xuất công cụ dụng cụ cho hoạt động sx ở phân xưởng.

- Căn cứ vào phiếu xuất nguyên vật liệu sử dụng chung cho phân xưởng sx.

- Căn cứ vào số liệu trong bảng trích khấu hao TSCĐ ở từng phân xưởng, đội tổ sx.

- Căn cứ vào các hoá đơn GTGT phục vụ cho quản lý phân xưởng như: tiền điện nước, tiền điện thoại, tiền sửa chữa TSCĐ với số tiền nhỏ.

- Căn cứ vào các chứng từ có liên quan đến chi phí sx chung như chi tiền mặt, giấy thanh toán tạm ứng,..

Tài khoản 627 có 6 tài khoản cấp hai:

+ TK 6271 - Chi phí nhân viên phân xưởng.

+ TK 6272 - Chi phí vật liệu

+ TK 6273 - Chi phí dụng cụ sản xuất

+ TK 6274 - Chi phí khấu hao TSCĐ

+ TK 6277 - Chi phí dịch vụ mua ngoài

+ TK 6278 - Chi phí bằng tiền khác

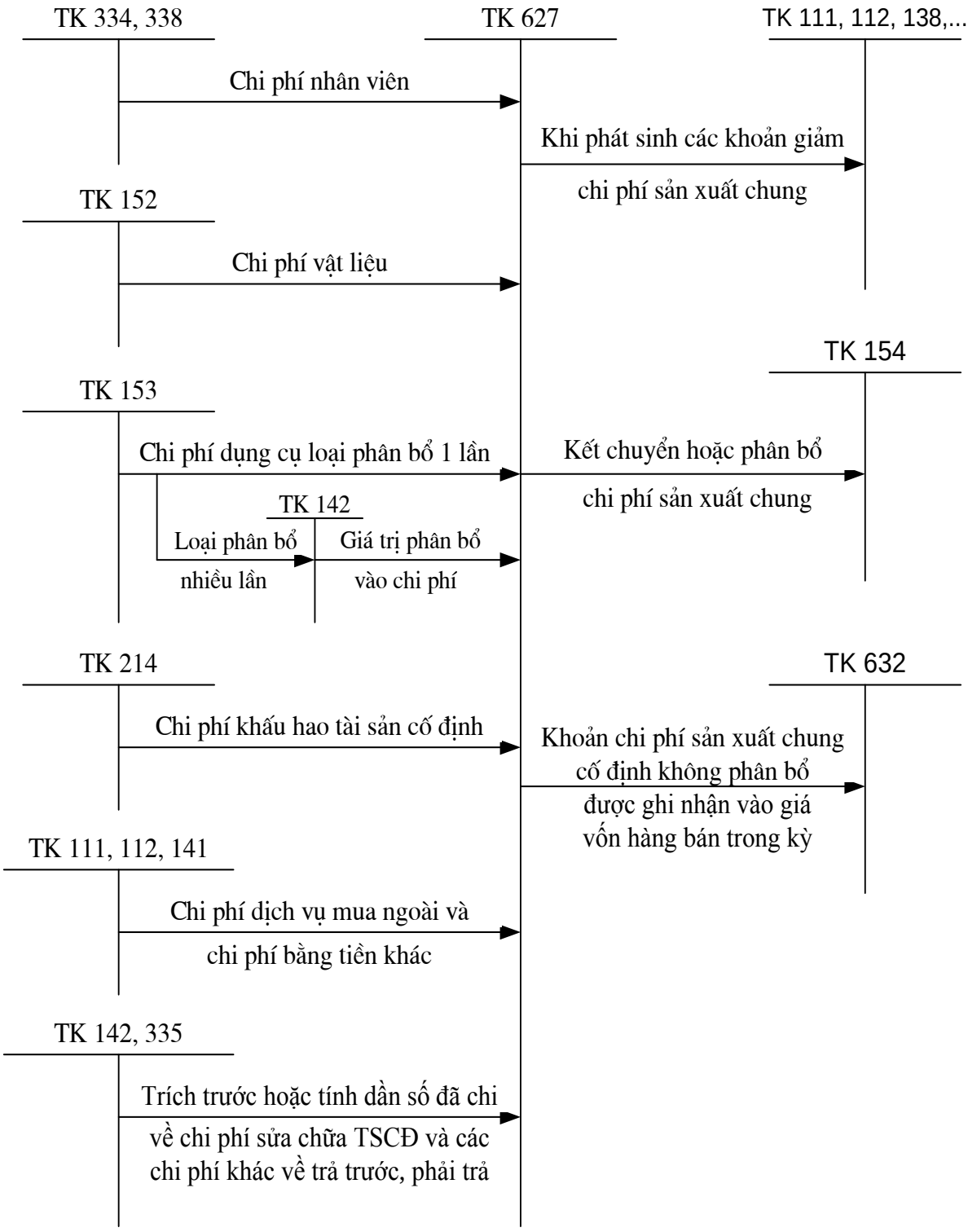

Sơ đồ 1.3. Trình tự hạch toán chi phí sản xuất chung.

1.3.1.4. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất tính giá thành sản phẩm.

Cuối kì, kế toán tổng hợp toàn bộ chi phí sản xuất đã được tập hợp theo từng khoản mục chi phí vào TK 154 – chi phí sản xuất kinh doanh dở dang để tiến hành tính giá thành sản phẩm, lao vụ, dịch vụ trong kì.

TK 154 được mở chi tiết theo từng ngành sản xuất, từng địa điểm phát sinh, từng loại sản phẩm, lao vụ, dịch vụ…các bộ phận sản xuất kinh doanh chính, sản xuất kinh doanh phụ.

Tài khoản sử dụng: TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

+ Bên Nợ: Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

+ Bên Có: - Giá trị phế liệu thu hồi, khoản xử lý thiệt hại sản phẩm hỏng không tính giá thành.

- Giá thành sản phẩm thực tế của sản phẩm.
- Giá trị vật liệu, công cụ, hàng hoá gia công xong nhập lại kho.

Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán tập hợp chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho (theo phương pháp kê khai thường xuyên).

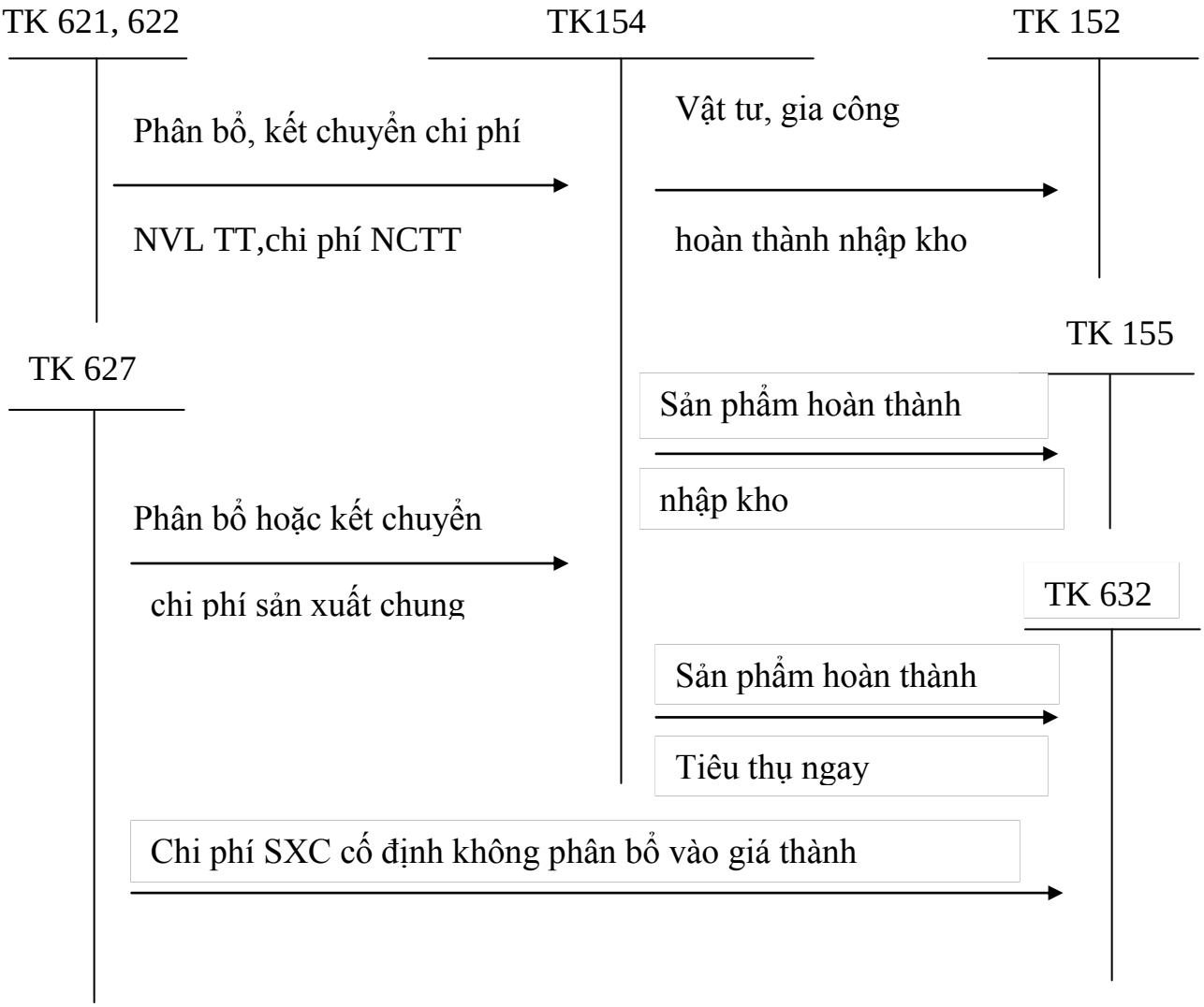

1.3.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Theo phương pháp kiểm kê định kỳ, các chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong kỳ được tập hợp vào các TK621, TK622, TK627. Tuy nhiên do đặc điểm của phương pháp này mà TK154 chỉ sử dụng để phản ánh chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ và cuối kỳ.

Tài khoản sử dụng: TK 621, 622, 627, 631.

TK631 - giá thành sản xuất

Bên Nợ: - Kết chuyển chi phí của sản xuất lao vụ dở dang đầu kỳ.

- Kết chuyển chi phí sản xuất thực tế phát sinh trong kỳ.

Bên Có: - Kết chuyển chi phí sản xuất của sản phẩm lao vụ dở dang cuối kỳ vào TK154.

- Giá thành sản xuất thực tế của sản phẩm lao vụ hoàn thành.

Sơ đồ 1.5. Sơ đồ kế toán tập hợp chi phí sản xuất tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

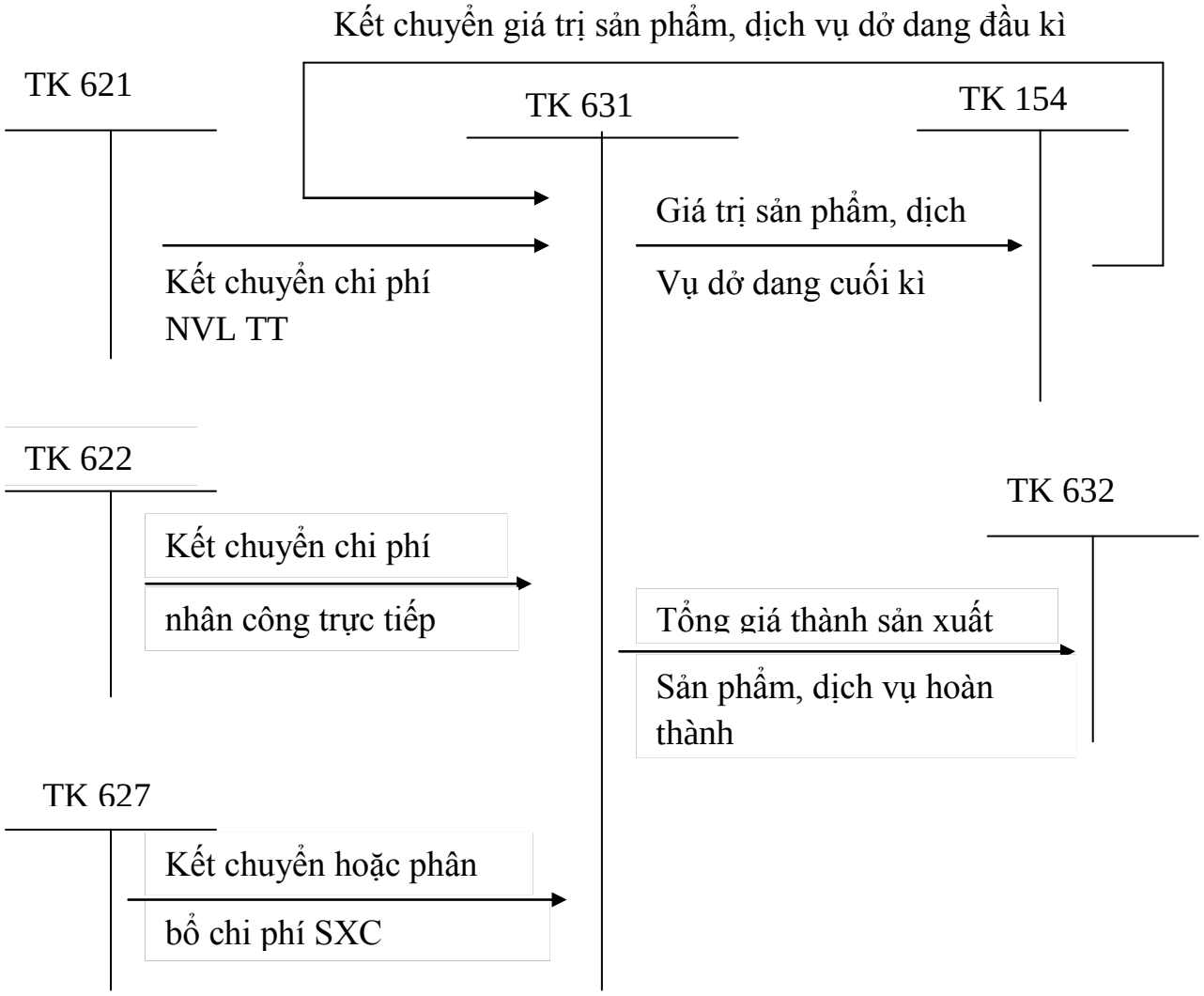

1.4. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Hiện nay có 4 hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán sau: Nhật ký chứng từ, chứng từ ghi sổ, nhật ký chung, nhật ký sổ cái.

Cả 4 hình thức kế toán trên đều có sổ chi tiết và sổ tổng hợp. Mỗi tài khoản kế toán tổng hợp được mở một sổ cái và mỗi tài khoản đó (TK 621, TK 622, TK627, TK154, TK631) đều phản ánh chỉ tiêu về chi phí sản xuất. Nó cung cấp các chỉ tiêu, thông tin để lập báo cáo tài chính về chi phí sản xuất và giá thành… Ngoài ra còn có các sổ chi tiết để tập hợp chi phí sản xuất như sổ chi tiết TK621, TK622, TK154…

+ Hình thức kế toán nhật ký chung gồm các loại sổ:

- ✓ Sổ nhật ký chung
- ✓ Sổ cái T621, TK622, TK627, TK154
- ✓ Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

+ Hình thức kế toán nhật ký sổ cái

- ✓ Nhật ký sổ cái
- ✓ Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

+ Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

- ✓ Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- ✓ Sổ cái TK621, TK622, TK627, TK154
- ✓ Các sổ, thẻ chi tiết

+ Hình thức kế toán nhật ký chứng từ

- ✓ Nhật ký chứng từ số 7
- ✓ Bảng kê số 4,5
- ✓ Sổ cái TK621, TK622, TK627, TK154
- ✓ Bảng phân bổ số 1, số 2, số 3.

* *Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung được thể hiện qua sơ đồ sau:*

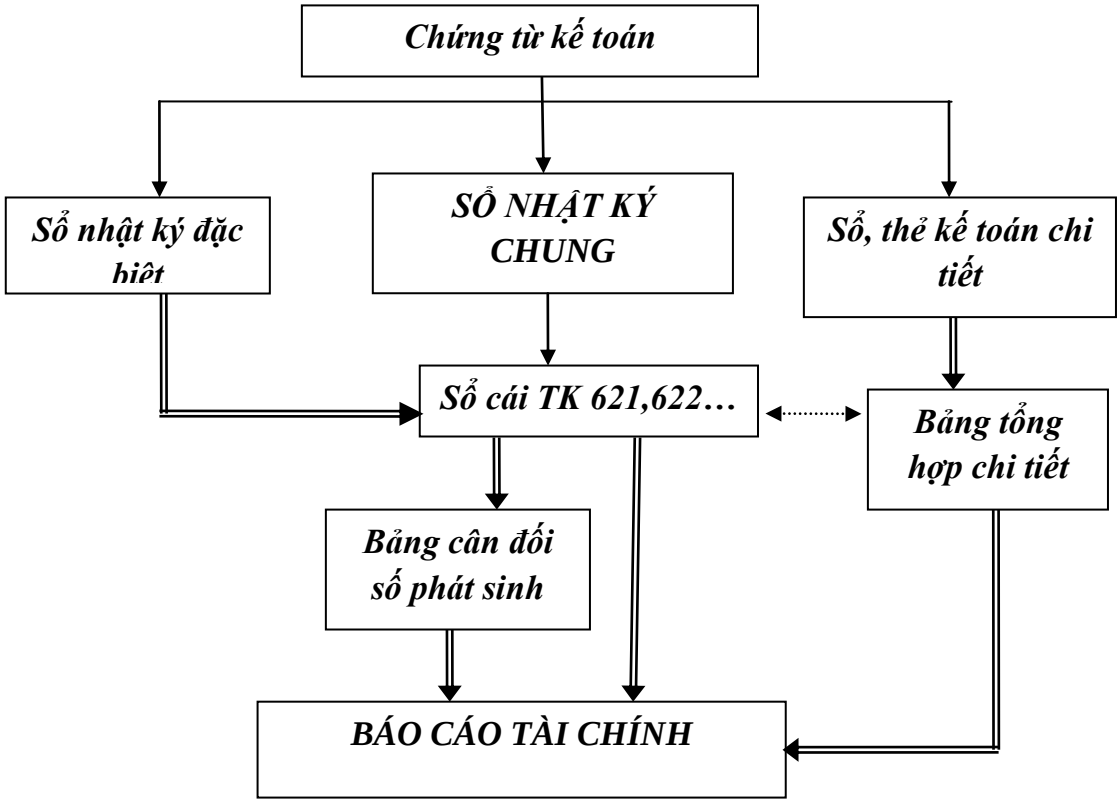

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ

Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tuỳ khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung.

* Sơ đồ: Trình tự ghi sổ the hình thức Nhật kí – sổ cái:

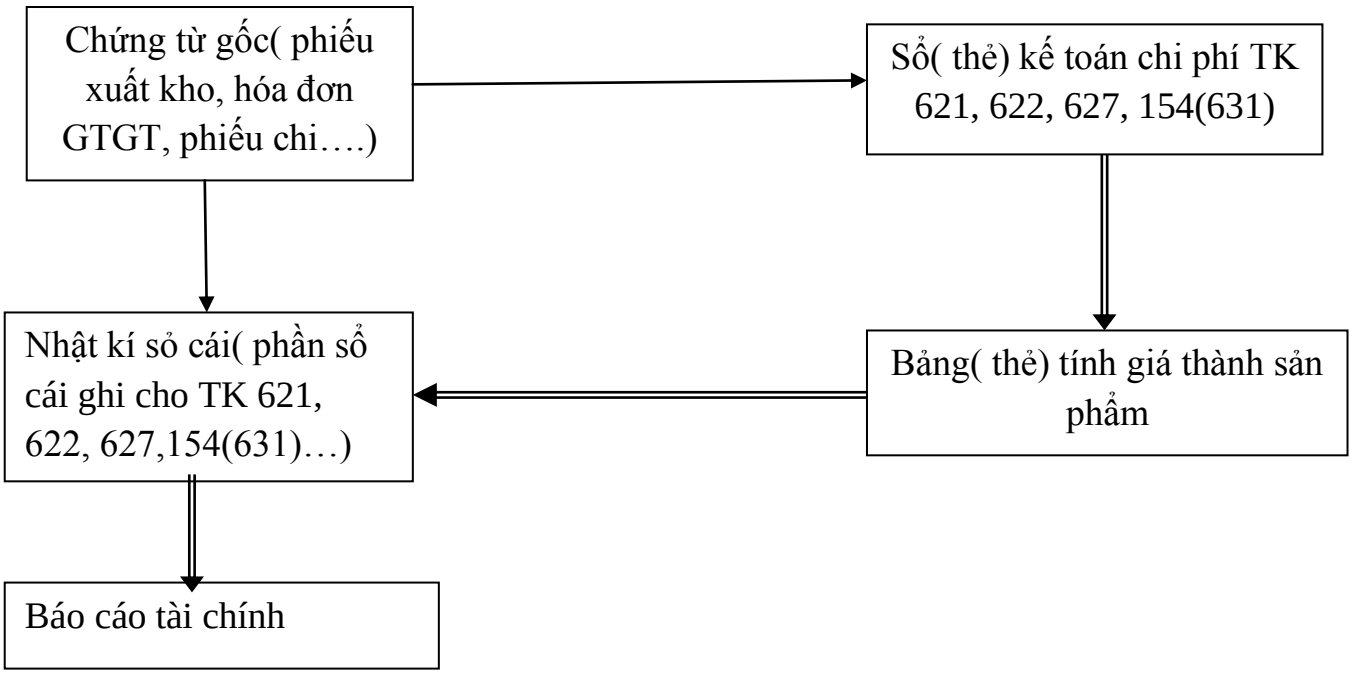

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi định kì

* Sơ đồ: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ:

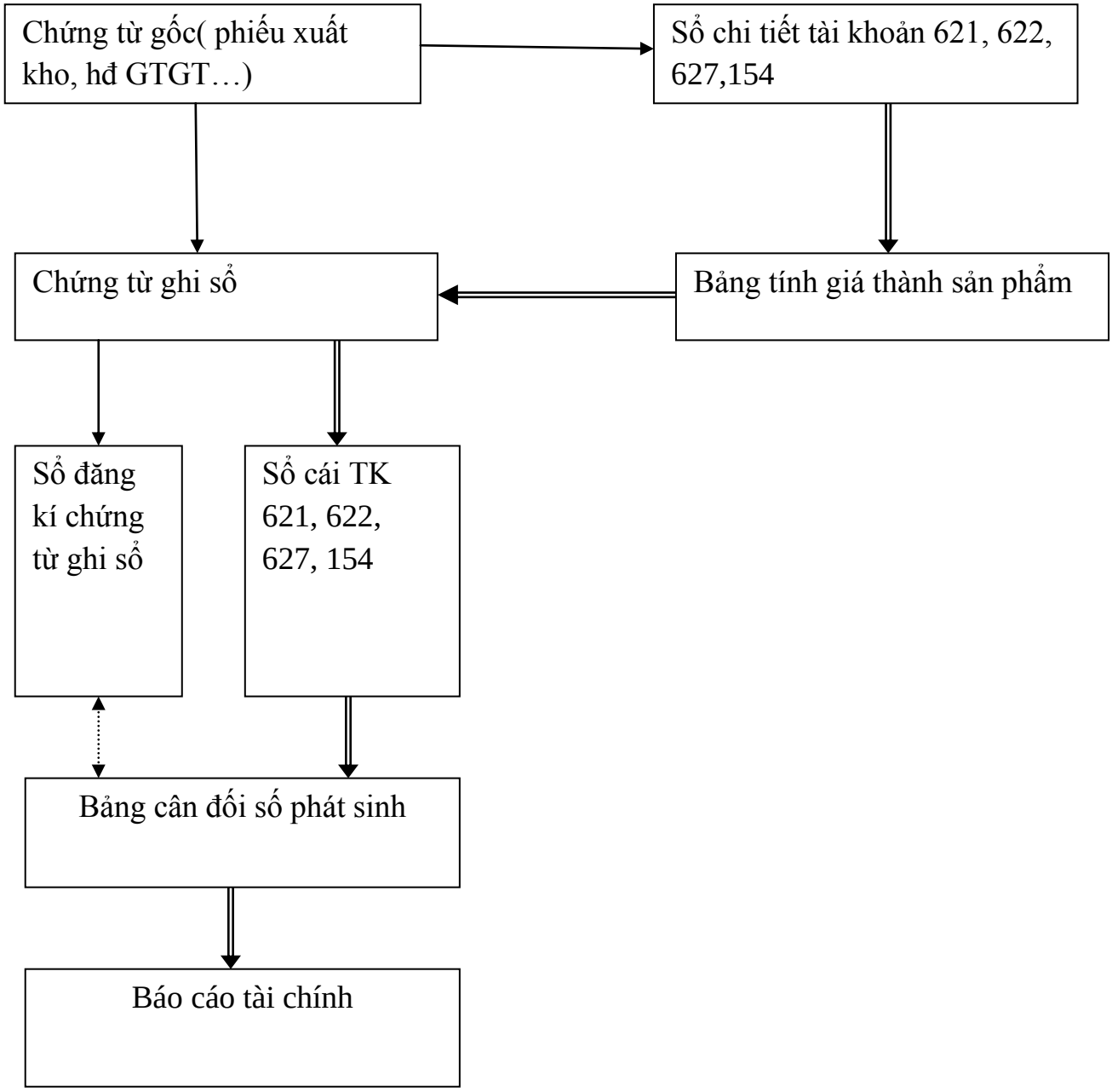

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi định kì

Đối chiếu

* Hình thức Nhật kí chứng từ:

Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các loại tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế theo các tài khoản đối ứng nợ

- Kết hợp chặt chẽ với việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế(theo tài khoản).

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với việc hạch toán chi tiết trên cùng mọt sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

CHƯƠNG II
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SONG HẢI

2.1 Khái quát chung về Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.

Tên công ty: Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải

Tên viết tắt: SONGHAI.,JSC

Địa chỉ trụ sở chính : số 124 Điện Biên Phủ, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Mã số thuế : 0800338133

Số điện thoại: Tel : (0320) 3 853 817 - Fax : (0320) 3 830 563

Ngành nghề kinh doanh: Tư vấn thiết kế- thi công không gian nội thất; Thiết bị trường học và đồ chơi mầm non; Nội thất văn phòng; Nội thất gia đình; gia công cơ khí và đồ sắt mĩ nghệ; Sơn tĩnh điện…

Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải tiền thân là Doanh nghiệp tư nhân Song Hải được thành lập tháng 5 năm 2004, đến tháng 6 năm 2006 chuyển đổi thành Công ty TNHH SX &TM Song Hải, đến tháng 9 năm 2008 chuyển thành Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải.

Là một đơn vị chuyên sản xuất mua bán thiết bị trường học, đồ chơi mẫu giáo; Đồ nội thất văn phòng, nội thất gia đình, Sản xuất gia công các sản phẩm cơ khí; mua bán máy vi tính; linh kiện máy tính, máy văn phòng, chế biến gỗ; sx các sản phẩm từ gỗ; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi.

Cho đến nay công ty đã hoạt động được hơn 9 năm. Quãng thời gian này tuy không dài lắm nhưng cũng đủ để khẳng định chỗ đứng của công ty trên thị trường trong nước và ngày càng mở rộng phát triển hơn.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh.

Hiện nay công ty chuyên sản xuất về các mặt hàng sau:

*** Thiết bị trường học:**

Hiện nay công ty đang phục vụ thị trường nội tỉnh với 320 trường mầm non, 570 trường tiểu học và THCS và 60 trường THPT, 11 trường dạy nghề, Cao đẳng và Đại học cùng với các tỉnh bạn khác. Với các sản phẩm bàn, ghế, bảng trong lớp học; hệ thống bàn ghế các phòng chức năng – thí nghiệm.....

*** Nội thất gia đình, Văn phòng**.

- Đối với nội thất gia đình:

Hiện đang cung cấp nội thất gia đình cho phân khúc thị trường hoàn thiện các căn hộ xây mới, sản xuất và cung cấp theo thiết kế và nhu cầu làm đẹp của từng khách hàng. Các sản phẩm chủ yếu là nội thất không gian; thiết bị cho các phòng trong căn hộ như: phòng bếp; phòng khách; phòng ngủ. Đặc biệt là thiết bị nội thất phòng trẻ em.

- Nội thất Văn phòng, khu công nghiệp.

Cung cấp dịch vụ tư vấn thiết kế, sản xuất và thi công nội thất không gian Văn phòng, showroom, trụ sở mới.

Cung cấp các sản phẩm thiết bị bàn, ghế, tủ văn phòng.

Cung cấp các hệ thống thiết bị phụ trợ của các dây chuyền khu công nghiệp: Dây chuyền bàn may; hệ thống tủ vật tư; hệ thống thiết bị nhà ăn công nghiệp....

Quy trình sản xuất được thực hiện theo ***" Sơ đồ Công nghệ sản xuất sản phẩm đồ gỗ Song Hải"; " Sơ đồ Công nghệ sơn tĩnh điện" và " Sơ đồ Công nghệ sản xuất sản phẩm cơ khí***

QUY TRÌNH SẢN XUẤT SẢN PHẨM ĐỒ GỖ

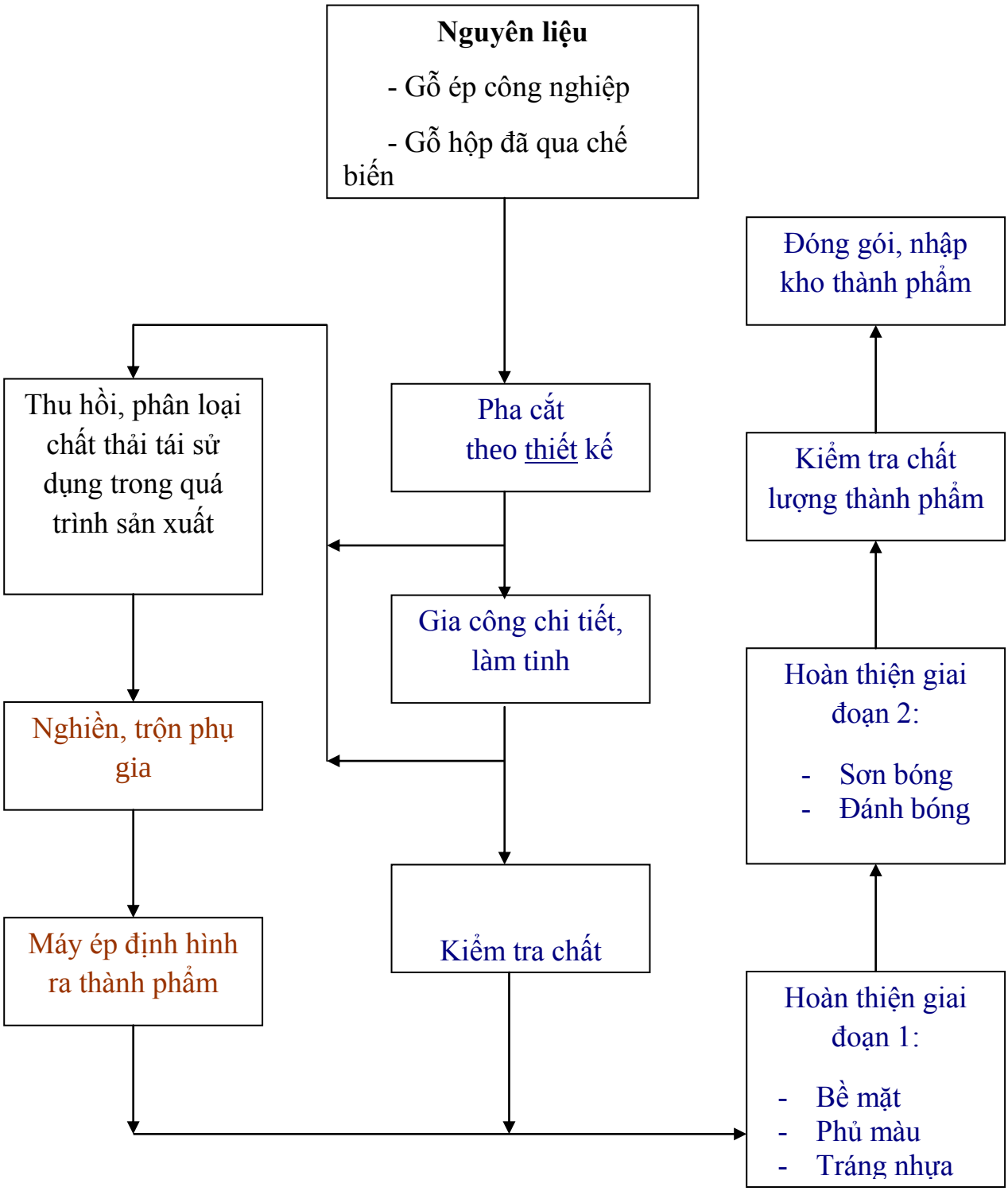

QUY TRÌNH SẢN XUẤT SẢN PHẨM CƠ KHÍ

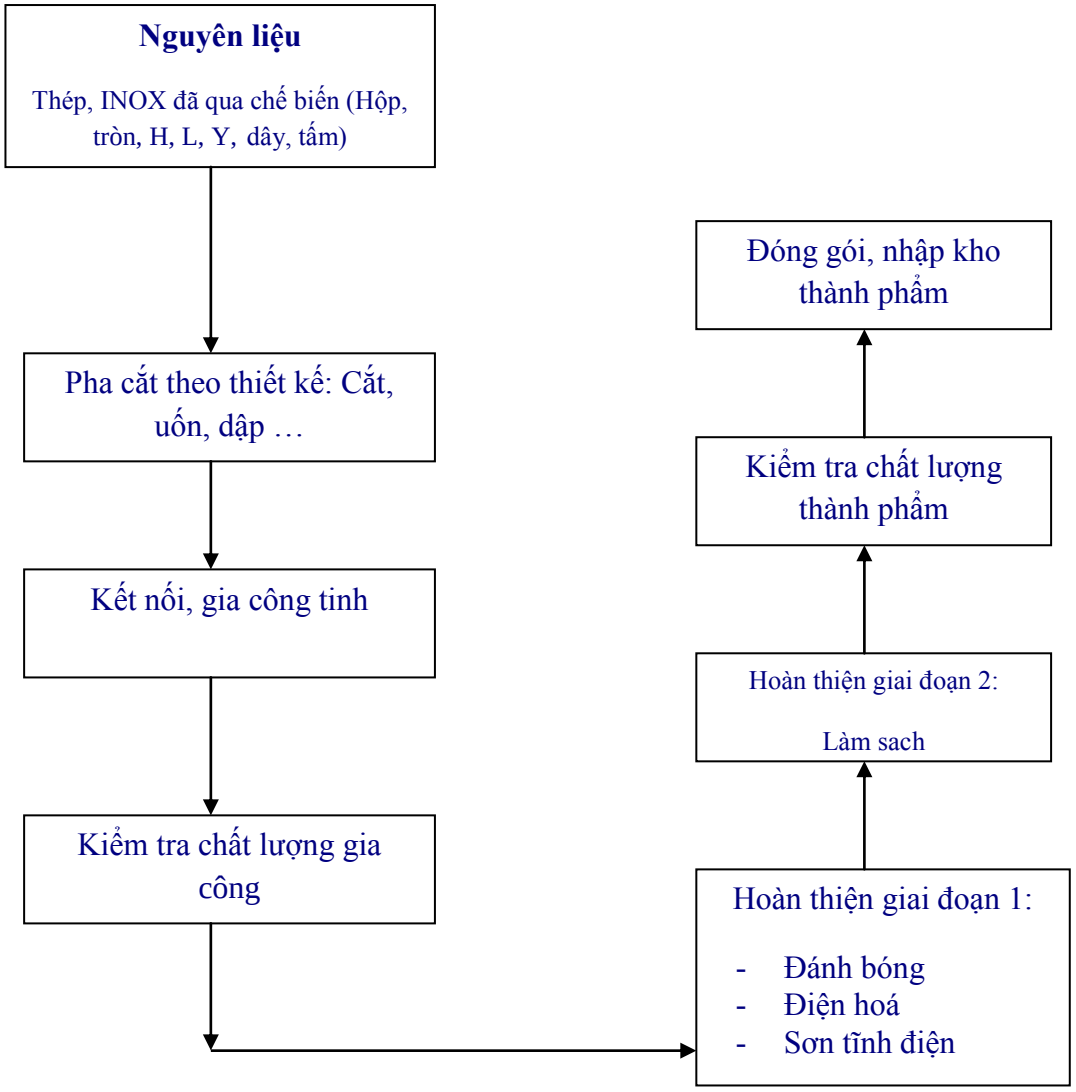

*/ QUY TRÌNH SẢN XUẤT SẢN PHẨM SƠN TĨNH ĐIỆN

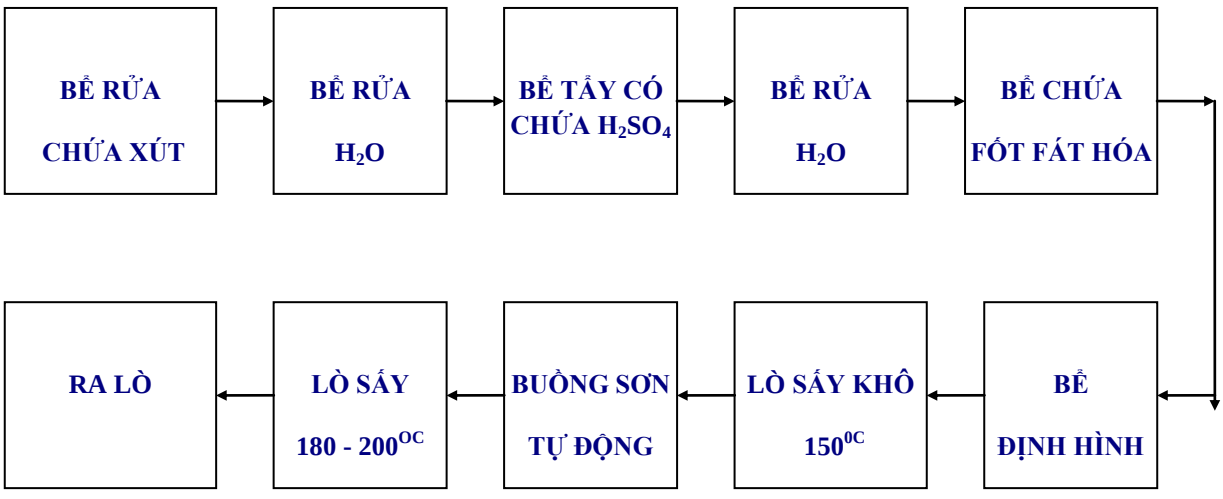

Để thực hiện được quy trình sản xuất như trên công ty đã có một hệ thống cơ sở vật chất máy móc thiết bị, công nghệ như đã nêu trên,với đội ngũ công nhân trên 70 người có trình độ tay nghề bậc cao đáp ứng yêu cầu của khách hàng và được thị trường ưa chuộng.

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải.

Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng, kiểu tổ chức này rất phù hợp với công ty trong tình hình hiện nay. HĐQT là tổ chức quản lý cao nhất của công ty. HĐQT nhân danh công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của công ty. Tổng giám đốc là người trực tiếp quản lý, đại diện pháp nhân của công ty trước pháp luật và là người giữ vai trò chỉ đạo chung. Giúp việc cho Tổng giám đốc là Phó tổng giám đốc, điều hành công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc. Các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tham mưu giúp việc cho Tổng giám đốc quản lý và điều hành công việc.

Bộ máy của công ty được thể hiện dưới hình thức sơ đồ cụ thể sau.

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý

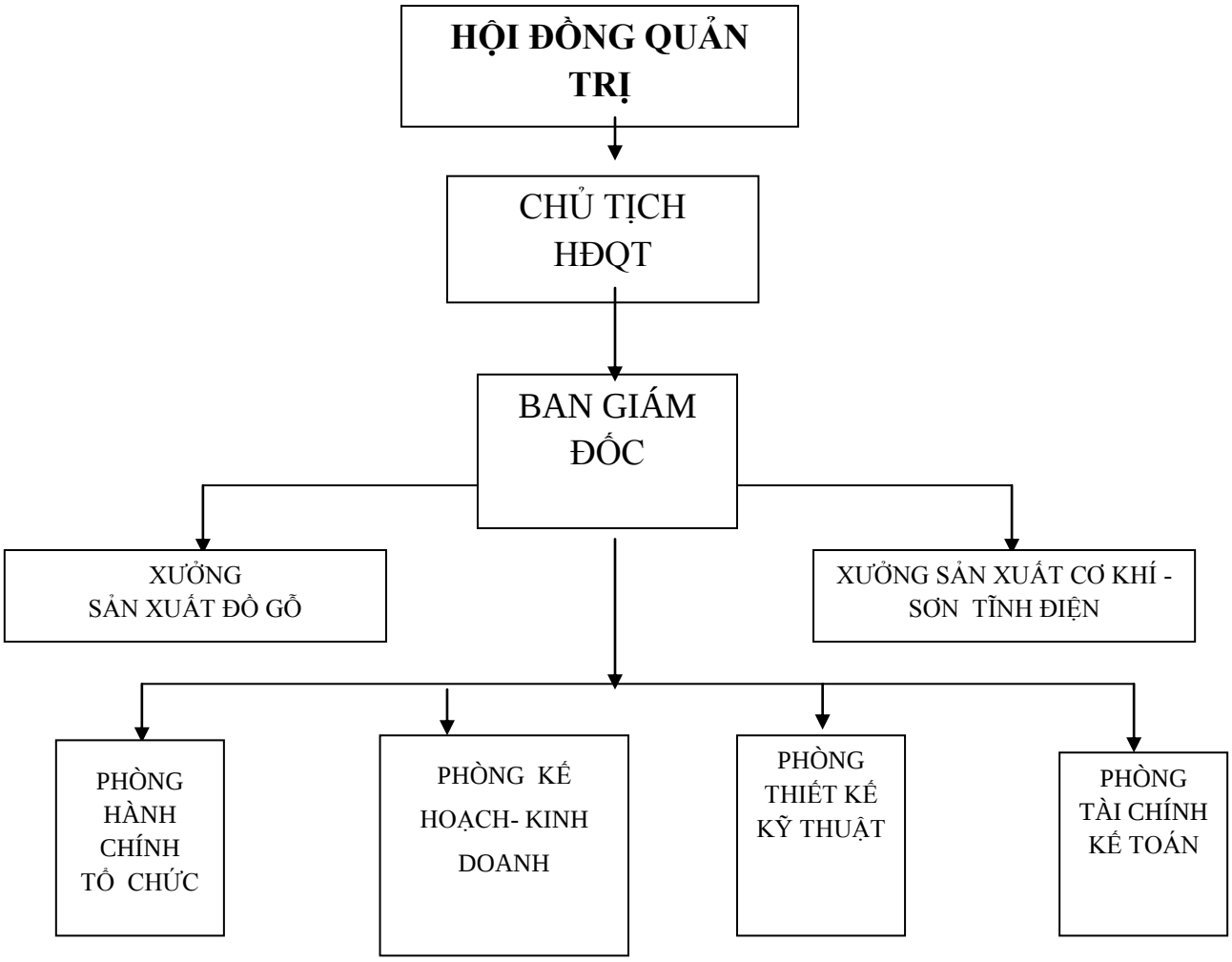

- *Hội đồng quản trị*: Là cơ quan quản lí công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan tới mục đích và quyền lợi của công ty, trừ những quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan đại diện cho Đại hội đồng cổ đông thực hiện giữa hai kì đại hội. Hội đồng quản trị gồm 5 người, trong đó 01 chủ tịch hội đồng quản trị, 01 phó chủ tịch hội đồng quản trị và 03 ủy viên hội đồng quản trị.

- *Chủ tịch hội đồng quản trị:* Là người có chức năng lập chương trình, kế hoạch của Hội đồng quản trị, chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình….

- *Ban giám đốc:* Là người trực tiếp điều hành công việc của công ty.

- *Phòng hành chính tổ chức*: Quản lý tuyển chọn cán bộ công nhân viên có năng lực, tay nghề. Bảo quản lưu trữ con dấu, giấy tờ và công văn của công ty. Cung cấp các thiết bị văn phòng, chịu trách nhiệm về đối nội, đối ngoại.

- *Phòng kế hoạch- kinh doanh*: Làm tham mưu cho giám đốc thiết lập các kế hoạch về toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng phương án kinh doanh, soạn thảo hợp đồng kinh tế.

- *Phòng thiết kế kĩ thuật*: Xây dựng các bản vẽ kĩ thuật, lập kế hoạch định mức NVL cho sản xuất, tạo ra những sản phẩm mới, phong phú.

- *Phòng tài chính- kế toán*: Hạch toán kinh doanh và quản lý tài chính. Cung cấp thông tin để lãnh đạo công ty biết được tình hình sử dụng các loại tài sản, lao động, vật tư, tiền vốn, doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh của công ty, phục vụ cho việc điều hành, quản lý hoạt động của công ty một cách kịp thời hiệu quả.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải.

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Xuất phát từ đặc điểm tổ chức quản lý, bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức kế toán tập trung. Bộ máy kế toán của công ty có nhiệm vụ cập nhật, theo dõi, kiểm tra hạch toán toàn bộ những nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong công ty bằng các nghiệp vụ kế toán tài chính, giúp cho lãnh đạo công ty có cơ sở để phân tích, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Từ đó có quyết định đúng đắn trong hoạt động của công ty nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao nhất.

Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán

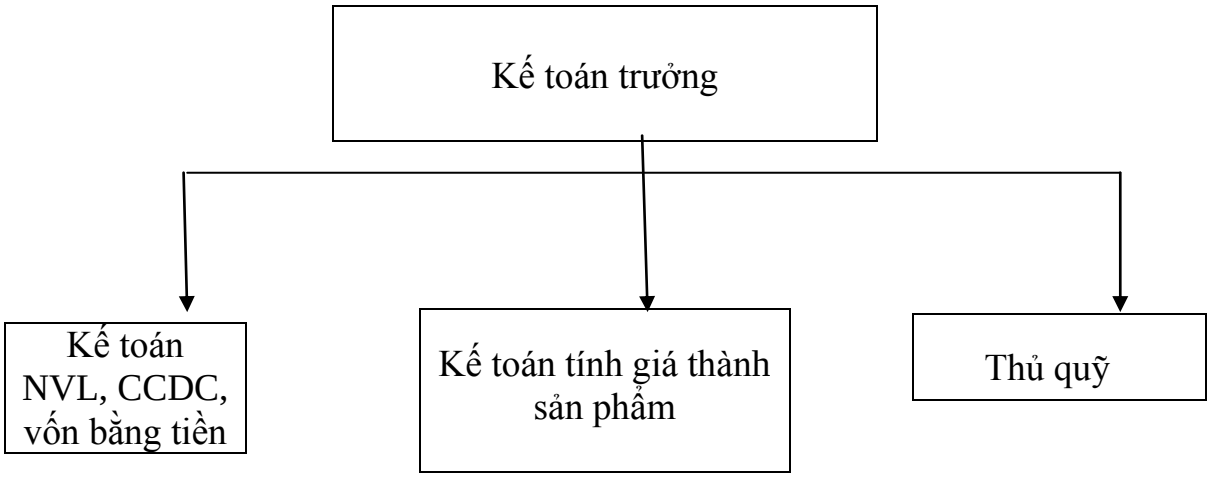

- *Kế toán trưởng*: Là người đứng đầu phòng kế toán, có nhiệm vụ chỉ đạo công tác thực hiện kế toán ở công ty, kế toán doanh thu chi phí, báo cáo số liệu cụ thể kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Đồng thời kế toán trưởng cũng tham mưu cho giám đốc về tình hình tài chính của công ty.

- *Kế toán NVL,CCDC, vốn bằng tiền*: Phụ trách mảng NVL, CCDC trong công ty, trực tiếp theo dõi tình hình Nhập- Xuất- Tồn NVL, công cụ dụng cụ. Theo dõi và thanh toán các khoản tạm ứng, các khoản thu chi bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, theo dõi công nợ, thuế của Công ty.

- *Kế toán tính giá thành sản phẩm*: Theo dõi tình hình nhập, xuất thành phẩm hàng hóa trong kì. Cuối kì tập hợp chi phí, tính giá thành sảm phẩm. Khi xuất bán thành phẩm, hàng hóa kế toán theo dõi và ghi nhận doanh thu giá vốn trong kì và phụ trách thêm kế toán khấu hao tài sản cố định.

- *Thủ quỹ*: Phụ trách việc quản lý tài chính, theo dõi và bảo quản tiền mặt trong công ty và kế toán tiền lương.

2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải.

- Công ty hiện đang áp dụng chế độ kế toán theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

- Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ 01/01 đến hết 31/12 hàng năm)

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam

- Đơn vị tính: đồng

- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

+ *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:* Ghi theo giá gốc, kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

+ *Phương pháp tính giá trị hàng xuất kho*: Nguyên vật liệu theo phương pháp nhập trước xuất trước, thành phẩm tính theo phương pháp bình quân cả quyền dự trữ.

- *Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định*: Tài sản cố định của công ty bao gồm tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình. Tài sản cố

định được theo nguyên giá và khấu hao lũy kế. Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng.

- *Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng:* Phương pháp khấu trừ

2.1.4.3. Tổ chức hệ thống sổ sách và hình thức kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải.

- *Đặc trưng cơ bản chủ hình thức kế toán nhật kí chung*: là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật kí mà trọng tâm là Sổ Nhật kí chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế(định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ nhật kí để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

- Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật kí chung tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải.

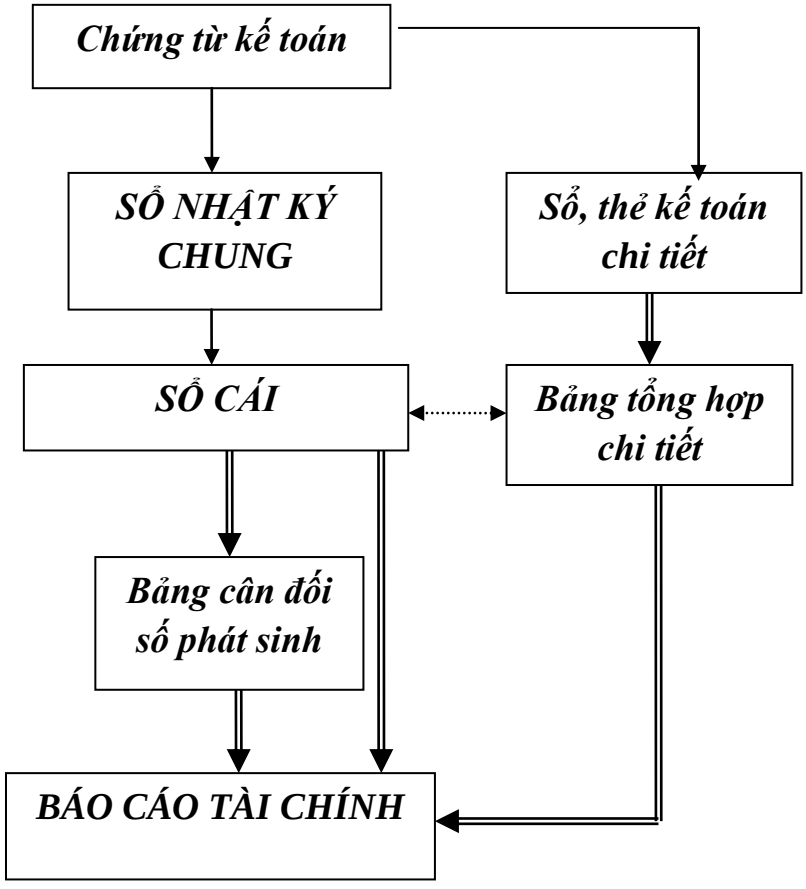

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối kì

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

- Hằng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán tiến hành kiểm tra tính hợp lí hợp lệ, hợp pháp của các nghiệp vụ đó vào Nhật kí chung. Căn cứ số liệu ghi trên nhật kí chung, kế toán phản ánh các số liệu đó vào sổ cái tài khoản có liên quan.

- Đồng thời với việc ghi sổ nhật kí chung, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi vào sổ chi tiết tài khoản.

- Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết làm căn cứ lập tổng hợp sổ chi tiết.

- Cùng với đó, tại thời điểm cuối kỳ, kế toán tiến hành cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối tài khoản.

- Để đảm bảo tính chính xác của số liệu, kế toán tiến hành đối chiếu , khớp số liệu trên sổ cái và số liệu trên bảng tổng hợp chi tiết.

- Cuối kì kế toán căn cứ vào sổ cái các tài khoản lập Bảng cân đối số phát sinh, căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh và Bảng tổng hợp chi tiết để lập các báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi sổ theo hình thức nhật kí chung đó là : tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên bảng cân đối phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và phát sinh có trên sổ nhật kí chung.

2.1.4.4. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán.

Công ty tổ chức lập báo cáo tài chính theo năm. Hệ thống báo cáo tài chính của công ty bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Ngoài ra doanh nghiệp còn lập báo cáo thuế...

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải.

2.2.1. Kế toán chi phí sản xuất.

Để tiến hành sản xuất kinh doanh, công ty phả bỏ ra những chi phí sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí về nhân công, chi phí khấu hao

TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài…Vì vậy để quản lí chặt chẽ những khoản chi phí đó công ty phải tiến hành phân loại từng nhân tố sản xuất trong cơ cấu giá thành nhằm đáp ứng được yêu cầu của quản lí.

Việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải được phân tích theo từng khoản mục chi phí. Từ đó là cơ sở so sánh kiểm tra việc thực hiện các khoản mục chi phí với từng khoản mục giá thành kế hoạch và giúp cho việc phân tích đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh trong kì.

2.2.1.1. Phân loại chi phí sản xuất.

Cũng như các công ty khác Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải phân loại chi phí sản xuất theo 3 khoản mục như sau:

- ✓ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Bao gồm nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng được sử dụng cho quá trình sản xuất đồ nội thất các loại của công ty. Các loại vật liệu sử dụng cho sản xuất thường được mua từ bên ngoài về nhập kho. Nguyên vật liệu chính phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là: Gỗ, thép, sơn, hoá chất….. Nguyên liệu phụ để sản xuất là: đinh vít, keo dán, băng dính, hình con vật trang trí….
- ✓ Chi phí nhân công trực tiếp: Bao gồm các khoản tiền lương, tiền công được trả theo số ngày công của công nhân trực tiếp sản xuất tại phân xưởng. Số ngày công bao gồm cả của lao động chính, lao động phụ và cả công tác chuẩn bị hoàn thiện sản phẩm. Bao gồm tiền lương chính, phụ cấp, tiền lương làm thêm giờ. Các khoản trích theo lương bao gồm BHXH, BHYT,BHTN, KPCĐ.

➢ Chi phí sản xuất chung: Chi phí sản xuất chung được tính trong giá thành sản phẩm bao gồm những chi phí phục vụ cho quá trình sản xuất chung mang tính chất chung của toàn phân xưởng. Chi phí sản xuất chung bao gồm các chi phí liên quan sau:

- Chi phí nhân viên phân xưởng: bao gồm các khoản tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên ở bộ phận QLPX.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: Bao gồm chi phí khấu hao tài sản cố định

phục vụ sản xuất sản phẩm.

- Chi phí công cụ dụng cụ: Bao gồm toàn bộ công cụ dụng cụ toàn doanh phục vụ trong quá trình sản xuất.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Tiền điện, tiền sửa chữa TSCĐ...

- Chi phí khác bằng tiền : Tiền mua khẩu trang cho người lao động, mua thuốc cho công nhân....

Các chi phí phát sinh ở các phân xưởng sản xuất với tính chất chi phí phát sinh chung cho mọi sản phẩm tại phân xưởng, do đó để hạch toán chi tiết xác định chi phí sản xuất cho từng sản phẩm, kế toán tiến hành phân bổ theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

2.2.1.2. Đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải.

✓ Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất.

Cũng như hầu hết các công ty sản xuất khác trong ngành, Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải luôn coi trọng đúng mức việc xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất. Xuất phát từ đặc điểm sản xuất của công ty, từ đặc thù của sản phẩm sản xuất và để đáp ứng tốt nhất yêu cầu của công tác quản lý, công tác kế toán... đối tượng tập hợp chi phí để tính giá thành cho quá trình sản xuất sản phẩm được sử dụng là kết hợp tập hợp chi phí sản xuất cho từng loại sản phẩm và cho toàn doanh nghiệp.

✓ Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất:

Công ty sử dụng phương pháp tập hợp chi phí trực tiếp cho từng sản phẩm đối với chi phí NVLTT, chi phí NCTT.

Chi phí sản xuất chung được công ty tập hợp cho toàn doanh nghiệp sau đó cuối kỳ được phân bổ cho từng sản phẩm theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

2.2.1.3. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là giá trị nguyên, vật liêu chính, nửa thành phẩm mua ngoài, vật liệu phụ, nhiên liệu sử dụng trực tiếp cho việc sản xuất chế tạo sản phẩm hoặc thực hiện các lao vụ, dịch vụ của doanh nghiệp.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thường chiếm tỉ trọng lớn trong giá thành sản phẩm nhất là đối với các ngành sản xuất công nghiệp. Sau khi xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí, kế toán tiến hành xác định chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong kì cho từng đối tượng tập hợp chi phí, tổng hợp từng tài khoản sử dụng, làm căn cứ hạch toán tổng hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

❖ Nguyên vật liệu chính được sử dụng cho sản xuất sản phẩm:

- Gỗ ép, nhựa....
- Hóa chất, dung môi**....**
- Sắt, sơn dầu, sơn chống ghỉ.....

❖ Nguyên vật liệu phụ được sử dụng cho sản xuất sản phẩm:

- Đinh vít, ốc vít....
- Băng dính, keo con voi, keo nến...
- Giấy ráp, đề can hình các con vật....

✓ Chứng từ sử dụng**:**

Để hạch toán chi phí NVL trực tiếp, kế toán sử dụng các chứng từ sau:

+ Phiếu xuất kho

+ Phiếu yêu cầu xuất nguyên vật liệu và các chứng từ khác có liên quan**.**

✓ Tài khoản sử dụng: TK 621 - "Chi phí NVL trực tiếp "

✓ TK 621 được mở chi tiết cho từng sản phẩm:

TK6211: Bàn ghế học sinh cấp I

TK 6212: Bàn ghế học sinh cấp II

TK 6213: Tủ đựng hồ sơ...

✓ Quy trình hạch toán:

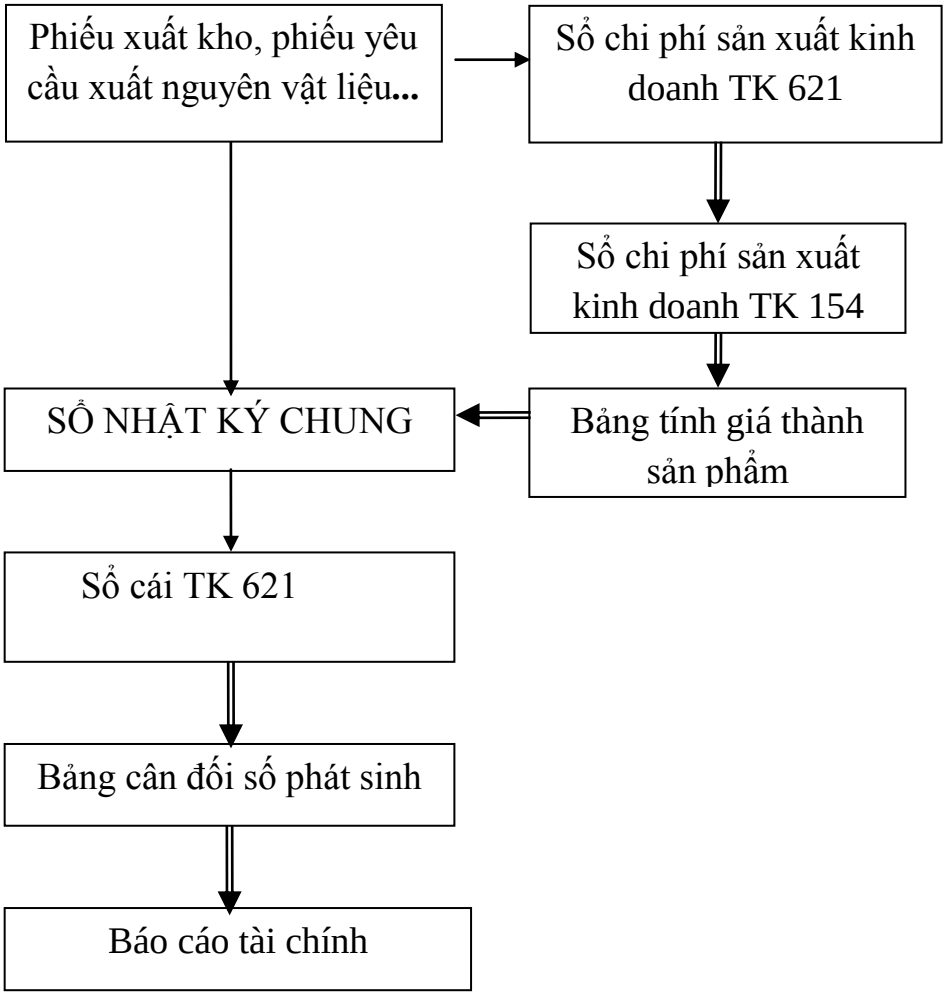

Ghi chú:

: Ghi hàng ngày

: Ghi cuối kỳ

: Đối chiếu

- Căn cứ vào quy trình sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp thì tổ trưởng của các tổ viết phiếu xin lĩnh vật tư. Phiếu này phải có chữ ký của quản đốc phân xưởng và phiếu này phải được lập thành 2 liên: Phân xưởng lưu 1 liên và thủ kho lưu 1 liên.

- Hàng ngày, căn cứ vào phiếu xuất kho, phiếu yêu cầu xuất nguyên vật liệu... kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 621, từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các TK có kiên quan như TK 621...

- Cuối kì, kế toán căn cứ vào số liệu trên sổ chi phí sản xuất kinh doanh

TK 621 lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 154. Từ sổ chi phí sản xuất kinh doanh kế toán lập bảng tính giá thành tính giá thành sản phẩm sản xuất ra trong quý. Căn cứ vào số liệu từ bảng tính giá thành kế toán vào sổ nhật ký chung phản ánh bút toán liên quan đến giá thành sản phẩm.

Ví dụ: Ngày 18/12/2012 xuất 120 tấm gỗ MDF 5 ly phục vụ cho sản xuất sản phẩm Bàn ghế học sinh cấp I, công ty xuất kho nguyên vật liệu theo phương pháp nhập trước - xuất trước.

Trong đó:

- Số dư đầu kì: 120 tấm đơn giá 213.500 đồng/ tấm
- Nhập trong kì: 1.025 tấm đơn giá 220.400 đồng/ tấm
- Trị giá thực tế gỗ MDF 5 ly xuất kho = 120*213.500 = 25.620.000

Căn cứ vào phiếu yêu cầu xuất kho(Biểu số 2.1) và phiếu xuất kho số 45/12 (Biểu số 2.3)và các chứng từ có liên quan kế toán ghi vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 621: 25.620.000

Có TK 152: 25.620.000

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật kí chung(Biểu số 2.3) đồng thời ghi vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK621(Biểu số 2.4). Căn cứ vào sổ nhật kí chung vào sổ cái TK 621(Biểu số 2.5), Sổ cái TK 152.

Cuối kì, căn cứ vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 621, kế toán sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 154. Từ sổ chi phí sản xuất kinh doanh theo dõi TK 154 kế toán lập bảng tính giá thành sản phẩm xuất ra trong kì.

Biểu số 2.1:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SONG HẢI

124 Điện Biên Phủ, thành phố Hải Dương

MST: 0800338133

PHIẾU YÊU CẦU XUẤT NGUYÊN VẬT LIỆU

Ngày 18 tháng 12 năm 2012

Họ tên người yêu cầu: Trịnh Thị Khải

Lý do xuất: Phục vụ sản xuất Bàn ghế học sinh cấp I

STT	Tên quy cách, nhãn hiệu VT, HH, SP	Mã số	ĐVT	Khối lượng
1	Gỗ MDF 5 ly	MDF	Tấm	120
2	Bu lông 10	BL	Chiếc	640
3	Vít 2	2V	kg	3

Người lập ***Giám đốc***

(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)*

Biểu số2.2:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SONG HẢI
Số 124 Điện biên Phủ, thành phố Hải Dương

Mẫu số 02- VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Số: XK 45/12

Ngày 18 tháng 12 năm 2012

Nợ TK: 621
Có TK: 152

Người nhận hàng: Ngô Văn Thắng

Đơn vị: Phân xưởng 1

Địa chỉ:

Nội dung : phục vụ sản xuất bàn ghế học sinh cấp I

STT	Mã kho	Mã vật tư	Tên vật tư	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	5M	MDF	Gỗ MDF 5 ly	Tấm	120	213.500	25.620.000
2	3BL	BL	Bu Lông 10	Chiếc	640	1.300	832.000
3	2V	V	Vít 2	kg	3	40.000	120.000
			Cộng				***26.572.000***

Ngày 18 tháng 12 năm2012

Người lập phiếu	***Người nhận hàng***	***Thủ kho***	***Kế toán trưởng***	***Giám đốc***
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Kí, họ tên, đóng dấu)*

Biểu số 2.3:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SONG HẢI
Số 124 Điện biên Phủ, thành phố Hải Dương

Mẫu số S03A - DN
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/10/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
NT	SH			Nợ	Có
		…..	….	….	……
16/12	PNK42/12	Mua NVL nhập kho của công ty TNHH Hoàng Minh			
		Nguyên vật liệu	152	80.190.000	
		Thuế GTGT được khấu trừ	133	8.019.000	
		Phải trả người bán	331		88.209.000
17/12	PC56/12	Trả nợ cho người bán- Công ty TNHH Sơn Tùng	331 111	32.465.070	32.465.070
18/12	**PXK45/12**	**Xuất gỗ MDF, bu lông 10 và vít 2 phục vụ cho sản xuất sản phẩm Bàn ghế học sinh cấp I**	**621** **152**	**26.572.000**	**26.572.000**
23/12	PNK43/12	Mua sơn chống ghỉ			
		Nguyên vật liệu	152	20.938.080	
		Thuế GTGT được khấu trừ	133	2.093.808	
		Phải trả người bán	331		23.031.888
…	…	…	…	…	….
		Tổng cộng số phát sinh		**212.058.249.700**	**212.058.249.700**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ	***Kế toán trưởng***	***Giám đốc***
(Kí, họ tên)	*(Kí, họ tên)*	*(Kí, họ tên, đóng dấu)*

Biểu 2.4

Mẫu số S36- DN

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SONG HẢI

Số 124 Điên Biên Phủ, thành phố Hải Dương

(Ban hành theo QĐ số 15/2006- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Từ ngày 01/10/2012 đến ngày 31/12/2012

Tên tài khoản: CP NVLTT
Tài khoản: 6211

Tên sản phẩm, dịch vụ: Bàn ghế học sinh cấp I
Tên phân xưởng: Phân xưởng số 1

Ngày ghi sổ	Ctừ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền		Chia ra				
	SH	NT			Nợ	Có	Gỗ MDF 5ly	Sắt ống	...	Sơn bột	VL khác
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
30/11	PXK52/11	30/11	Xuất kho Sắt vuông phục vụ sxsp	152	24.584.020			24.584.020			
06/12	PXK12/12	06/12	Xuất 4 thùng sơn bột phục vụ sxsp	152	5.200.000					5.200.000	
06/12	PXK13/12	06/12	Xuất giấy ráp phục vụ sxsp ở bộ phận gia công	152	32.000						32.000
18/12	**PXK45/12**	**18/12**	**Xuất NVL sản xuất bàn ghế học sinh cấp I**	**152**	**26.572.000**		**25.620.000**				**952.000**
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT72	31/12	Kết chuyển CP NVL TT	154		621.920.028					
			Cộng số phát sinh:		**621.920.028**	**621.920.028**	**324.329.090**	**266.928.920**	**...**	**24.468.992**	**6.193.026**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ	***Kế toán trưởng***	***Giám đốc***
(Kí, họ tên)	*(Kí, họ tên)*	*(Kí, họ tên, đóng dấu)*

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SONG HẢI
Số 124 Điện Biên Phủ, thành phố Hải Dương

Mẫu số S03A – DN

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
Số hiệu: TK 621
Từ ngày 01/10/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
.....	....	.....	.....	.....	.....	.....
30/11	PXK 52/11	30/11	Xuất kho sắt vuông phục vụ sản xuất sản phẩm	152	24.584.020	
06/12	PXK 12/12	06/12	Xuất kho 4 thùng sơn bột phục vụ sản xuất sản phẩm	152	5.200.000	
06/12	PXK 13/12	06/12	Xuất kho giấy ráp phục vụ sản xuất ở bộ phận gia công	152	32.000	
18/12	**PX45/12**	**18/12**	**Xuất gỗ MDF, bu lông 10 và vít 2 phục vụ sản xuất**	**152**	**26.572.000**	
.....	....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	PKT72	31/12	Kết chuyển CP NVLTT	154		2.915.563.668
			Cộng phát sinh quý:		**2.915.563.668**	**2.915.563.668**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu	***Kế toán trưởng***	***Giám đốc***
(Ký, họ tên)	***(Ký, họ tên)***	***(Kí, họ tên, đóng dấu)***

2.2.1.4. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp.

Tại công ty, chi phí nhân công trực tiếp là những khoản tiền phải trả công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm, thực hiện lao dịch vụ gồm: tiền lương chính, tiền lương phụ, các khoản phụ cấp, tiền trích BHXH, BHYT, công ty không trích BHTN và kinh phí công đoàn cho người lao động. Tiền lương được tính căn cứ vào Bảng chấm công hàng tháng và hệ số lương hiện hành(nhà nước quy định), hệ số năng suất(do công ty quy định).

Hệ số lương và hệ số năng suất:

- Hệ số lương: Căn cứ vào bằng cấp công ty tính hệ số lương cho công nhân(theo quy định của nhà nước) cụ thể như sau:

+ Đại học: 2,34

+ Cao đẳng: 1,80

+ Trung cấp: 1,55

+ Dưới trung cấp: 1,0

- Hệ số năng suất: Căn cứ vào bình chọn thi đua(chăm chỉ, cần cù, làm nhanh, năng suất cao, làm đẹp...) ở các bộ phận vào cuối tháng công ty tính hệ số năng suất cho công nhân viên để khuyến khích sản xuất sản phẩm(theo quy định của công ty). Cụ thể là:

+ Loại A: hệ số năng suất là 1,0

+ Loại B: hệ số năng suất là 0,8

+ Loại C: hệ số năng suất 0,7

❖ *Chứng từ sử dụng*: Kế toán chi phí nhân công trực tiếp sử dụng những loại chứng từ sau:

+ Bảng chấm công.

+ Bảng thanh toán tiền lương.

+ Phiếu nghỉ hưởng BHXH.

+ Bảng thanh toán BHXH.

+…..

❖ *Tài khoản sử dụng*

Công ty sử dụng tài khoản 622- Chi phí nhân công trực tiếp để tập hợp toàn bộ chi phí nhân công trực tiếp dùng trong kỳ.

TK 622 được mở chi tiết theo dõi cho từng sản phẩm:

TK6221: Bàn ghế học sinh cấp I

TK 6222: Bàn ghế học sinh cấp II

TK 6223: Tủ đựng hồ sơ...

❖ *Quy trình hạch toán*

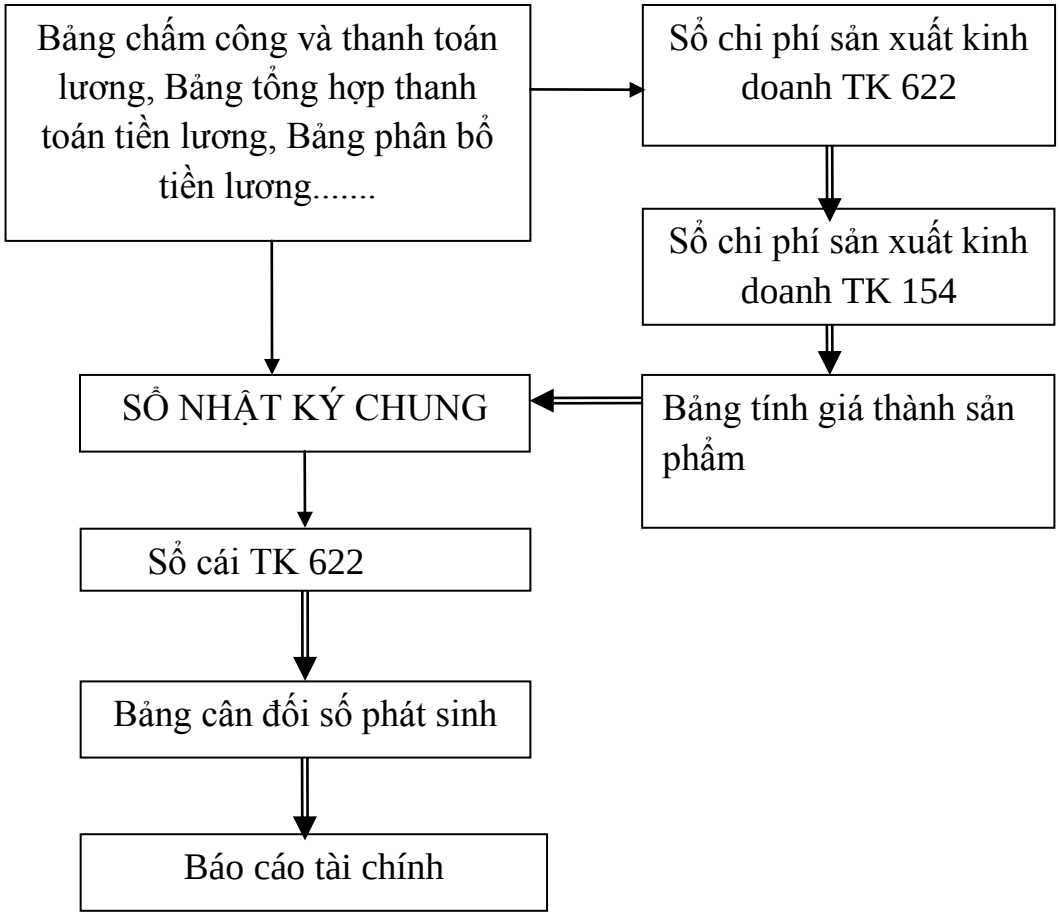

Ghi chú:

: Ghi hàng ngày

: Ghi cuối kỳ

: Đối chiếu

- Hàng ngày, căn cứ vào Bảng chấm công... kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 622, từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các TK có kiên quan như TK 622...

- Cuối quý, kế toán căn cứ vào số liệu trên sổ chi phí sản xuất kinh doanh theo dõi CP NCTT lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 154. Từ sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 154 kế toán lập bảng tính giá thành sản phẩm sản xuất ra trong quý. Từ bảng tính giá thành kế toán vào sổ nhật ký chung phản ánh bút toán liên quan đến giá thành sản phẩm.

Hàng tháng, căn cứ vào Bảng chấm công của đơn vị (gồm phòng ban và tổ) và các chứng từ khác có liên quan đến lao động tiền lương của từng đơn vị chấm công và có thủ trưởng đơn vị xác nhận, ký duyệt. Phòng kế toán kiểm tra và tính ra tiền lương của từng đơn vị.

Sau khi tính ra lương của các đơn vị, kế toán trưởng sẽ tập hợp tổng tiền lương phải trả phát sinh trong tháng theo từng đối tượng được hưởng lương và lập Bảng phân bổ tiền lương của toàn công ty.

Các khoản trích theo lương công ty tính như sau:

- BHXH: Tính bằng 24% trên tổng quỹ lương cơ bản

Trong đó: 17% tính vào chi phí sxkd

7% khấu trừ vào lương của người lao động

- BHYT: Tính bằng 4,5% trên tổng quỹ lương cơ bản

Trong đó 3% tính vào chi phí sxkd

1,5 % khấu trừ vào lương của người lao động

Công ty không trích BHTN và KPCĐ.

Hiện nay, ở công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải áp dụng hình thức trả lương theo thời gian.

$$\text{Lương thời gian} = \frac{(\text{Lương cơ bản} + \text{Lương năng suất}) * \text{số ngày làm việc thực tế}}{\text{Số ngày công quy định trong tháng}}$$

Lương cơ bản = Lương tối thiểu x Hệ số lương

Lương năng suất = Lương tối thiểu x Hệ số lương x Hệ số năng suất

Lương phải trả CNV = Lương cơ bản + Lương năng suất + Phụ cấp xăng xe + Ăn ca.

Lương thực lĩnh của CNV = Lương phải trả CNV – các khoản giảm trừ vào lương.

Ví dụ: Tính lương phải trả công nhân Trần Văn Dũng ở bộ phận sản xuất.

Tiền lương của công nhân,nhân viên = (Lương tối thiểu * Hệ số lương * Ngày công thực tế): Số ngày công làm việc thực tế theo quy định trong tháng.

Tiền lương của Trần Văn Dũng = (1.050.000* 1,80* 26): 26 = 1.890.000

Lương hệ số năng suất = Lương tối thiểu * Hệ số lương* Hệ số năng suất

Lương hệ số năng suất = 1.050.000* 1*1,80 = 1.890.000

Lương phải trả = Lương cơ bản + Lương năng suất + Phụ cấp xăng xe + ăn ca

= 1.890.000+ 1.890.000+ 300.000 + 312.000 = ***4.392.000đ***

Trích BHXH trừ vào lương = 7%* lương cơ bản = 1.890.000* 0,07 = 132.300

Trích BHYT trừ vào lương = 1,5% * lương cơ bản = 1.890.000* 0,015 = 28.350

Lương của công nhân thực lĩnh = Tổng thu nhập - các khoản trừ vào lương

= 4.392.000 – 132.300 – 28.350 = ***4.231.350đ***

Căn cứ vào Bảng chấm công, bảng thanh toán và phân bổ lương, kế toán định khoản bút toán liên quan đến tiền lương và các khoản trích theo lương như sau:

(1). Tiền lương phải trả:

Nợ TK 622: 323.733.612

Nợ TK 627: 114.484.350

Nợ TK 641: 100.920.257

Nợ TK 642: 117.639.601

Có TK 334: 656.777.820

(2) Sau đó kế toán sẽ tính các khoản trích theo lương vào chi phí và khấu trừ vào lương của CBCNV:

Nợ TK 622: 29.813.592

Nợ TK 627: 12.247.030

Nợ TK 641: 10.796.003

Nợ TK 642: 12.584.565

Nợ TK 334: 23.182.462

Có TK 338: 88.642.652

- Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.3) đồng thời ghi vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 622 (Biểu số 2.4). Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 622 (Biểu số 2.5), Sổ cái TK 334, TK 338

- Cuối kì, căn cứ vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 622 kế toán sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 154. Từ sổ chi phí sản xuất kinh doanh kế toán lập bảng tính giá thành.

Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải
Số 124 Điện Biên Phủ, thành phố Hải Dương

BẢNG CHẤM CÔNG DÀNH CHO BỘ PHẬN SẢN XUẤT THÁNG 12 NĂM 2012

Phân xưởng số 1(Sản xuất bàn ghế học sinh cấp I)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày trong tháng															Số công
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	....	31	
1	Nguyễn Thị Minh	CN	X	x	X	X		x	x	x	x	x	X		x	…	x	26
2	Trần Văn Dũng	CN	X	x	X	X		x	x	x	x	x	X		x	…	x	26
3	Đặng Thị Hồng	CN	X	x	X	X		x	x	x	x	ô	X		x	…	x	25
4	Trần Thị Hòa	CN	X	x	X	X		x	x	x	x	x	X		x	…	x	26
....	.....	….	.....	…	…	…	…	…	…	…	…	…	…	…	…	…	…	…

Người chấm công ***Phụ trách bộ phận*** ***Giám đốc***

Nguyễn Thị Minh Hiếu *Nguyễn Hải Bằng*

Ký hiệu chấm công.

- Con ốm: Cô *- Nghỉ bù: NB* *- Ngừng việc: N* *- Nghỉ phép: P*

- Ốm, điều dưỡng: Ô *- Nghỉ không lương: KL* *- Thai sản : TS* *- Tai nạn:*

Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải

Số 124 Điện Biên Phủ, thành phố Hải Dương

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG CHO CBCNV BỘ PHẬN SẢN XUẤT THÁNG 12 NĂM 2012

Phân xưởng số 1(bàn ghế học sinh cấp I)

Họ tên	Bộ phận	lương tối thiểu	Ngày công thực tế	Hệ số lương	Lương cơ bản	Hệ số năng suất	Lương hệ số năng suất	Ăn ca	Phụ cấp xăng xe	Phụ cấp trách nhiệm	Tổng thu nhập	Các khoản giảm trừ		Thực lĩnh	Ký nhận
												BHXH(7%)	BHYT(1,5%)		
……..	…	…	…	…	…	…	…	…	…	…	…	…	…	…	…
Nguyễn Thị Minh	SX	1.050.000	26	1,8	1.890.000	1	1.890.000	312.000	300.000	375.000	4.567.000	132.300	28.350	4.406.350	Minh
Trần Văn Dũng	SX	1.050.000	26	1,8	1.890.000	1	1.890.000	312.000	300.000		4.392.000	132.300	28.350	4.231.350	Dũng
Đặng Thị Hồng	SX	1.050.000	25	1,55	1.627.500	0,8	1.302.000	312.000	300.000		3.541.500	113.925	24.413	3.403.163	Hồng
……	…	…	…	…	…	…	…	…	…	…	…	…	…	….	…
Trần Thị Hòa	SX	1.050.000	26	1	1.050.000	0,8	840.000	312.000	300.000		2.502.000	73.500	15.750	2.412.750	Hòa
Cộng		***47.750.000***			***68.493.239***		***65.372.493***	***15.160.000***	***16.265.000***	***6.425.000***	***120.012.220***	***9.819.301***	***2.104.135***	***108.088.784***	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập bảng	***Kế toán trưởng***	***Giám đốc***
(Kí, họ tên)	*(Kí, họ tên)*	*(Kí, họ tên, đóng dấu)*

Biểu số 2.8

Đơn vị: Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải

Địa chỉ: 124 Điện Biên Phủ, thành phố Hải Dương

BẢNG PHÂN BỔ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI

Tháng 12 năm 2012

Đơn vị: Đồng

STT	TK ghi Có Bộ phận	TK334		TK338 (Trích các khoản lương đưa vào chi phí)			TK 338 (Trừ vào lương)
		Lương cơ bản	Lương thực tế	BHXH	BHYT	Cộng	BHXH, BHYT
1	**Bộ phận sản xuất(TK 622)**	**134.298.302**	**323.733.612**	**21.130.711**	**8.700.881**	**29.831.592**	**10.565.355**
	- Phân xưởng số 1	**68.493.239**	**120.012.220**	**9.093.850**	**3.744.527**	**12.838.377**	**4.546.925**
	- Phân xưởng số 2	45.760.987	102.664.892	7.779.368	3.203.269	10.982.637	3.889.684
	….	….	….	…	…	…	…
2	Bộ phận QLPX - TK 627	51.029.293	114.484.350	8.674.980	3.572.050	12.247.030	4.337.490
3	Bộ phận bán hàng - TK 641	44.983.348	100.920.257	7.647.169	3.148.834	10.796.003	3.823.584
4	Bộ phận QLDN - TK 642	52.435.688	117.639.601	8.914.067	3.670.498	12.584.565	4.457.033
	Cộng:	**272.746.631**	**656.777.820**	**46.366.927**	**19.092.263**	**65.459.190**	**23.183.462**

Người lập bảng
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, họ tên)

Giám đốc
(Kí, họ tên, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SONG HẢI
124 Điện Biên Phủ,thành phố Hải Dương

Mẫu số S03A - DN
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
…	...	…	…	…	…	…
23/12	PNK33/12	23/12	Mua sơn chống gỉ phục vụ sản xuất, chưa thanh toán cho người bán	152 133 331	20.938.080 2.093.808	 23.031.888
31/12	**PBL T12**	**31/12**	**Tính lương phải trả CBCNV trong tháng 12**	**622** **627** **641** **642** **334**	**323.733.612** **114.484.350** **100.920.257** **117.639.601**	 **656.777.820**
31/12	**PBL T12**	**31/12**	**Trích các khoản trích theo lương tháng 12**	**622** **627** **641** **642** **334** **338**	**29.831.592** **12.247.030** **10.796.003** **12.585.565** **23.183.462**	 **88.642.652**
31/12	PC62/12	31/12	Chi tiền tạm ứng đi công tác tháng 12 bằng tiền mặt	141 111	5.000.000	 5.000.000
31/12	PNK51/12	31/12	Mua dung môi phục vụ sản xuất, đã thanh toán bằng chuyển khoản	152 133 112	20.398.202 2.039.820	 22.438.022
31/12	PNK52/12	31/12	Mua gỗ ép của Công ty TNHH Mai Hoàng	152 133 331	40.209.930 4.020.993	 44.230.923
...	...	…	…	…	...	…
			Cộng số phát sinh:		**212.058.249.700**	**212.058.249.700**

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.10

Mẫu số S36- DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SONG HẢI
Số 124 Điện Biên Phủ, thành phố Hải Dương

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Từ ngày 01/10/2012 đến ngày 31/12/2012

Tên tài khoản: CP NVL TT(6211) *Tên bộ phận: phân xưởng số 1(sản xuất Bàn ghế học sinh cấp I)*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền		Chia ra	
	SH	NT			Nợ	Có	Lương	Các khoản trích
…	…	…	…	…	….	….	….	….
31/12	**PBL T12**	**31/12**	**Tính lương phải trả** **Trích các khoản trích theo lương của CNSX thuộc phân xưởng số 1(sản xuất bàn ghế học sinh cấp I)**	**334** **338**	**120.012.220** **29.831.592**		**120.012.220**	**29.831.592**
…	**…**	…	**…**	…	…	…	…	**…**
31/12		31/12	Kết chuyển CP NCTT	1541		449.531.436		
			Cộng số phát sinh		**449.531.436**	**449.531.436**	**360.036.660**	**89.494.776**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ	***Kế toán trưởng***	***Giám đốc***
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Biểu số 2.11

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SONG HẢI
Số 124 Điện Biên Phủ, thành phố Hải Dương

Mẫu số S03A - DN
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản: Chi phí nhân công trực tiếp

Số hiệu: TK 622

Từ ngày 01/10/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: đồng

Ngày GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kì:			
			Số phát sinh trong kì:			
31/10	PBL T10	31/10	Tính lương phải trả CN ở bộ phận Sản xuất tháng 10	334	398.991.001	
31/10	PBL T10	31/10	Trích lương vào chi phí của bộ phận sản xuất	338	30.266.453	
30/11	PBL T11	30/11	Tính lương cho CN thuộc bộ phận sản xuất	334	419.933.290	
30/11	PBL T11	30/11	Trích lương vào chi phí của bộ phận sản xuất	338	31.993.619	
31/12	**PBL T12**	**31/12**	**Tính lương cho CNSX ở bộ phận sản xuất**	**334**	**323.733.612**	
31/12	**PBL T12**	**31/12**	**Trích lương vào chi phí của bộ phận sản xuất**	**338**	**29.831.592**	
31/12	PKT 73	31/12	Kết chuển chi phí nhân công trực tiếp	154		1.234.749.567
			Cộng phát sinh:		**1.234.749.567**	**1.234.749.567**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu	***Kế toán trưởng***	***Giám đốc***
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

2.2.1.5. Kế toán chi phí sản xuất chung.

❖ Nội dung của chi phí sản xuất chung.

Chi phí sản xuất chung là những khoản chi phí cần thiết khác phục vụ quá trình SX phát sinh ở các tổ, bộ phận sản xuất. Bao gồm: chi phí nhân viên phân xưởng, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền.

❖ Chứng từ hạch toán

Kế toán chi phí sản xuất chung sử dụng các chứng từ sau:

Hoá đơn GTGT, Hoá đơn bán hàng, Hoá đơn cước phí vận chuyển, Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho, Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, biên bản kiểm kê vật tư sản phẩm hàng hoá, các chứng từ hướng dẫn như phiếu xuất kho vật tư theo hạn mức, biên bản kiểm nhận vật tư.

❖ Tài khoản sử dụng.

Kế toán hạch toán Chi phí sản xuất chung trên tài khoản 627 "Chi phí sản xuất chung". TK 627 được mở chung theo dõi cho toàn công ty và được mở chi tiết theo dõi theo từng nội dung chi phí như sau:

- TK 6271: Chi phí nhân công quản lý phân xưởng: Lương của nhân viên quản lý phân xưởng như quản đốc, tổ trưởng tổ sản xuất...
- TK 6273: Chi phí công cụ dụng cụ: các dụng cụ phục vụ cho hoạt động sản xuất sản phẩm: kéo, bàn ghế, giá đỡ phun sơn...
- TK 6724: Chi phí khấu hao TSCĐ: khấu hao TSCĐ phục vụ sản xuất tại phân xưởng.
- TK 6277: Chi phí khác bằng tiền: tiền điện, tiền nước...
- TK 6278: Chi phí dịch vụ mua ngoài: các chi phí mua đồ dùng, thiết bị bên ngoài như: khẩu trang cho công nhân sản xuất, thuốc y tế....

❖ Quy trình hạch toán

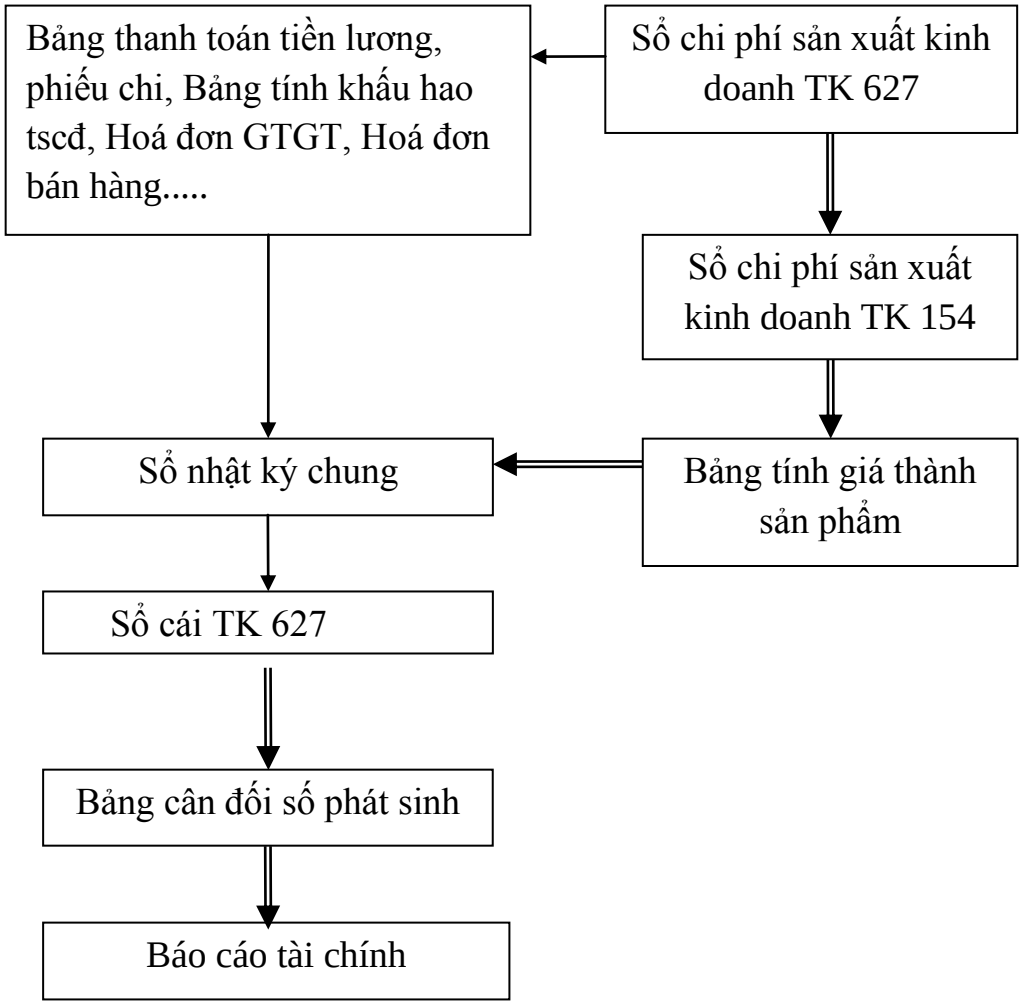

Ghi chú:

: Ghi hàng ngày

: Ghi cuối kì

: Đối chiếu

- Hàng ngày, căn cứ vào phiếu xuất kho, phiếu chi, HĐGTGT... kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 627, từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 627.

- Cuối kì, kế toán căn cứ vào số liệu trên sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 627 kế toán lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 154.

❖ Chi phí nhân viên quản lý phân xưởng

Cũng như trả lương cho công nhân sản xuất trực tiếp, phải căn cứ vào Bảng chấm công, bảng thanh toán lương hàng tháng, danh sách những nhân viên tham gia vào quá trình quản lý và kế toán tính lương. Căn cứ vào các bảng này thì kế toán tiến hành lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 627 để tiện theo dõi trong quá trình kinh doanh.

Cuối tháng, căn cứ vào bảng chấm công (Biểu số 2.6), Bảng thanh toán lương (Biểu số 2.7) của các cán bộ quản lý phân xưởng do cán bộ phòng kế toán theo dõi để tính ra lương phải trả cho cán bộ quản lý phân xưởng.

Căn cứ vào bảng phân bổ tiền lương, kế toán phản ánh bút toán liên quan đến tiền lương của nhân viên quản lý phân xưởng vào chi phí sản xuất chung số tiền: 114.484.350đồng và các khoản trích theo lương số tiền: 12.247.030 đồng.

❖ Chi phí công cụ, dụng cụ:

Khi dưới phân xưởng có nhu cầu về vật tư, công cụ dụng cụ để phục vụ cho sản xuất của phân xưởng, tổ trưởng sẽ cấp phát tại kho hoặc nếu ở kho chưa có sẽ báo cáo bộ cung ứng đi mua trực tiếp. Doanh nghiệp mở TK 153 để theo dõi tình hình biến động của công cụ, dụng cụ cả về chỉ tiêu hiện vật lẫn giá trị. Tại doanh nghiệp có những công cụ dụng cụ xuất dùng một lần, nhưng cũng có một số những công cụ dụng cụ xuất dùng làm nhiều lần. Vì vậy, với những công cụ dụng cụ này kế toán phải phân bổ theo số tháng dự kiến sử dụng công cụ dụng cụ, sau đó phân bổ cho từng tháng theo công thức:

$$\text{Giá trị CCDC phân bổ trong tháng} = \frac{\text{Trị giá CCDC}}{\text{Số tháng dự kiến sử dụng}}$$

Biểu số: 2.12

BẢNG PHÂN BỔ CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN- TK242

Tháng 12 năm 2012

STT	Tên VT	Bộ phận SD	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thời gian phân bổ (tháng)	Giá trị còn lại kỳ trước	Số tiền phân bổ kỳ này	Đối tượng phân bổ		
									627	641	642
1	Điều hoà	QLDN	1	6.527.723	6.527.723	24	6.255.735	271.988			271.988
2	Máy tính	BPSX	1	8.783.029	6.783.029	36	6.594.612	188.417	188.417		
2	Tủ hồ sơ	QLDN	2	1.800.000	3.600.000	24	3.450.000	150.000			150.000
3	Máy in	QLDN	1	1.363.637	1.363.637	24	1.306.819	56.818			56.818
4	Máy in	QLDN	3	1.619.047	4.857.141	24	4.654.760	202.381			202.381
5	Bàn 1,8m	BPBH	4	1.800.000	7.200.000	24	6.900.000	300.000		300.000	
6	Máy tính	QLDN	4	9.000.000	36.000.000	36	35.000.000	1.000.000			1.000.000
…	.....	.....	....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
	Cộng				**185.075.000**		**136.182.458**	**13.074.269**	**6.829.302**	**2.145.097**	**4.099.870**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Căn cứ vào bảng phân bổ công cụ dụng cụ, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (*Biểu số 2.18*) đồng thời ghi vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 627 (*Biểu số 2.19*). Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 641, sổ cái TK 642, sổ cái TK 627 (*Biểu số 2.20*) và sổ cái TK 242

❖ Chi phí khấu hao TSCĐ

Mỗi loại tài sản cố định có một tính năng tính chất tác dụng khác nhau và được sử dụng trong các phân xưởng. Do có nhiều chi tiết tài sản mà mỗi loại, mỗi nhóm tài sản lại có tỷ lệ khấu hao khác nhau nên để tính tổng mức khấu hao trong kỳ kế toán phải tính mức khấu hao cho từng chi tiết tài sản và theo dõi từng nhóm tài sản đó. Để phán ánh giá trị hao mòn TSCĐ trong quá trình sử dụng, kế toán sử dụng tài khoản 214.

Để thuận tiện cho việc theo dõi KH TSCĐ, công ty đã sử dụng phương pháp tính KH TSCĐ theo đường thẳng (KH đều), thời gian sử dụng đã được quy định theo thông tư của Bộ tài chính. Hàng tháng, kế toán tiến hành trích KH TSCĐ và phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí(TK 642, TK 627, TK 641).

$$\text{Mức khấu hao năm} = \frac{\text{Nguyên giá}}{\text{Số năm sử dụng}} \text{Nguyên giá} * \text{Tỉ lệ khấu hao năm}$$

$$\text{Mức khấu hao tháng} = \frac{\text{Mức khấu hao năm}}{\text{12 tháng}}$$

$$\text{Tỉ lệ khấu hao năm} = \frac{1}{\text{Số năm sử dụng}} * 100\%$$

Căn cứ để phán ánh vào từng đối tượng chịu chi phí là Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ do kế toán lập.

Biểu số 2.13

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SONG HẢI

Số 124 Điện Biên Phủ, thành phố Hải Dương

BẢNG TÍNH KHẤU HAO TSCĐ

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tên tài sản	*Bộ phận SD*	*Số th KH*	*Nguyên giá*	*Tổng mức khấu hao đã tính*	*GT KH trong tháng*	*Phân bổ cho các đơn vị*		
						627	*641*	*642*
1	2	3	4	5	6	7	8	9
Máy dán cạnh	BPSX	72	286.809.524	119.740.430	3.983.465	1.991.733		
Nhà xưởng	BPSX	96	861.403.335	253.849.836	8.972.957	4.785.574		
Xe ôtô con 84H–0495	QLDN	96	473.068.519	70.067.861	4.927.797			2.628.158
Xe ôtô tải 84H – 4589	BPBH	96	381.000.000	168.600.024	3.968.750		3.175.000	
...	…	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
Tổng cộng			***26.616.338.248***	***14.900.430.720***	***234.029.235***	***196.239.123***	***12.175.060***	***25.615.052***

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Căn cứ vào bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.18) đồng thời ghi vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 627 (Biểu số 2.19). Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 627 (Biểu số 2.20), sổ cái TK 214, sổ cái TK 641, sổ cái TK 642

❖ **Chi phí dịch vụ mua ngoài.**

Chi phí dịch vụ mua ngoài của công ty bao gồm: tiền điện, tiền điện thoại, tiền sửa chữa tài sản cố định....

Ví dụ 1: Ngày 28 tháng 12 năm 2012, công ty thanh toán tiền điện thoại, tổng số tiền thanh toán là 2.501.290 đồng. Công ty thanh toán ngay bằng tiền mặt. Kế toán ghi vào sổ sách kế toán theo định khoản:

Nợ TK 627: 2.273.900

Nợ TK 133: 227.390

Có TK 111: 2.501.290

Từ bút toán trên, căn cứ vào HĐGTGT, phiếu chi kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.18). Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 627 (Biểu số 2.20), sổ cái TK 111, sổ cái TK 133.

Biểu số 2.14

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT) Mẫu số: 01GTKT-2LN-03

TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT) Ký hiệu: AC/12T

Liên 2: Giao khách hàng Số: 0555878

Mã số: 0800338133

TT Dịch vụ khách hàng- VTHD- Số 438 Thanh Niên

Tên khách hàng (customer's name): Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải

Mã số: 0800338133

Địa chỉ (address): Số 124 Điện Biên Phủ,thành phố Hải Dương

Số điện thoại (tel): 0320-3853817 Mã số (code):1524A

Hình thức thanh toán (kind of payment):TM/CK

Dịch vụ sử dụng (kind of service)		Thành tiền (amount)
KỲ HÓA ĐƠN THÁNG 12/2010 a, Cước dịch vụ viễn thông b, Cước dịch vụ viễn thông không thuế c, Chiết khấu + đa dịch vụ d, Khuyến mại e, Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ		2.273.900 0
(a+b+c+d)	Cộng tiền dịch vụ(1)	2.273.900
Thuế suất GTGT: 10%	Tiền thuế GTGT (2)	227.390
(1+2+e)	Tổng cộng tiền thanh toán	2.501.290

Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu năm trăm linh một nghìn hai trăm chín mươi đồng.

Ngày 28 tháng 12 năm 2012

Người nộp tiền ký ***Nhân viên giao dịch ký***

Đơn vị: Cty Song Hải
Địa chỉ: 124 ĐBP-TPHD

PHIẾU CHI

Ngày 28 tháng 12 năm 2012

Số: 28/12

Mẫu số 02 – TT
QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 03 năm 2006
của Bộ Tài Chính

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Hồng

Địa chỉ: Công ty VNPT

Lý do chi: Thanh toán tiền điện thoại tháng 12

Số tiền: ***2.501.290***(viết bằng chữ): Hai triệu năm trăm linh một nghìn hai trăm chín mươi đồng.

Kèm theo : 01 Chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ): Hai triệu năm trăm linh một nghìn hai trăm chín mươi đồng.

Ngày 28 tháng 12 năm 2012.

Giám đốc	***Kế toán trưởng***	***Người nhận tiền***	***Người lập phiếu***	***Thủ quỹ***
(Ký,họ tên,đóng dấu)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

❖ Chi phí khác bằng tiền.

Đây là những khoản chi phí bằng tiền ngoài các khoản chi phí đã được kể trên phục vụ cho hoạt động sản xuất của phân xưởng bao gồm: tiền mua khẩu trang, gang tay lao động ....

Ví dụ 2: Ngày 04/12/2012, công ty chi tiền mặt thanh toán tiền mua khẩu trang cho công nhân, tổng số tiền thanh toán là 1.213.019 đồng

Nợ TK 627: 1.102.745

Nợ TK 133: 110.274

Có TK 111: 1.213.019

Đơn vị: Cty Song Hải
Địa chỉ: 124 ĐBP-TPHD

PHIẾU CHI

Ngày 04 tháng 12 năm 2012

Số: 04/12

Mẫu số 02 – TT
QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 03 năm 2006
của Bộ Tài Chính

Họ và tên người nhận tiền: Dương Thị Huệ

Địa chỉ: Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải

Lý do chi: Mua khẩu trang bảo hộ cho công nhân

Số tiền: 1.213.019(viết bằng chữ): Một triệu hai trăm mười ba nghìn không trăm mười chín đồng.

Kèm theo : 01 Chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ): Một triệu hai trăm mười ba nghìn không trăm mười chín đồng.

Ngày 04 tháng 12 năm 2012.

Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người nhận tiền**	**Người lập phiếu**	**Thủ quỹ**
(Ký,họ tên,đóng dấu)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

Do công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải chuyên về sản xuất các loại tủ, bàn ghế, đồ nội thất văn phòng công sở nên chi phí NVL TT chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong tổng chi phí tính giá thành sản phẩm. Chính vì vậy, hệ số phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng loại sản phẩm được dựa vào tỷ lệ % NVL TT xuất dùng trong kỳ.

Và được tính như sau:

$$\text{Hệ số phân bổ chi phí sản xuất chung} = \frac{\text{Chi phí NVL TT của từng loại sản phẩm}}{\text{Tổng chi phí NVL TT xuất dùng}}$$

$$\text{CP sx chung Phân bổ cho từng loại sản phẩm} = \text{Hệ số phân bổ CP sản xuất chung} \times \text{Tổng mức chi phí sản xuất chung}$$

Căn cứ vào cách xác định trên, kế toán tính toán hệ số phân bổ chi phí sản xuất cho từng loại chi phí và phân bổ cho từng loại sản phẩm nội thất. Dựa vào Bảng hệ số phân bổ chi phí sản xuất để tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng loại sản phẩm.

+ CPSXC phân bổ cho bàn, ghế học sinh cấp I

= 0.213*1.121.398.164 = 238.857.809

+) CP sx chung phân bổ cho bàn ghế học sinh cấp II

= 0.215* 1.121.398.164 = 241.100.605

+) CP sx chung phân bổ cho tủ hồ sơ

= 0.184 * 1.121.398.164 = 206.337.262

+) CP sx chung phân bổ cho cầu trượt

= 0.191* 1.121.398.164 = 214.187.049

+) CP sx chung phân bổ cho Bàn ghế mẫu giáo = 0.196 * 1.121.398.164 = 220.915.439

Biểu số 2.17

BẢNG HỆ SỐ PHÂN BỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG

Từ ngày 01/10 đến ngày 31/12 năm 2012

Tên sản phẩm	*CP NVL của từng sp*	*Hệ số phân bổ Chi phí SXC*	*Chi phí sản xuất chung phân bổ cho từng sản phẩm*
- Bàn ghế học sinh cấp I	621.920.028	0.213	238.857.809
- Bàn ghế học sinh cấp II	627.664.992	0.215	241.100.605
- Tủ hồ sơ	536.367.454	0.184	206.337.262
- Cầu trượt	556.754.750	0.191	214.187.049
- Bàn ghế mẫu giáo	572.856.444	0.196	220.915.439
Tổng	***2.915.563.668***		***1.121.398.164***

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu	***Kế toán trưởng***	***Giám đốc***
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SONG HẢI

Số 124 Điện Biên Phủ, thành phố Hải Dương

Mẫu số S03A - DN

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/10/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số phát sinh :			
…	…	…	…	…	…	…
04/12	**PC 04/12**	**04/12**	**Chi tiền mua khẩu trang**	**627** **133** **111**	**1.102.745** **110.274**	 **1.213.019**
			…..			
17/12	PC56/12	17/12	Trả nợ cho người bán Công ty TNHH Sơn Tùng	331 111	32.465.070	 32.465.070
18/12	PXK45/12	18/12	Xuất kho gỗ MDF 5 ly, bu lông 10 và vít 2 để phục vụ sxsp	621 152	26.572.000	 26.572.000
23/12	PNK43/12	23/12	Mua sơn chống gỉ của Công ty TNHH Sơn Tùng, đã thanh toán bằng chuyển khoản	152 133 111	20.938.080 2.093.808	 23.031.888
28/12	**PC 28/12**	**28/12**	**Thanh toán tiền điện thoại**	**627** **133** **111**	**2.273.900** **227.390**	 **2.501.290**
31/12	PNK62	31/12	Mua Gỗ ép của công ty TNHH Mai Hoàng chưa thanh toán	152 133 331	42.732.077 4.273.207	 47.005.284
31/12	PBCCDC T12	31/12	Phân bổ công cụ dụng cụ	627 641 642 242	6.829.302 2.145.097 4.099.870	 13.074.269
31/12	PBKH T12	31/12	Phân bổ khấu hao	627 641 642 214	196.239.123 12.175.060 25.615.052	 234.029.235
31/12	PKT 178	31/12	Kết chuyển Chi phí SXC	154 627	1.121.398.164	 1.121.398.164
…	…	…	……	…	…….	…….
			Cộng số phát sinh:		**212.058.249.700**	**212.058.249.700**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ	***Kế toán trưởng***	***Giám đốc***
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên,đóng dấu)*

Biểu số 2.19

Mẫu số S36- DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SONG HẢI
Số 124 Điện Biên Phủ,thành phố Hải Dương

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Từ 01/10/2012 đến 31/12/2012

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung Tài khoản: 627

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Tổng số tiền		Chia ra				
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	6271	6273	6274	6277	6278
…	…	…	…	…	…	…	…	…	…	…	…
04/12	PC 04/12	04/12	Chi tiền mua khẩu trang	111	1.102.745						1.102.745
28/12	PC 28/12	28/12	Thanh toán tiền điện thoại	111	2.273.900					2.273.900	
30/12	PC30/12	30/12	Thanh toán tiền điện, nước	111	40.235.020					40.235.020	
31/12	KHT12	31/12	Phân bổ KH TSCĐ	214	196.239.123				196.239.123		
31/12	BTLT12	31/12	Tính lương phải trả CBCNV ở bp QLPX	334	114.484.350		114.484.350				
31/12	PBCCDC T12	31/12	Phân bổ ccdc	242	13.074.269			13.074.269			
31/12	PB CPSXC	31/12	Kết chuyển CPSXC của bàn, ghế học sinh cấp I	1541		238.857.809					
			.....								
			Cộng số phát sinh quý:		***1.121.398.164***	***1.121.398.164***	***343.453.050***	***39.222.807***	***588.717.369***	***135.820.392***	***14.184.546***

Người lập *(Kí, họ tên)*

Kế toán trưởng *(Kí, họ tên)*

Giám đốc *(Kí, họ tên, đóng dấu)*

Biểu số 2.20

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SONG HẢI
Số 124 Điện Biên Phủ, thành phố Hải Dương

Mẫu số S03B – DN
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản: Chi phí sản xuất chung

Số hiệu: TK 627

Từ ngày 01/10/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
.....	....	.....	.....	.....	.....	.....
04/12	**PC 05/12**	**04/12**	**Chi tiền mua khẩu trang**	**111**	**1.102.745**	
28/12	**PC 28/12**	**28/12**	**Chi tiền thanh toán tiền điện thoại**	**111**	**2.273.900**	
31/12	KHT12	31/12	Phân bổ KH TSCĐ	214	196.239.123	
31/12	BPBL T12	31/12	Tính lương phải trả cn ở bộ phận QLPX	334	114.484.350	
31/12	BPBL T12	31/12	Trích các khoản trích vào chi phí	338	12.247.030	
31/12	CCDC T12	31/12	Phân bổ ccdc	242	13.074.269	
....	.....	.....	.....	…	.....	.....
31/12	PKT 74	31/12	Kết chuyển Chi phí SXC	154		1.121.398.164
			Cộng số phát sinh quý:		**1.121.398.164**	**1.121.398.164**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu	***Kế toán trưởng***	***Giám đốc***
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóngdấu)*

2.2.1.6. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất.

Để tập hợp chi phí sản xuất phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm, kế toán sử dụng TK 154- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Cuối kỳ kế toán tập hợp toàn bộ chi phí sx của toàn công ty đã tập hợp theo từng khoản mục chi phí để tính giá thành sản phẩm hoàn thành.

Tập hợp chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải bao gồm toàn bộ chi phí liên quan đến quá trình sản xuất và kinh doanh theo công thức:

Chi phí phát sinh trong kỳ = Chi phí NVL TT + Chi phí NC TT + Chi phí sx chung

Tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm: Các loại chi phí trên đều được tập hợp vào bên nợ tài khoản 154. Cụ thể: Cuối kỳ tính giá sau khi đã tập hợp được các chứng từ liên quan, kế toán tập hợp TK 621, TK 622, TK 627 kết chuyển sang TK 154. TK 154 được mở chi tiết theo từng sản phẩm.

- ✓ TK 1541: Bàn ghế học sinh cấp I.
- ✓ TK 1542: Bàn ghế học sinh cấp II.
- ✓ TK 1543: Tủ hồ sơ . ...

Quy trình hạch toán:

Kế toán tập hợp các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp(TK 621), nhân công trực tiếp(TK 622) và chi phí sản xuất chung(TK 627) cuối kì kết chuyển sang TK 154 tính giá thành sản phẩm làm ra trong kỳ.

2.2.2. Kế toán đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải.

Tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải, sản phẩm dở dang là những sản phẩm nội thất trường học, nội thất văn phòng.... Do công ty tính giá thành sản phẩm theo từng sản phẩm hoặc từng đơn đặt hàng nên các sản phẩm dở dang được theo dõi trên phiếu tính giá thành sản phẩm và sổ chi tiết TK 154.

Công ty áp dụng đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực

tiếp, công thức tính như sau:

$$D_{ck} = \frac{D_{dk} + C_{tk}}{Q_{ht} + Q_{dd}} * Q_{dd}$$

Trong đó:

- D_{ck}, D_{dk}: là chi phí NVL trực tiếp tính cho SPĐ cuối kì, đầu kì.
- C_{tk}: là chi phí NVL trực tiếp phát sinh trong kì.
- Q_{ht} , Q_{dd}: là số lượng sản phẩm hoàn thành và SPDD cuối kì.

Sản phẩm Bàn ghế học sinh cấp I sản xuất và hoàn thành trong kì nên không có chi phí sản xuất dở dang cuối kì.

2.2.3. Kế toán giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải.

2.2.3.1. Đối tượng tính giá thành và kì tính giá thành.

* *Đối tượng tính giá thành*

Căn cứ vào đặc điểm công nghệ và tính chất sản xuất các sản phẩm của Công ty, do đó đối tượng tính giá thành của công ty là từng loại sản phẩm nội thất: bàn ghế học sinh cấp I; bàn ghế học sinh cấp II; tủ hồ sơ; cầu trượt đầu rồng, xích đu; Bàn ghế mẫu giáo.

* *Kỳ tính giá thành*

Do khối lượng công việc nhiều, nhưng công ty mới chỉ có 4 kế toán vì vậy công ty chọn tính giá thành sản phẩm theo quý.

2.2.3.2. Phương pháp tính giá thành.

Kết thúc giai đoạn tập hợp chi phí sản xuất, kế toán cần kiểm tra để kết chuyển chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm vì đây là giai đoạn sau của quá trình hoạch toán chi phí. Tính toán đúng và đầy đủ chi phí cho từng loại sản phẩm sẽ tạo điều kiện cho nhà quản lý đánh giá được quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Để có phương pháp tính giá thành hợp lý, phù hợp với đặc điểm tổ chức, trình độ quản lý của doanh nghiệp, Công ty cổ phần sản xuất và thương

mại Song Hải đã sử dụng phương pháp tính giá thành sản phẩm theo phương pháp giản đơn.

Sau khi tập hợp toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ chi tiết theo từng loại sản phẩm, kế toán tiến hành tính giá thành sản phẩm.

Công thức tính giá sp:

Z = Chi phí dở dang đầu kỳ + Chi phí phát sinh trong kỳ - Chi phí dở dang cuối kỳ

$$z_{đv} = \frac{Z}{Q_{ht}}$$

Trong đó:

Z: Tổng giá thành.

$z_{đv}$: Giá thành đơn vị.

Q_{ht} : Sản lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

Ví dụ: Tính giá thành sản phẩm của Bàn học sinh cấp I biết:

- Chi phí dở dang đầu kỳ = 0
- Chi phí phát sinh trong kỳ bao gồm:
  + Chi phí NVL TT = 621.920.028
  + Chi phí NCTT = 449.531.436
  + Chi phí sản xuất chung = 238.857.809
- Chi phí dở dang cuối kỳ = 0(sản phẩm Bàn ghế học sinh cấp I được sản xuất và hoàn thành trong quý nên không có dở dang cuối kỳ).

Trong kỳ doanh nghiệp sản xuất được 1200 cái.

Tổng giá thành được xác định:

Z = 0 + 621.920.028 + 449.531.436 + 238.857.809 – 0 = 1.310.309.273

$z_{đv}$ = 1.310.309.273: 1100= 1.091.190 đ/bộ

Biểu số 2.21

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SONG HẢI

Địa chỉ: Số 124 Điện Biên Phủ, thành phố Hải Dương.

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT

Từ ngày 01/10/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị: đồng

TT	Tên sản phẩm	CPNVLTT	CPNCTT	CPSXC	Tổng
1	**Bàn ghế học sinh cấp I**	**621.920.028**	**449.531.436**	**238.857.809**	**1.310.309.273**
2	Bàn ghế học sinh cấp II	627.664.992	200.628.000	241.100.605	1.069.393.597
3	Tủ đựng hồ sơ	536.367.454	202.446.193	206.337.262	945.150.909
4	Cầu trượt	556.754.750	191.428.960	214.187.049	962.370.759
5	Bàn ghế mẫu giáo	572.856.444	190.714.978	220.915.439	984.486.861
	Cộng	**2.915.563.668**	**1.234.749.567**	**1.121.398.164**	**5.271.711.399**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập	***Kế toán trưởng***	***Giám đốc***
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.22

Mẫu số S36- DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SONG HẢI
Số 124 Điện Biên Phủ, thành phố Hải Dương.

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Từ ngày 01/10/2012 đến ngày 31/12/2012

Tên tài khoản: CP NVL TT
Tài khoản: 1541

Tên sản phẩm, dịch vụ: Bàn nghế học sinh cấp I

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền		Chia ra		
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	CP NVLTT	CP NCTT	CP SXC
			Số dư đầu quý						
31/12	BTGT QIV	31/12	Kết chuyển CP NVL TT	621	621.920.028		621.920.028		
31/12	BTGT QIV	31/12	Kết chuyển CP NCTT	622	449.531.436			449.531.436	
31/12	BTGT QIV	31/12	Kết chuyển CP SXC	627	238.857.809				238.857.809
31/12	BTGT QIV	31/12	Nhập kho thành phẩm	155		1.310.209.273			
			Cộng số phát sinh:		**1.310.309.273**	**1.310.309.273**	**621.920.028**	**449.531.436**	**238.857.809**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ	***Kế toán trưởng***	***Giám đốc***
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Biểu số 2.23

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SONG HẢI
Số 124 Điện Biên Phủ, thành phố Hải Dương

Mẫu số S03B - DN
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: TK 154

Từ ngày 01/10/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		**194.734.634**	
31/12	BTGT QIV	31/12	Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	621	2.915.563.668	
31/12	BTGT QIV	31/12	Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp	622	1.234.749.567	
31/12	BTGT QIV	31/12	Kết chuyển chi phí sản xuất chung	627	1.121.398.164	
31/12	BTGT QIV	31/12	Nhập kho thành phẩm các loại sản xuất được trong kỳ	155		5.328.678.900
			Cộng phát sinh:		**5.271.711.399**	**5.328.678.900**
			Số dư cuối kì:		**137.767.133**	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu	***Kế toán trưởng***	***Giám đốc***
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Biểu số 2.24

Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải

Số 124 Điện Biên Phủ, thành phố Hải Dương.

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

Từ ngày 01/10/2012 đến 31/12/2012

Chỉ tiêu	SP HT	DD đầu kì	SPS trong kỳ				DD cuối kỳ	Tổng giá thành	$Z_{đơn\ vị/bộ}$
			CP NVLTT	CP NCTT	CP SXC	Cộng			
Bàn học sinh cấp I	**1.100**	**0**	**621.920.028**	**449.531.436**	**238.857.809**	**1.310.309.273**	**0**	**1.310.309.273**	**1.191.190**
Bàn học sinh cấp II	**700**	107.452.256	627.664.992	200.628.000	241.100.605	1.069.393.597	91.889.656	1.084.956.197	1.549.937
Tủ hồ sơ	**600**	60.039.748	536.367.454	202.446.193	206.337.262	945.150.909	45.877.477	959.313.180	1.598.855
Cầu trượt	**650**	0	556.754.750	191.428.960	214.187.049	962.370.759	0	962.370.759	1.480.570
Bàn ghế mẫu giáo	**800**	27.242.630	572.856.444	190.714.978	220.915.439	984.486.861	0	1.011.729.491	1.264.662
Tổng cộng		**194.734.634**	**2.915.563.668**	**1.234.749.567**	**1.121.398.164**	**5.271.711.399**	**137.767.133**	**5.328.678.900**	

Cuối kỳ, bàn học sinh cấp 2 còn dở dang 100 bộ, tủ hồ sơ còn dở dang 50 bộ

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu	***Kế toán trưởng***	***Giám đốc***
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

CHƯƠNG III
MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẰM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM NHẰM TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÍ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SONG HẢI.

3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm.

Cùng với sự phát triển của đất nước, Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải là một đơn vị rất nhạy bén trong công tác quản lý, phát huy những ưu điểm vốn có, công ty đã và đang tìm ra cho mình những bước đi mới và có những khởi sắc đáng mừng. Công ty đã khẳng định vị trí của mình trên thị trường bằng các sản phẩm có chất lượng cao, giá thành hạ. Sự nhạy bén, linh hoạt trong công tác quản lý kinh tế đã giúp công ty từng bước hoà nhập với nhịp điệu phát triển kinh tế của đất nước, hoàn thành nhiệm vụ cấp trên giao, chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tìm kiếm mở rộng thị trường, tăng lợi nhuận để tái sản xuất mở rộng, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công nhân viên trong toàn Công ty. Đặc biệt trong thời kỳ hiện nay khi Nhà nước đang áp dụng chính sách mở cửa, công ty đã và đang tìm kiếm bạn hàng, tìm kiếm đối tác kinh doanh để từng bước thâm nhập vào thị trường thế giới. Những thành quả công ty đã đạt được chỉ là bước khởi đầu, với sự lỗ lực không ngừng, trong tương lai công ty sẽ tiến xa hơn.

Bên cạnh việc tổ chức một bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý hoá sản xuất Công ty đặc biệt chú trọng tới công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Hạch toán đúng từ khâu chi phí sản xuất và hạch toán chính xác giá thành sản phẩm tạo điều kiện cung cấp các thông tin cần thiết cho Ban Giám đốc Công ty ra các quyết định đúng đắn, góp phần mang lại thắng lợi cho đơn vị trong điều kiện cạnh tranh thị trường.

Vấn đề tiết kiệm ngày càng được đề cao, nhất là tiết kiệm chi phí sản xuất, đó là mục tiêu phấn đấu, là một nhiệm vụ chủ yếu của Công ty. Vì vậy để

đáp ứng yêu cầu quản lý nói chung và công tác quản lý chi phí nói riêng, nhất là trong điều kiện đổi mới hiện nay, đòi hỏi công ty phải tổ chức kế toán chi phí công ty và tính giá thành sản phẩm một cách chính xác, theo đúng nguyên tắc về đánh giá, phản ánh theo đúng giá thực tế tại mỗi thời điểm phát sinh chi phí, hạch toán và phân bổ chi phí theo đúng địa điểm phát sinh, đúng các đối tượng chịu chi phí, đối tượng tính giá thành, vận dụng phương pháp tính giá thành thích hợp vào từng đối tượng tính giá.

Xuất phát từ nhận thức về tầm quan trọng của việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, công ty đã có những chuyển biến cơ bản trong việc hạch toán chi phí sản xuất từ khâu xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành đến kế toán chi phí tổng hợp, kế toán chi phí giá thành, thực hiện việc ghi chép phản ánh một cách kịp thời, đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, các chi phí hoạt động tính vào giá thành của sản phẩm và hạch toán phân bổ chi phí sản xuất chung.

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải được tìm hiểu về công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm em đã thấy được những ưu nhược điểm của công ty như sau:

3.1.1. Ưu điểm:

- Về tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán tại công ty

- Với bộ máy quản lý gọn nhẹ, các phòng ban chức năng đủ đáp ứng nhu cầu chỉ đạo và kiểm tra các hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty đã đảm bảo quản lý và hạch toán các yếu tố chi phí của quá trình sản xuất một cách tiết kiệm, có hiệu quả. Cụ thể công ty đã quản lý lao động có trọng tâm và luôn động viên khuyến khích đối với lao động. Công ty áp dụng hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Hình thức này có ưu điểm là đảm bảo sự tập trung, thống nhất và chặt chẽ trong việc chỉ đạo công tác kế toán, giúp doanh nghiệp kiểm tra, chỉ đạo sản xuất kịp thời, giảm nhẹ biên chế trong bộ máy làm việc.

- Phòng kế toán của công ty được bố trí gọn nhẹ, với đội ngũ kế toán trẻ, nhiệt tình và trung thực đã xây dựng được hệ thống sổ sách kế toán - Cách thức

ghi chép, phương pháp hạch toán khoa học, hợp lý, phù hợp với yêu cầu mục đích của chế độ kế toán mới. Tổ chức công tác kế toán quản trị, tài chính rõ ràng, khoa học giúp giảm bớt khối lượng kế toán, kế toán viên có thể đáp ứng đầy đủ thông tin hữu dụng đến với yêu cầu quản lý của công ty cũng như các đối tượng liên quan khác.

- Về hệ thống sổ sách, chứng từ, phương pháp hạch toán tại công ty

- Hình thức sổ được sử dụng hiện nay ở Công ty là hình thức Nhật ký chung. Đây là hình thức sổ ghi chép đơn giản, thuận tiện.

- Nhìn chung, hệ thống chứng từ tại Công ty được tổ chức đầy đủ và hợp lý căn cứ trên các quy định của chế độ chứng từ kế toán do Bộ Tài chính ban hành và đặc điểm kinh doanh của Công ty. Đồng thời kế toán Công ty cũng đã xây dựng được trình tự luân chuyển chứng từ một cách hợp lý, đảm bảo nguyên tắc nhanh chóng, kịp thời và không ảnh hưởng đến các bộ phận khác. Nhờ thế, công tác kế toán nói chung được thực hiện minh bạch, rõ ràng, có căn cứ vững chắc và công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm sản xuất nói riêng tại Công ty được tiến hành nhanh chóng, kịp thời, đáp ứng đầy đủ thông tin cần thiết cho Ban Giám đốc.

- Công ty lựa chọn đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm hoàn thành. Lựa chọn như vậy, công ty có thể theo dõi chi phí theo từng loại sản phẩm hoàn thành, có thể xác định được lợi nhuận theo từng sản phẩm.

- Phương pháp tính giá thành áp dụng tại Công ty là phương pháp trực tiếp. Sử dụng phương pháp này sẽ giúp công tác tính giá thành đơn giản hơn, công việc tính toán của kế toán sẽ nhẹ nhàng hơn, tránh được những sai sót không đáng có do nhầm lẫn trong việc tính toán.

- Phương pháp, nguyên tắc tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty đều căn cứ trên những quy định do Bộ Tài chính ban hành. Hệ thống chứng từ ban đầu được tổ chức hợp pháp, hợp lý và đầy đủ. Do đó, công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty luôn đảm bảo chính xác và kịp thời. Điều này rất có lợi vì Công ty luôn có đầy đủ thông tin về chi phí, giá thành khiến cho việc quản lý, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm

dễ thực hiện hơn.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho tại công ty là phương pháp kê khai thường xuyên, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý, giúp Ban Giám đốc thường xuyên nắm được tình hình biến động hàng tồn kho và ra Quyết định một cách nhanh chóng, chính xác và kịp thời.

➢ Về tổ chức quản lý lao động, quản lý vật tư.

Công ty đã quản lý lao động có trọng tâm, luôn động viên, khuyến khích đối với lao động có tay nghề cao bằng chế độ thưởng, phạt.

Việc quản lý và mua sắm vật tư được giao cho các phân xưởng nhưng phải đảm bảo phù hợp với giá cả thị trường tại địa điểm và thời điểm dưới sự giám sát chặt chẽ của Ban vật tư công ty.

3.1.2 Những tồn tại của công ty.

Thứ nhất: Về bộ máy kế toán và công tác ghi chép sổ sách kế toán:

Hiện nay, Công ty chỉ có 4 cán bộ kế toán trình độ chuyên môn chưa cao phân công công việc chưa hợp lý. Số lượng nhân viên kế toán ít khối lượng công việc nhiều. Công ty hiện đang dùng kế toán bằng tay chưa áp dụng các phần mềm kế toán không thể đáp ứng được số liệu khi cần một cách chính xác và nhanh chóng.

Thứ hai: Về việc trích BHTN và KPCĐ cho CBCNV trong công ty.

Hiện tại công ty không trích BHTN và KPCĐ cho CBCNV, việc này đã tác động không nhỏ đếm năng suất và ý thức làm việc của CBCNV khi mà không được hưởng đầy đủ chế độ chính sách mà nhà nước quy định.

Thứ ba: Về đánh giá sản phẩm dở dang cuối kì

Tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải hiện tại đang đánh giá giá trị sản phẩm dở dang cuối kì theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp so sánh với bảng tính giá thành mô tả ở phần 2 ta thấy chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung cũng chiếm tỉ trọng khá lớn trong giá thành sản phẩm. Trong khi đó phương pháp này lại giả định chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phản ánh toàn bộ vào giá thành sản phẩm, vì vậy giá trị sản phẩm dở dang cuối kì doanh nghiệp tính toán ra thiếu chính xác làm ảnh hưởng

đến tính chính xác của giá thành sản phẩm.

Thứ tư: Về việc lưu giữ và luân chuyển chứng từ

Chứng từ kế toán rất quan trọng đối với công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm nói riêng. Hiện nay do công ty mới đi vào hoạt động nên việc lưu giữ và bảo quản chứng từ vẫn chưa hợp lý, chưa có sự ký nhận giữa các bên khi bàn giao chứng từ. Điều đó có thể dẫn đến việc thất lạc chứng từ mà không tìm ra được nguyên nhân ảnh hưởng đến việc hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Thứ năm: Việc xây dựng định mức dự trữ, công tác kế toán nguyên vật liệu và bảo quản nguyên vật liệu trong kho.

Công ty chưa chú trọng việc xây dựng kho tàng để bảo quản nguyên vật liệu làm đôi khi nguyên vật liệu mốc, bị ẩm.., không quản lý được định mức dự trữ vật liệu làm nhiều lúc nguyên vật liệu ứ đọng hoặc khan hiếm vật liệu làm ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất của doanh nghiệp.

Thứ sáu:Về đánh giá thiệt hại trong sản xuất.

- Công ty không hạch toán các khoản thiệt hại trong sản xuất như thiệt hại về sản phẩm hỏng, thiệt hại ngừng sản xuất, do đó không có sự so sánh giữa các kỳ về chất lượng sản phẩm, giá trị sản phẩm hỏng ngoài định mức vẫn tính vào giá trị sản phẩm hoàn thành trong kỳ do đó đã phản ánh chưa chính xác giá thành sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm nhằm tăng cường công tác quản lí chi phí tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải.

Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải.

Hiện nay, xu hướng hội nhập cùng toàn cầu đang diễn ra mạnh mẽ trong tất cả các lĩnh vực. Trong đó, lĩnh vực kế toán là một công cụ quan trọng trong công tác quản lý kinh tế, giúp các doanh nghiệp ngày càng phát triển. Chính vì vậy nhà nước ta vẫn tiếp tục xây dựng luật, chuẩn mực và ban hành các thông tư hướng dẫn thực hiện công tác kết toán để có một xu hướng phù hợp với tiêu

chuẩn chung của quốc tế. Mục tiêu của Nhà nước là chỉ tạo ra khung pháp lý để các doanh nghiệp tự tìm ra và áp dụng các phương pháp hạch toán phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp mình, đồng thời tối đa hoá khả năng sử dụng thông tin cho các đối tượng khác nhau. Đứng trước những thay đổi đó, Công ty cần hoàn thiện công tác kế toán để hòa nhập với sự phát triển chung của thế giới và có khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Bên cạnh đó dưới sự điều tiết của các quy luật kinh tế trong nền kinh tế thị trường, muốn tồn tại và phát triển bền vững, các doanh nghiệp luôn phải tìm mọi mọi biện pháp để khẳng định vị trí của mình. Vấn đề này bao trùm, xuyên suốt hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nó phụ thuộc rất lớn vào hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà trong đó nhiệm vụ hàng đầu là tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm. Cùng với các biện pháp như xác định mức tiêu hao nguyên vật liệu, tận dung tối đa công suất máy móc thiết bị, bố trí lao động hợp lý, nâng cao năng suất lao động… thì việc tổ chức công tác công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm sẽ giúp các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra những quyết định quản lý tối ưu. Và để thực hiện tốt nhất chức năng và nhiệm vụ của mình thì kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm luôn phải tìm ra và khắc phục nhưng thiếu sót và hạn chế, phát huy những ưu điểm, thuận lợi đã có. Vì vậy việc hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm là yêu cầu khách quan, cần thiết và có ý nghĩa chiến lược với sự phát triển của công ty.

✓ ***Yêu cầu cơ bản của việc hoàn thiện đề tài nghiên cứu.***

- Đem lại hiệu quả về mặt kinh tế so với hình thức và thực trạng đang áp dụng tại doanh nghiệp.

- Những biện pháp hoàn thiện phải tuân thủ theo các quy định, chuẩn mực chung và không vi phạm pháp luật.

- Các biện pháp này phải phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp.

✓ ***Nguyên tắc phải hoàn thiện tổ chức công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải .***

Việc hoàn thiện công tác tổ chức kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng cần dựa trên những cơ sở sau:

- **Thứ nhất**: Đảm bảo sự phù hợp giữa đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán chung. Bởi vì mỗi doanh nghiệp có những đặc điểm riêng, do đó vận dụng chế độ kế toán một cách linh hoạt, hợp lý trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tính chất hoạt động và quy mô của mình sẽ giúp doanh nghiệp đạt hiệu quả cao trong trong công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng.

- **Thứ hai:** Đảm bảo sự tuân thủ và thống nhất chặt chẽ giữa những quy định trong tổ chức kế toán Nhà nước, trong chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành với chế độ kế toán đặc thù của ngành sản xuất kinh doanh.

- **Thứ ba:** Đặc biệt sử dụng tiết kiệm và hiệu quả trong việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp. Muốn vậy phải tổ chức công tác kế toán khoa học, hợp lý, tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của kế toán để chất lượng công tác kế toán đạt được là cao nhất với chi phí thấp nhất.

- **Thứ tư**: Đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản trị doanh nghiệp bởi vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời và chính xác để nhà quản trị ra quyết định đúng đắn, tối ưu.

✓ **Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành.**

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải, được sự chỉ bảo tận tình của các anh, các chị phòng tài chính kế toán công ty, em đã có điều kiện tìm hiểu hoạt động sản xuất kinh doanh và thực trạng công tác tổ chức hạch toán kế toán của công ty. Dưới góc độ là một sinh viên thực tập với sự nhiệt tình nghiên cứu, em xin đưa ra một số ý kiến về phương hướng hoàn thiện những tồn tại trong hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm sản xuất tại công ty như sau:

Ý kiến 1: Về bộ máy kế toán và công tác ghi chép sổ sách kế toán

Tổ chức công tác kế toán diễn ra một cách thuận lợi thì người kế toán phải có trình độ chuyên môn, hiểu được quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Do số lượng công việc nhiều nhưng công ty mới chỉ có 4 nhân viên kế toán làm cho khối lượng công việc thường bị dồn vào cuối quý. Nhân viên kế toán của công ty những người trẻ tuổi chưa có nhiều kinh nghiệm, trình độ chuyên môn còn kém. Vì vậy để thực hiện giải pháp trên thì công ty cần tuyển thêm nhân viên kế toán có kinh nghiệm. Kế toán trưởng phải sắp xếp bộ máy kế toán đúng người đúng việc.

Công ty nên áp dụng khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán như việc sử dụng phần mềm kế toán. Hiện nay, có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA, BRAVO, phần mềm kế toán Việt Nam - KTVN, FAST, SASINNOVA…Công ty nên chọn một phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm của Công ty và đưa các kế toán đi đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn và cách sử dụng phần mềm kế toán. Việc áp dụng phần mềm kế toán để giảm bớt công việc của kế toán giúp cho kế toán có thể đưa ra các báo cáo nhanh chóng, chính xác nhất phục vụ cho công tác quản trị của ban giám đốc. Giúp ban giám đốc có thể đưa ra các quyết định kinh doanh kịp thời tạo lợi thế cho doanh nghiệp trong kinh doanh. Tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho các đối tượng bên ngoài. Đồng thời giải phóng các kế toán viên khỏi công việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu trong việc tính toán số học đơn giản nhàm chán để họ có thể dành nhiều thời gian cho lao động sáng tạo của cán bộ quản lý.

- **Ý kiến 2**: ***Về việc trích BHTN và KPCĐ cho CBCNV trong công ty.***

Để đảm bảo quyền lợi cho người lao động công ty nên trích BHTN, KPCĐ cho người lao động. Khi người lao động đã đảm bảo được những quyền lợi thì họ sẽ tích cực lao động, tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng, nâng cao năng suất nên tạo ra nhiều lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Các khoản trích theo lương công ty tính như sau:

- BHTN: tính bằng 2% trên tổng quỹ lương cơ bản.

Trong đó: 1% tính vào chi phí sản xuất kinh doanh

1% khấu trừ vào lương của người lao động

- KPCĐ: Tính bằng 2% tiền lương thực tế phải trả người lao động

Trong đó: 2% tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Và khi đó các khoản trích theo lương sẽ là:

Nội dung	BHXH	BHYT	BHTN	KPCĐ	Tổng cộng
Tính vào chi phí SXKD	17%	3%	1%	2%	23%
Trừ vào lương người LĐ	7%	1,5%	1%	0%	9,5%
Tổng	24%	4,5%	2%	2%	32,5%

Ví dụ: Tính các khoản trích theo lương tháng 12/2012.

- Tính lương phải trả CBCNV:

Nợ TK 622: 323.733.612

Nợ 627: 114.484.350

Nợ 641: 100.920.257

Nợ 642: 117.639.601

Có TK 334: 656.777.820

- Trích các khoản theo lương đưa vào chi phí:

Nợ TK 622: 33.560.496

Nợ TK 627: 13.777.909

Nợ TK 641: 12.145.503

Nợ TK 642: 14.157.636

Nợ TK 334: 25.910.928

Có TK 338: 99.552.472

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SONG HẢI

Địa chỉ: 124 Điện Biên Phủ, thành phố Hải Dương

BẢNG PHÂN BỔ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI

Tháng 12 năm 2012

Đơn vị : Đồng

STT	TK ghi Có Bộ phận	TK334		TK338 (Trích các khoản lương đưa vào chi phí)					TK 338 (Trừ vào lương)
		Lương cơ bản	Lương thực tế	BHXH	BHYT	BHTN	KPCĐ	Cộng	BHXH, BHYT
1	**Bộ phận sản xuất(TK 622)**	**134.298.302**	**323.733.612**	**21.130.711**	**8.700.881**	**1.242.938**	**2.485.966**	**33.560.496**	**11.808.293**
	- Phân xưởng số 1	**68.493.239**	**120.012.220**	**9.093.850**	**3.744.527**	**534.932**	**1.069.865**	14.443.174	**5.081.857**
	- Phân xưởng số 2	45.760.987	102.664.892	7.779.368	3.203.269	457.610	915.220	12.355.467	4.347.294
	….	….	….	…	…			…	…
2	Bộ phận QLPX - TK 627	51.029.293	114.484.350	8.674.980	3.572.050	510.293	1.020.586	13.777.909	4.847.783
3	Bộ phận bán hàng - TK 641	44.983.348	100.920.257	7.647.169	3.148.834	449.833	899.667	12.145.503	4.273.417
4	Bộ phận QLDN - TK 642	52.435.688	117.639.601	8.914.067	3.670.498	524.357	1.048.714	14.157.636	4.981.390
	Cộng:	**272.746.631**	**656.777.820**	**46.366.927**	**19.092.263**	**2.727.466**	**5.454.933**	**73.641.544**	**25.910.928**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu	*Kế toán trưởng*	*Giám đốc*
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

- ***Ý kiến 3: Hoàn thiện phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang.***

Như đã trình bày ở phần tồn tại, việc đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là không phù hợp với doanh nghiệp. Vì vậy, theo em doanh nghiệp nên chọn phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang cuối kì theo mức độ hoàn thành tương đương vì theo phương pháp này giá trị sản phẩm dở dang cuối kì được xác định bao gồm cả 3 khoản mục: CP NVLTT, CPNCTT và CPSXC. Như vậy giá thành sản phẩm tính toán sẽ đảm bảo chính xác hơn.

Công thức tính:

$$\text{Khoản mục chi phí sản xuất nằm trong sản phẩm dở dang} = \frac{\text{Khoản mục chi phí sản xuất nằm trong sản phẩm dở dang đầu kỳ} + \text{Khoản mục chi phí sản xuất thực tế phát sinh trong kỳ}}{\text{Qht} + \text{Qdd quy đổi}} * \text{Qdd quy đổi}$$

Qdd quy đổi: Số lượng sản phẩm dở dang quy đổi

Qht : Số lượng thành phẩm hoàn thành

Qdd quy đổi = Qdd * tỷ lệ hoàn thành.

$$\text{Sản phẩm dở dang CK} = \text{Dck Chi phí NVL chính} + \text{Dck Chi phí NVL phụ} + \text{Dck Chi phí NC TT} + \text{Dck Chi phí SX chung}$$

- ***<u>Ý kiến 4</u>: Về việc luân chuyển chứng từ.***

Do công ty mới đi vào hoạt động lưu giữ và luân chuyển chứng từ chưa có khoa học dễ dẫn đến hiện tượng mất mát chứng từ. Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi giao nhận chứng từ thì các bên đều phải ký nhận vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý.

Việc này giúp quản lý chặt chẽ chứng từ của công ty. Đồng thời nâng cao tinh thần trách nhiệm đối với quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Dưới đây, em xin mở phiếu giao nhận chứng từ.

PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Từ ngày.... đến ngày….

Tên chứng từ	Số hiệu chứng từ	Số lượng chứng từ	Số tiền	Ký nhận
1	2	3	4	5

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

- ***<u>Ý kiến 5</u>: Về công tác kế toán nguyên vật liệu, xác định định mức dự trữ, bảo quản nguyên vật liệu.***

➢ Công tác kế toán nguyên vật liệu

Trong thực tế tỷ lệ nguyên vật liệu hao hụt qua quá trình sản xuất ở các phân xưởng của công ty khá cao: 3 - 4 %. Như vậy là lãng phí nguyên vật liệu, vì vậy để quản lý sát sao hơn khoản chi phí nguyên vật liệu, công ty nên áp dụng thêm một số biện pháp sau:

- Kiểm tra chặt chẽ các chứng từ ghi chép tình hình nhập xuất nguyên vật liệu. Tổ chức đối chiếu định kỳ, bất thường kho nguyên vật liệu với số liệu của phòng kế toán để cuộc kiểm tra đạt hiệu quả.

- Theo dõi chặt chẽ số liệu phản ánh tình hình sử dụng nguyên vật liệu trong sản xuất được bộ phận sản xuất báo cáo, nhanh chóng phát hiện và tìm

hiểu khi số lượng lãng phí, thất thoát vượt quá mức độ cho phép trong quá trình sản xuất, nếu có.

- Tất cả quá trình nhập xuất và quản lý nguyên vật liệu đều do phòng kế toán chịu trách nhiệm và chưa có sự phân công công việc rõ ràng dẫn đến việc cung ứng vật tư chưa kịp thời. Trong khi các sản phẩm của công ty được thực hiện với giá trị tương đối lớn và cần đảm bảo tiến độ cũng như chất lượng sản phẩm khẳng định uy tín với các khách hàng. Theo em công ty nên thành lập một phòng ban hoặc một bộ phận chuyên trách về lĩnh vực cung ứng vật tư phục sản xuất. Bộ phận này có nhiệm vụ liên hệ với nhà cung cấp, tìm các đối tác có khả năng cung cấp vật liệu đảm bảo chất lượng, số lượng và chủng loại cho công tác sản xuất. Sau đó làm hợp đồng và các thủ tục mua bán các loại nguyên vật liệu cần thiết.

Công ty nên hạch toán mức hao hụt trong định mức Nhà nước quy định khi xuất hàng bán vào TK 632 - Giá vốn hàng bán thì mới đúng theo chế độ kế toán hiện hành và xác định được giá vốn hàng bán chính xác hơn vì sự hao hụt này là do thời tiết và phương tiện kỹ thuật.

Công ty nên xác định số lượng hao hụt theo công thức:(Hao hụt trong quá trình sử dụng).

$$\text{Số lượng hao hụt} = \text{Số lượng hiện có} \times \text{Tỷ lệ hao hụt định mức}$$

Giá trị hao hụt = Số lượng hao hụt x Đơn giá quy định

Như thế sẽ xác định đúng giá trị của hàng hoá bị hao hụt.

Nếu hao hụt trong định mức cho phép thì Công ty hạch toán vào chi phí.

Nợ TK 632: Lượng hao hụt định mức.

Có TK 152: Lượng hao hụt định mức.

Nếu lượng nguyên vật liệu hao hụt > định mức cho phép thì hạch toán vào nguyên vật liệu thiếu chưa rõ nguyên nhân.

Nợ TK 1381 : Lượng hao hụt vượt định mức.

Nợ TK 632 : Lượng hao hụt định mức.

Có TK 152 : Tổng lượng hao hụt định mức.

Cách xác định như vậy sẽ giúp cho Công ty biết rõ số lượng hao hụt cũng như giá trị để Công ty có biện pháp cũng như đổi mới phương tiện kỹ thuật để hạn chế sự hao hụt khi nhận nguyên vật liệu cũng như khi xuất nguyên vật liệu.

- Về xác định định mức dự trữ, bảo quản nguyên vật liệu.

- Bảo quản nguyên vật liệu là khâu rất quan trọng liên quan đến quá trình sản xuất của doanh nghiệp. Vì vậy công ty cần phải chú ý đến khâu bảo quản nguyên vật liệu bằng việc xây dựng và bố trí hệ thống kho tàng, thiết bị kỹ thuật đầy đủ trên cơ sở phân loại theo tính chất cơ, lý, hoá của từng loại nguyên vật liệu để có biện pháp bảo quản tốt nhất...Nhìn chung các loại nguyên vật liệu thường dễ hỏng dưới tác động của môi trường, khí hậu... và dễ mất mát, hao hụt nên rất khó khăn trong công tác bảo quản. Chi phí cho việc bảo quản đôi khi rất lớn, do vậy công ty nên tính đến hiệu quả của chi phí này có nghĩa là phải tính được tỷ lệ hợp lý giữa giá vật liệu với chi phí bảo quản chúng. Công ty nên xây dựng trong mỗi kho phải có ngăn, giá, kê, bục, có đủ phương tiện phòng chống ẩm thích ứng với từng loại vật liệu và thuốc phòng sâu mọt, mối, v.v. Sắp xếp vật liệu, máy móc thiết bị trong kho, lán, bãi phải thứ tự, hệ thống từng loại, có hàng lối, có chổ đi lại, di chuyển vật liệu máy móc dễ dàng.

- Vị trí kho, lán, bãi phải thuận lợi, phải xa những nơi bẩn thỉu, xa những phân xưởng hàn đúc, xa những nơi có chứa khí "các-bô-níc " khi "Hy-đơ-rô" khí lưu huỳnh, xa những khu nhà ở, nhà bếp v.v…Phải xa đường dây cao thế ít nhất là 50 m.

- Phải tổ chức hệ thống kho tàng đảm bảo an toàn cho vật liệu cả về số lượng và chất lượng. Phát hiện và ngăn ngừa những biểu hiện vi phạm làm thất thoát vật liệu. Công ty nên xây dựng bảng tính định mức dự trữ nguyên vật liệu để tránh tình trạng khan hiếm nguyên vật liệu hoặc ứ đọng nguyên vật liệu. Định kỳ công ty có nên cử cán bộ kế toán đi kiểm tra số nguyên vật liệu đã sử dụng. Có thể lập báo cáo phân bổ nguyên vật liệu như sau:

Mã NVL	Tên NVL	Đơn vị tính	Định mức đơn vị	Tiêu hao định mức	Tiêu hao thực tế
	Cộng				

- **<u>Ý kiến 6:</u>** ***: Về các khoản thiệt hại trong sản xuất.***

Thiệt hại trong sản xuất là điều khó tránh khỏi trong quá trình sản xuất kinh doanh. Những thiệt hại này có thể do nguyên nhân chủ quan của doanh nghiệp, cũng có thể do nhân tố khách quan gây nên nhưng đều ảnh hưởng đến chi phi sản xuất và giá thành sản phẩm. Những thiệt hại trong sản xuất có nhiều loại song chủ yếu gồm thiệt hại về sản phẩm hỏng và thiệt hại ngừng sản xuất.

- Thiệt hại về sản phẩm hỏng

Sản phẩm hỏng là những sản phẩm đang trong quá trình sản xuất hoặc sản xuất xong nhưng có những sai phạm về mặt tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến chất lượng, mẫu mã, quy cách. Những sai phạm này có thể do những nguyên nhân liên quan đến trình độ lành nghề, chất lượng vật liệu, tình hình trang bị kỹ thuật, việc chấp hành kỷ luật lao động, sự tác động của điều kiện tự nhiên.

Hiện tại Công ty không hạch toán khoản thiệt hại này. Do sản phẩm hỏng của Công ty tương đối nhỏ nên thiệt hại về sản phẩm hỏng do thành phẩm gánh chịu. Tuy nhiên nếu thành phẩm phải chịu chi phí thiệt hại do sản phẩm hỏng sẽ làm tăng giá thành của thành phẩm. Bởi vậy Công ty nên hạch toán khoản thiệt hại này bằng cách tìm đúng nguyên nhân để xử lý đúng đắn. Nếu sản phẩm hỏng là do người lao động gây ra thì phải yêu cầu bồi thường để nâng cao ý thức trách nhiệm của người lao động trong quá trình sản xuất. Nếu sản phẩm hỏng do lỗi kỹ thuật thì cần có biện pháp khắc phục để hạn chế thấp nhất thiệt hại.

Tuỳ theo mức độ hư hỏng và khối lượng, sản phẩm hỏng được chia làm:

- Sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được: Là sản phẩm hỏng mà điều kiện kỹ thuật cho phép sửa chữa được và việc sửa chữa có lợi về mặt kinh tế.

- Sản phẩm hỏng không sửa chữa được: Là sản phẩm hỏng mà điều kiện kỹ thuật không cho phép sửa chữa hoặc việc sửa chữa không có lợi về mặt kinh tế.

- Sản phẩm hỏng trong định mức: Là những sản phẩm hỏng mà doanh nghiệp dự kiến sẽ xảy ra trong quá trình sản xuất. Đây là những sản phẩm hỏng được xem là không tránh khỏi trong quá trình sản xuất cho nên phần chi phí cho những sản phẩm này được coi là chi phí sản xuất của chính phẩm. Doanh nghiệp buộc chấp nhận có tỷ lệ sản phẩm hỏng nhất định.

- Sản phẩm hỏng ngoài định mức: Là những sản phẩm hỏng nằm ngoài dự kiến của doanh nghiệp do các nguyên nhân bất thường như máy hỏng, hoả hoạn bất chợt… Do xảy ra bất thường nên chi phí của chúng không được cộng vào chi phí sản xuất chính phẩm mà được xem là khoản phí tổn thời kỳ, phait trừ vào thu nhập.

Thiệt hại về sản phẩm hỏng trong định mức được tính như sau:

Thiệt hại về sản phẩm hỏng trong định mức	=	Giá trị sản phẩm hỏng không sửa chữa được	+	Chi phí sửa chữa sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được	-	Giá trị phế liệu thu hồi (nếu có)

Toàn bộ giá trị thiệt hại này tính vào chi phí sản xuất và được hạch toán như đối với chính phẩm.

Đối với giá trị sản phẩm hỏng ngoài định mức, kế toán phải theo dõi riêng, đồng thời xem xét nguyên nhân gây ra sản phẩm hỏng để có biên pháp xử lý.

Tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải do đặc điểm sản xuất theo kĩ thuật và bản vẽ, do đặc điểm máy móc của Công ty, công ty chỉ có sản phẩm hỏng sửa chữa được chứ không có sản phẩm hỏng không sửa được. Vì vậy bút toán hạch toán chi phí thiệt hại được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 3.2: Sơ đồ hạch toán về sản phẩm hỏng sửa chữa được

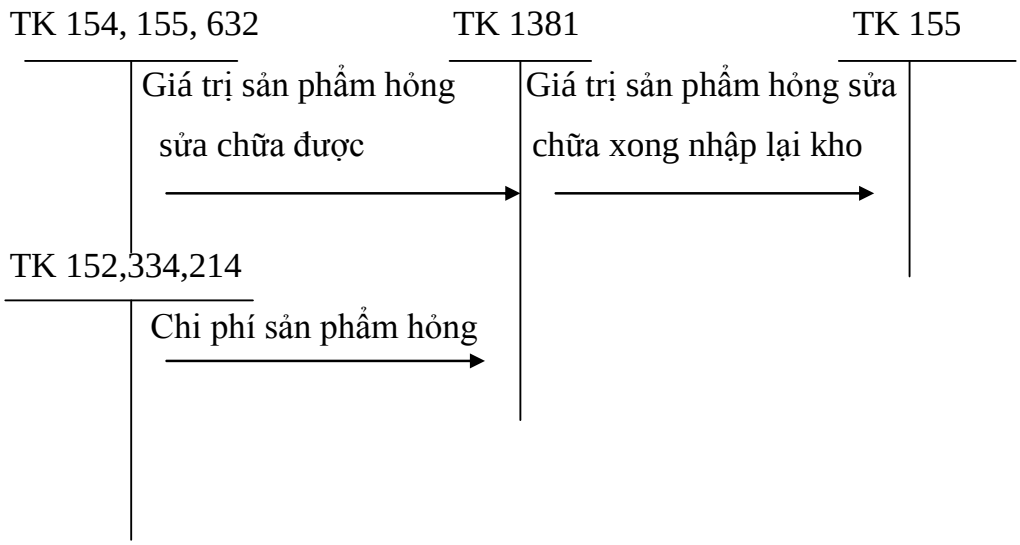

KẾT LUẬN

Công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải nói riêng là một vấn đề tương đối phức tạp và có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả công tác quản lí chi phí tại doanh nghiệp.

Trên cơ sở vận dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu, đề tài đã phân tích làm rõ một số vấn đề lý luận về công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp. Đồng thời cũng đã vận dụng lý luận vào nghiên cứu thực tiễn ở Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải, trên cơ sở đó đưa ra những nội dung hoàn thiện phù hợp và có khả năng thực hiện được.

Thông qua các nội dung đã trình bày, đề tài đã hoàn thành các nhiệm vụ sau đây:

- Về mặt lý luận: đề tài đã hệ thống lại chế độ kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.

- Về mặt thực tế: đã mô tả khá chi tiết về thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải

- Trên cơ sở đối chiếu những vấn đề lý luận trong nghiên cứu với thực tế công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải, đề tài đã đưa ra một số ý kiến hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm nhằm nâng cao công tác quản lí chi phí ở Công ty, đó là các giải pháp:

+ Công ty nên áp dụng các phần mềm kế toán vào công tác kế toán để đáp ứng được số liệu khi cần một cách chính xác và nhanh chóng. Và nên tuyển thêm nhân viên kế toán có trình độ nghiệp vụ cao, có kinh nghiệm.

+ Để đảm bảo quyền lợi cho người lao động công ty nên trích BHTN, KPCĐ cho người lao động.

+ Áp dụng phương pháp đánh giá dở dang cuối kì theo mức độ hoàn thành tương đương thay vì áp dụng theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Để đảm bảo tính chính xác cho việc tính giá thánhản phẩm.

+ Lập phiếu giao nhận chứng từ để mỗi khi giao nhận chứng từ thi bên giao và bên nhận kí vào đó tránh gây thất thoát, lạc, mất chứng từ phục vụ cho công tác kế toán đảm bảo tính đầy đủ và chính xác.

+ Tăng cường công tác kế toán nguyên vật liệu, xác định định mức dự trữ, bảo quản nguyên vật liệu.

+ Công ty nên đánh giá thiệt hại sản phẩm hỏng không nên để khoản thiệt hại sản phẩm hỏng cho thành phẩm gánh chịu điều này làm tăng giá thành sản phẩm. Nếu sản phẩm hỏng là do người lao động gây ra thì phải yêu cầu bồi thường để nâng cao ý thức trách nhiệm của người lao động trong quá trình sản xuất. Nếu sản phẩm hỏng do lỗi kỹ thuật thì cần có biện pháp khắc phục để hạn chế thấp nhất thiệt hại.

Các giải pháp đưa ra đều xuất phát từ thực tế công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải. Hy vọng sẽ góp phần giúp công ty nâng cao công tác quản lí chi phí trong việc tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm.

Hải phòng, ngày 20 tháng 6 năm 2013

Sinh viên

Cao Thị Quyên

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU 1

Chương I: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT **4**

1.1. Những vấn đề chung về tổ chức công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất 4

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất. 4

1.1.2. Vai trò của tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất. 4

1.1.3. Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. 5

1.1.3.1. Chi phí sản xuất và phân loại chi phí sản xuất. 5

1.1.3.1.1. Chi phí sản xuất. 5

1.1.3.1.2. Phân loại chi phí sản xuất. 5

1.1.3.2. Giá thành sản phẩm và phân loại giá thành sản phẩm. 8

1.1.3.2.1. Giá thành sản phẩm. 8

1.1.3.2.2. Phân loại giá thành. 8

1.1.3.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. 9

1.1.4. Nhiệm vụ của tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất. 9

1.2. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất. 10

1.2.1. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. 10

1.2.2. Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất. 12

1.2.3. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang. 13

1.2.4. Phương pháp tính giá thành. 15

1.3. Tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất. 21

1.3.1. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. 21
1.3.1.1. Kế toán nguyên vật liệu trực tiếp. 21
1.3.1.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp. 24
1.3.1.3. Kế toán chi phí sản xuất chung. 25
1.3.1.4. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất tính giá thành sản phẩm. 28
1.3.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ. 29
1.4. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. 31
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SONG HẢI 36
2.1 Khái quát chung về Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải..... 36
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển..... 36
2.1.2. Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh. 37
2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải. 43
2.1.4.3. Tổ chức hệ thống sổ sách và hình thức kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải..... 44
2.1.4.4. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán. 45
2.2.1.1. Phân loại chi phí sản xuất..... 46
2.2.1.2. Đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải. 47
2.2.1.3. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. 47
2.2.1.4. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp. 56
2.2.1.5. Kế toán chi phí sản xuất chung. 67
2.2.1.6. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất. 84
2.2.2. Kế toán đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải. 84

2.2.3. Kế toán giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải. 85
2.2.3.1. Đối tượng tính giá thành và kì tính giá thành. 85
2.2.3.2. Phương pháp tính giá thành. 85
CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẰM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM NHẰM NÂNG CAO CÔNG TÁC QUẢN LÍ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SONG HẢI. 91
3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm. 91
3.1.1. Ưu điểm: 92
3.1.2 Những tồn tại của công ty. 94
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm nhằm nâng cao công tác quản lí chi phí tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Song Hải. 95
KẾT LUẬN 109